

TẬP SAN

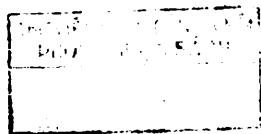
NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT, GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

YẾU MỤC

- ★ TÍCH CỰC ĐẨY MẠNH VIỆC HỌC TẬP CHỦ NGHĨA MÁC — LÊ-NIN MỘT CÁCH HỆ THỐNG TRONG CÁN BỘ SỬ HỌC

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM



- ★ NHÂN DÂN PHƯƠNG ĐÔNG ĐÃ TIẾP THU BÀI HỌC CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

CHIÊM TẾ

- ★ BÁO CÁO CỤ THỂ VỀ NHỮNG MŨI TÊN ĐỒNG TÌM THẦY Ở MIỀN CỎ-LOA

VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG

8

THÁNG 10
1959

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

TẬP SAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

CHỦ NHIỆM: TRẦN HUY LIÊU

Tòa soạn và trị sự: VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

16-18, Phố Hàn Thuyên, Hà-nội - Dãy số: 1083

Số 8 - Tháng 10 - 1959

MỤC LỤC

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM — Tích cực đẩy mạnh việc học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách hệ thống trong cán bộ sử học	1
CHIÊM TẾ — Nhân dân phương Đông đã tiếp thu bài học của Cách mạng tháng Mười như thế nào ?	16
ĐÀO TÙNG — Giá trị to lớn của tác phẩm thiên tài : « Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm » của Lê-nin đối với cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay	41
VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG — Báo cáo cụ thể về những mũi tên đồng tìm thấy ở miền Cổ-loa	58
★ Bàn về việc áp dụng học thuyết Mác — Lê-nin một cách sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề phương Đông (Tập chí « Những vấn đề Đông phương học » số 3 — 1959)	67
TRẦN HUY LIÊU — Phong trào cách mạng Việt-nam qua thơ văn (tiếp theo)	83
TIN TỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ NƯỚC NGOÀI	95

Chú ý : Chúng tôi sẽ đăng tiếp bài « Tầng lớp phú nông trong Cách mạng Việt-nam » của bạn Nguyễn Công Bình vào Tập san số 10.

NHÂN DỊP KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI LẦN THỨ 42

TÍCH CỰC ĐẨY MẠNH VIỆC HỌC TẬP CHỦ NGHĨA MÁC — LÊ-NIN MỘT CÁCH HỆ THỐNG TRONG CÁN BỘ SỬ HỌC

Kỷ niệm Cách mạng tháng Mười năm nay đến giữa lúc toàn nhân dân miền Bắc nước ta đang bước vào tháng cuối của năm bản lề của kế hoạch ba năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữa lúc mà nhân dân ta đang bước vào giai đoạn cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử : giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai đoạn mà chế độ người bóc lột người sẽ vĩnh viễn bị tiêu diệt. Nhìn lại bước đường vinh quang mà Đảng ta đã đi, mỗi người dân Việt-nam yêu nước đều thấy tự hào, phấn khởi và đầy tin tưởng trước những thành tích cách mạng lớn lao của Đảng ta, trước tiền đồ lớn rộng của dân tộc, tương lai xán lạn của Tổ quốc. Từ khi giai cấp công nhân Việt-nam ra đời cho đến lúc mà chính Đảng của nó xuất hiện, trước sau Đảng ta vẫn giữ địa vị độc tôn trong công cuộc lãnh đạo cách mạng Việt-nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong khoảng 15 năm, nhân dân ta đã tạo nên những biến đổi quyết định trong toàn bộ đời sống dân tộc ta thay đổi hẳn bộ mặt của xã hội ta.

Do đâu mà Đảng ta đã đạt được những thành công vĩ đại như vậy trong công cuộc cách mạng Việt-nam ? Có nhiều lý do, có nhiều điều kiện, nhưng lý do chủ yếu nhất, điều kiện căn bản nhất là : vì Đảng ta là chính đảng của giai cấp công nhân, là đảng mác-xít — lê-nin-nít, là đảng đi theo đường lối của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đảng lãnh đạo cách mạng Việt-nam thắng lợi là vì Đảng đã vận dụng một cách sáng tạo chủ

nghĩa Mác — Lê-nin trong thực tiễn của cách mạng Việt-nam. Sự thành công của cách mạng Việt-nam cũng có nghĩa là sự thắng lợi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở Việt-nam. Không có chính đảng của giai cấp vô sản, không có chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì cách mạng Việt-nam không thể nào thắng lợi được như ngày nay. Đó là một chân lý phổ biến đã được thực tiễn phong phú của lịch sử thời đại chúng ta chứng minh rồi.

Trong bài luận văn nổi tiếng « Bàn về nhân dân dân chủ chuyên chính » viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 28 ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung-quốc, Mao Chủ tịch có nói : *« Nhờ người Nga giới thiệu mà người Trung-quốc tìm được chủ nghĩa Mác. Trước Cách mạng tháng Mười, người Trung-quốc chẳng những không biết Lê-nin và Sta-lin, mà cũng không biết Mác và Ăng-ghe-n. Tiếng súng Cách mạng tháng Mười nổ, đã đưa chủ nghĩa Mác — Lê-nin đến cho chúng ta. Cách mạng tháng Mười đã giúp cho toàn thể giới và những người tiền tiến Trung-quốc dùng vũ trụ quan của giai cấp vô sản để xem xét vận mệnh nước nhà, để suy nghĩ lại vấn đề của mình. Kết luận là : đi theo con đường của người Nga »*. Lời nhận định trên đây cũng hoàn toàn thích hợp với thực tế Việt-nam. Trước Cách mạng tháng Mười, cũng có nhiều nhà ái quốc Việt-nam thành tâm muốn tìm một chủ nghĩa để có thể giải phóng đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Nhưng họ đều thất bại cả. Chỉ sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, giai cấp công nhân xuất hiện trên vũ đài của lịch sử, chính đảng của giai cấp công nhân thành lập thì nhân dân Việt-nam mới biết đến chủ nghĩa Mác — Lê-nin, mới tìm được một chủ nghĩa chân chính, cách mạng khoa học, để có thể giải phóng được dân tộc, giành tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Cho nên nhân dân Việt-nam rất biết ơn Cách mạng tháng Mười, biết ơn chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Ngày nay, mọi người dân Việt-nam yêu nước và tiến bộ đều hiểu rõ rằng : sở dĩ Đảng ta chỉ trong khoảng một thời gian ngắn mà đã thu được những thành tích có ý nghĩa lịch sử như vậy là vì Đảng đã xây dựng toàn bộ hoạt động của mình trên cơ sở khoa học vững chắc tiền tiến nhất, cách mạng nhất, đó là cơ sở khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

« Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã lấy trí thức về qui luật phát triển của xã hội để vạch ra đường cho Đảng, giúp Đảng định những chính sách đúng đắn, khoa học, làm cho Đảng có đủ sức vạch một tiền đồ rõ rệt và xác định phương hướng, lẫm liệt lòng tin tưởng của Đảng đối với thắng lợi. Toàn bộ kinh

nghiệm lịch sử của Đảng Cộng sản Liên-xô, các Đảng Cộng sản và Đảng Cộng nhân anh em đều chứng minh một cách xác thực : chủ nghĩa Mác — Lê-nin là lý luận khoa học, đúng đắn duy nhất, nó đã soi sáng con đường thoát khỏi ách tư bản áp bức, tiến lên đời sống tự do hạnh phúc thật sự của giai cấp công nhân và của toàn thể nhân dân lao động » (1).

Sự thành công vĩ đại của Cách mạng tháng Mười, sự thành công vĩ đại của cách mạng các nước dân chủ nhân dân khác, sự thành công vĩ đại của cách mạng Việt-nam ; lịch sử vinh quang của Đảng Cộng sản Liên-xô, của Đảng ta và các Đảng anh em đều nhắc nhở cho toàn thể nhân dân Việt-nam — đặc biệt trong giai đoạn chúng ta đang bước vào công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa — rằng cần phải ra sức nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin hơn nữa, học tập một cách hệ thống, sâu sắc, thực tiễn và với tinh thần sáng tạo để chúng ta có thể thấu hiểu đường lối chính sách cách mạng của Đảng ta, để chúng ta có thể võ trang cho mình một vũ khí tư tưởng sắc bén, đấu tranh kiên quyết và không mệt mỏi chống mọi thế lực vật chất và tinh thần của chế độ thực dân, phong kiến, chế độ người áp bức bóc lột người, dặng hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng.

..

Đứng trên lĩnh vực công tác sử học, đối với những người làm công tác sử học thì vấn đề nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách sâu sắc, hệ thống lúc này lại càng cần thiết và cấp bách hơn bao giờ hết. Mục đích của mọi khoa học trong chế độ ta, dù là khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội, dù là triết học hay sử học phải là mục đích cách mạng, phải nhằm phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng. Mác đã nói trong *Luận đề về Phơ-bách* : « Các nhà triết học chỉ biết giải thích thế giới bằng những cách khác nhau, nhưng vấn đề là ở chỗ cải tạo thế giới ». Sử học của chúng ta ngày nay cũng như vậy. Nghiên cứu sử học không phải là « vì sử học », để thỏa mãn « đòi hỏi » của trí tuệ, vì « tò mò » hay chỉ đơn thuần vì tình cảm « uống nước nhớ nguồn », mà chủ yếu chính là vì hiện tại, vì tương lai, để phục vụ cho nhiệm vụ cải tạo xã hội hiện tại. Mục đích chủ yếu của khoa học lịch sử tiền tiến của chúng ta là nghiên cứu lịch sử để nắm được qui luật của lịch sử để có thể vận dụng nó vào công cuộc đấu tranh

(1) *Nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách sáng tạo*. Xã luận của báo « Người Bôn-sê-vich » số 14-1954.

cách mạng, công cuộc xây dựng xã hội mới. Nghĩa là sử học sẽ cung cấp cho thế hệ hiện tại và tương lai một vũ khí tinh thần mạnh mẽ để phấn đấu cho một cuộc đời hạnh phúc tươi đẹp, để làm cho thế hệ hiện tại và tương lai sẽ tiếp tục thế hệ trước sáng tạo lịch sử. Nhưng với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, từ nay thế hệ chúng ta sẽ sáng tạo lịch sử một cách có ý thức, làm cho lịch sử của dân tộc ta phong phú, huy hoàng hơn bao giờ hết. Sử học nếu thật sự là sử học tiên tiến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì nó sẽ là một lợi khí rất sắc bén để giáo dục thế giới quan duy vật biện chứng, tư tưởng chính trị và đạo đức cộng sản chủ nghĩa.

Sử học có thể giáo dục thế giới quan duy vật biện chứng là vì lịch sử là quá trình phát triển khách quan của vật chất và các hình thái đặc thù của vật chất, cho nên lịch sử là môn học nói về sự phát triển. Mỗi hiện tượng xã hội cũng như tự nhiên đều ở trong trạng thái vận động, phát triển và biến hóa không ngừng, cho nên không thể hiểu được đối tượng nếu không nghiên cứu lịch sử của nó, không thể hiểu được hiện tại nếu không hiểu quá khứ, không hiểu được quá trình của nó. Hiểu lịch sử, hiểu quá khứ, không có nghĩa là hiểu các hiện tượng rời rạc, riêng biệt xảy ra kế tiếp nhau mà chủ yếu là hiểu qui luật diễn biến của các hiện tượng đó, qui luật phát triển của nó.

Nói đến thế giới quan duy vật biện chứng là nói đến sự hiểu biết qui luật của tự nhiên, của xã hội loài người và của ý thức tư tưởng. Cho nên nghiên cứu lịch sử, làm nổi bật lên qui luật của lịch sử sẽ giáo dục được thế giới quan Mác — Lê-nin rất hiệu quả. Cũng do đó mà khoa học lịch sử sẽ giúp vào việc giáo dục tư tưởng chính trị hiện đại, giúp mọi người hiểu rõ những vấn đề chiến lược, và chiến thuật của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, vấn đề chính sách của Đảng. Vì rằng chiến lược và chiến thuật cách mạng của Đảng, chính sách của Đảng không phải rút ra từ chủ quan của các nhà lãnh đạo Đảng, mà xuất phát từ yêu cầu khách quan, từ qui luật phát triển khách quan của xã hội. Theo một ý nghĩa nhất định thì có thể nói chính trị là một bài học lịch sử khái quát, cũng như lịch sử là một bài học chính trị cụ thể. Cho nên nếu mỗi người nắm được thực tế của lịch sử, những qui luật của lịch sử cổ đại cũng như cận đại và hiện đại thì sẽ giúp cho họ hiểu được sâu sắc về những vấn đề lý luận chính trị và chính sách của Đảng, chẳng hạn như vấn đề nhà nước, vấn đề vô sản chuyên chính, vấn đề liên minh công nông, chính sách mặt trận, đường lối quân chúng v.v...

Chỉnh Mao Chủ tịch đã từng nhắc nhở nhiều lần cho mọi người cần phải vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin để nghiên cứu lịch sử Trung-quốc. Trong bài « Địa vị của Đảng Cộng sản Trung-quốc trong cuộc chiến tranh chống Nhật » viết từ năm 1938, Mao Chủ tịch có nói: « Học tập những di sản lịch sử của nước ta, lòng kết có phê phán những di sản ấy theo phương pháp của chủ nghĩa Mác, đó là nhiệm vụ học tập thứ hai của chúng ta. Dân tộc chúng ta có hàng mấy ngàn năm lịch sử, có đặc điểm của nó và có rất nhiều cái quý báu. Đối với những cái đó, chúng ta mới chỉ là học sinh tiểu học. Trung-quốc ngày nay là một giai đoạn phát triển của Trung-quốc trong lịch sử. Chúng ta là những người học lịch sử theo chủ nghĩa Mác, chúng ta không được cắt đứt lịch sử. Chúng ta phải tổng kết, và kế thừa những di sản quý báu từ Khổng-phu-tử đến Tôn Trung-sơn. Đó là sự giúp đỡ quan trọng đối với việc chỉ đạo phong trào vĩ đại hiện nay ». Trong bài « Cải tạo học tập » viết năm 1941, Mao Chủ tịch cũng nhấn mạnh rất nhiều đến sự cần thiết phải học tập lịch sử Trung-quốc. Người chỉ trích những người không hiểu lịch sử Trung-quốc: « Trong con mắt nhiều đảng viên, lịch sử Trung-quốc thời cổ này vẫn chỉ là một mớ đen ngòm ». Người cho những đảng viên « không chú trọng nghiên cứu tình hình hiện nay, không chú trọng nghiên cứu lịch sử, không chú trọng ứng dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin », là có « tác phong rất xấu », « tác phong này truyền bá rộng ra, đã làm hại nhiều đồng chí chúng ta ». Xem thế, việc nghiên cứu lịch sử theo quan điểm chủ nghĩa Mác — Lê-nin có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với công tác cách mạng.

Còn tác dụng giáo dục đạo đức cộng sản của sử học mác-xít thì đã rõ ràng. Qua thực tế cụ thể của lịch sử, mỗi người sẽ thấy rõ bộ mặt thật của kẻ áp bức, bóc lột; tình cảnh vai trò và sức mạnh của quần chúng nhân dân, sự khác nhau giữa chế độ xã hội chủ nghĩa với chế độ người áp bức, bóc lột người, con đường sụp đổ tất yếu của chế độ áp bức, bóc lột và tương lai tất yếu của loài người: tương lai cộng sản chủ nghĩa. Do đó mà tăng cường thêm lòng yêu nước, yêu lao động, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, tin tưởng ở cách mạng, tin tưởng ở sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, mặt khác tăng thêm lòng căm thù mọi chế độ áp bức, bóc lột, mọi kẻ áp bức, bóc lột nhân dân.

Như thế nhiệm vụ của sử học dưới chế độ ta thật là nặng nề, lớn lao, nhưng cũng rất khó khăn. Muốn hoàn thành được nhiệm vụ ấy, tất nhiên trước hết những người làm công tác

sử học cần phải dày công phu nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, cần phải nắm vững và biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào công cuộc nghiên cứu lịch sử.

Cho đến nay, trải qua mười bốn năm sống dưới chế độ mới, trải qua thực tiễn cách mạng và kháng chiến, tất cả những người làm công tác sử học nói chung đều đã thấy rõ ý nghĩa quan trọng và sự cần thiết phải nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thấy rõ nếu không thấu hiểu chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì dù có súc tích hàng đống kiến thức thì cũng chỉ như một nhà chứa đồ, một hàng xén, không thể nào nghiên cứu được một vấn đề gì thành công, không thể nào tìm tòi phát hiện được một « vấn đề lịch sử » nào đáng góp vào việc xây dựng nền sử học mới. Cho nên mỗi người làm công tác sử học đều đã cố gắng tranh thủ thời gian, tự tạo điều kiện để học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Nhờ vậy mà dù rằng những người làm công tác sử học hiện nay, hầu hết đều không được qua một trường chính qui về lý luận Mác — Lê-nin nào để có thể được học tập một cách có hệ thống, vậy mà do chỗ tự học, vừa làm vừa học về lý luận và với sự học tập về chính trị, thời sự và chính sách Đảng, với sự giáo dục của thực tiễn cách mạng, trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác — Lê-nin của anh em được nâng lên dần dần, do đó mà công tác nghiên cứu lịch sử đã đạt được những kết quả nhất định, có được một số đóng góp vào mặt trận văn hóa và tư tưởng trong giai đoạn cách mạng dân tộc và dân chủ.

Tuy nhiên phải nhận rằng nói chung trình độ lý luận Mác — Lê-nin của các cán bộ sử học của chúng ta hiện nay còn rất thấp. So với nhu cầu công tác, với sự đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng thì trình độ lý luận của chúng ta còn lạc hậu. Trước nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới thì nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin theo kiểu « du kích » không còn dùng được nữa, không thể ứng đáp cho nhu cầu được nữa. Trong hoàn cảnh của kháng chiến, thì giờ ít ỏi, vì phải dốc vào công tác chủ yếu trước mắt là đánh giặc, sách vở thiếu thốn thì nghiên cứu lối du kích là thích hợp và tất nhiên phải như vậy. Nhưng đến nay, công cuộc kiến thiết đòi hỏi mọi ngành khoa học cần phải phát triển mạnh thì lối nghiên cứu « du kích » sẽ không thể ứng đáp được nhu cầu công tác nữa. Trong điều kiện hiện nay, chúng ta lại có điều kiện, có hoàn cảnh để nghiên cứu một cách chính qui hơn : tài liệu nhiều, có sự giúp đỡ của các đồng chí chuyên gia nước bạn, nhất là các đồng chí chuyên gia Liên-xô và Trung-quốc.

Song cho đến nay đối với vấn đề học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin, quan niệm của nhiều cán bộ sử học còn chưa đúng đắn, do đó mà đã hạn chế nhiều kết quả học tập, nó cản trở anh em trong việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách sâu sắc và có hệ thống.

Có quan niệm cho rằng cán bộ sử học thì nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin chỉ là nghiên cứu triết học Mác — Lê-nin mà thôi, mà trong triết học thì chủ yếu là nghiên cứu về duy vật lịch sử, chứ không cần nghiên cứu kỹ về duy vật biện chứng. Một số khá nhiều thì cho rằng kinh tế chính trị hay lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô chỉ cần thiết cho người nào nghiên cứu về lịch sử cận đại (thời kỳ tư bản chủ nghĩa) hay lịch sử hiện đại (thời kỳ xã hội chủ nghĩa), chứ đối với những người nghiên cứu về cổ sử hay dân tộc học chẳng hạn thì những cái này là không cần thiết, không « trực tiếp » phục vụ công tác chuyên môn.

Tất cả những quan niệm đó đều là thiên cận và sai lầm. Chúng ta biết rằng chủ nghĩa Mác là do ba bộ phận hợp thành : triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là ba bộ phận có liên quan hữu cơ với nhau, thống nhất thành một khối không thể tách rời ra được. Do đó không thể hiểu được bộ phận này nếu không hiểu những bộ phận kia. Không hiểu được kinh tế chính trị học nếu không hiểu triết học, vì kinh tế chính trị học là vận dụng triết học trong lĩnh vực kinh tế học ; ngược lại, nếu không hiểu kinh tế chính trị học thì cũng không thể hiểu được một cách sâu sắc triết học của chủ nghĩa Mác. Ví như bộ « *Tư bản* » của Mác chẳng hạn, đó là một « lâu đài » về triết học của chủ nghĩa Mác, trong đó chứa chất không những tất cả những nguyên lý của duy vật biện chứng (lý thuyết duy vật, lô-gích biện chứng và nhận thức luận) và những nguyên lý về duy vật lịch sử, mà còn là một kiểu mẫu tuyệt diệu về việc vận dụng duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để nghiên cứu về những vấn đề xã hội phức tạp nhất. Lê-nin đã nhận định rằng : « *Bộ Tư bản* sở dĩ được hoan nghênh nhiệt liệt chính là vì cuốn sách đó của nhà « kinh tế học Đức » đã vạch cho độc giả thấy rằng toàn bộ kết cấu xã hội tư bản chủ nghĩa là một cái gì sinh động với những tập quán sinh hoạt hàng ngày, với những biểu hiện cụ thể của sự đối kháng giai cấp cố hữu của những quan hệ sản xuất, với cái kiến trúc thượng tầng chính trị tư sản đang bảo vệ sự thống trị của giai cấp tư sản về tự do, bình đẳng v.v..., với những quan hệ gia đình tư sản ». Lê-nin cũng đã nói : « *Từ khi*

bộ **Tư bản** ra đời, quan niệm về duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một học thuyết đã được khoa học chứng minh » (1). Chính Mác sau khi nghiên cứu triết học « nhận thấy chế độ kinh tế là cơ sở để xây dựng thượng tầng kiến trúc chính trị thì Mác chú ý nhất đến việc nghiên cứu chế độ kinh tế ấy. Mác dành riêng tác phẩm chính của ông là **Tư bản** để nghiên cứu chế độ kinh tế của xã hội hiện đại là xã hội tư bản » (2). Bộ **Tư bản** chính là « một kiểu mẫu phân tích khoa học về một kết cấu xã hội phức tạp nhất — theo phương pháp duy vật chủ nghĩa, kiểu mẫu đã được mọi người công nhận và không gì bì kịp » (3).

Cho nên việc nghiên cứu chính trị học mác-xít là rất cần thiết để hiểu rõ triết học mác-xít, và ngược lại. Đối với việc nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội khoa học cũng vậy. Mác nghiên cứu triết học và kinh tế chính trị là để đi đến chỗ chứng minh « việc biến đổi tất nhiên của xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa, là hoàn toàn dựa vào và chỉ dựa vào những qui luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại » (4). Đó chính là mục đích cuối cùng của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác không phải là một thứ « triết học phòng trà », mà là một thứ vũ khí cách mạng, vũ khí chiến đấu của giai cấp vô sản để lật đổ chế độ tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Cho nên nghiên cứu chủ nghĩa Mác mà không nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội khoa học, về những vấn đề sách lược đấu tranh của giai cấp vô sản thì không thể nói là đã thấu hiểu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đã nắm được chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đã là người trí thức mác-xít — lê-nin-nít.

Trong khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác cũng đồng thời phải nghiên cứu chủ nghĩa Lê-nin, nghiên cứu về những vấn đề của chủ nghĩa Lê-nin. Vì rằng chủ nghĩa Lê-nin là « chủ nghĩa Mác trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản » là « chủ nghĩa Mác phát triển thêm một bước nữa » (5). Là người thực hiện và kế tục học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n, Lê-nin đã « căn cứ vào những điều kiện mới của bước phát triển xã hội, vào giai đoạn mới của chủ nghĩa tư bản, căn cứ vào chủ

(1, 3) Lê-nin. Những người « bạn dân » là thế nào và họ đấu tranh chống những người xã hội — dân chủ ra sao ?

(2) Lê - nin. Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác.

(4) Lê-nin. Các Mác và chủ nghĩa Mác.

(5) Sta-lin. Những nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin.

nghĩa đế quốc, mà phát triển sâu thêm học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n. Như vậy nghĩa là nhờ đã phát triển sâu thêm học thuyết của Mác trong những điều kiện mới của cuộc đấu tranh giai cấp, mà Lê-nin đã hiến cho kho tàng chủ nghĩa Mác một yếu tố mới, so với các điều mà Mác và Ăng-ghe-n đã cống hiến, tức là các điều mà thời kỳ tư bản chủ nghĩa tiền đế quốc chỉ mới có thể cho phép cống hiến được đến thế; và yếu tố mới đó mà Lê-nin đã hiến cho kho tàng chủ nghĩa Mác là hoàn toàn dựa trên những nguyên lý của Mác và Ăng-ghe-n» (1). Ví dụ như trong quyển *Tư bản*, Mác đã nghiên cứu một cách khoa học nền tảng của chủ nghĩa tư bản. Mác, Ăng-ghe-n không thể nghiên cứu về giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản, tức giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, vì Mác, Ăng-ghe-n đã qua đời trước khi giai đoạn mới của chủ nghĩa tư bản bắt đầu. Kế thừa Mác và Ăng-ghe-n, Lê-nin đã xuất phát từ nguyên lý của bộ *Tư bản* mà phân tích một cách mác-xít chặt chẽ chủ nghĩa đế quốc giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản. « *Chính từ chỗ phân tích ấy mà Lê-nin đã đề ra thuyết trứ danh của Người, nhận định rằng trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa xã hội có thể thành công ở một nước tư bản riêng biệt nào đó* » (2). Về các vấn đề khác của chủ nghĩa Lê-nin như vấn đề chuyên chính của giai cấp vô sản, hình thức và phương pháp kiến thiết chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và thuộc địa, vấn đề Đảng, Lê-nin cũng phát triển chủ nghĩa Mác như vậy cả. Cho nên chủ nghĩa Lê-nin và chủ nghĩa Mác là một khối thống nhất. Nghiên cứu chủ nghĩa Lê-nin là nghiên cứu chủ nghĩa Mác trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. Việc nghiên cứu chủ nghĩa Lê-nin chủ yếu là tiến hành thông qua việc nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô. Có thể nói trong việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô là một bộ môn nghiên cứu quan trọng nhất, chủ yếu nhất, là cơ sở tốt nhất. Lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô là một bộ bách khoa toàn thư về trí thức cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, « *là sự tổng hợp và tổng kết cao nhất phong trào cộng sản toàn thế giới trong 100 năm, là điển hình của sự kết hợp lý luận với thực tế* » (3). Trong đó các nguyên lý của duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học đều thể hiện phong phú,

(1, 2) Sta-lin. *Câu chuyện nói với đoàn đại biểu đầu tiên của công nhân Mỹ*.

(3) Mao Trạch-đông. *Cởi tạo học tập của chúng ta*.

nổi bật, sinh động, cụ thể qua thực tiễn của cách mạng, của kiến thiết, của đấu tranh xây dựng Đảng. Thông qua việc học tập lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô, mỗi người sẽ hiểu được chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong nguyên lý cũng như trong thực tiễn, do đó giúp cho ta hiểu sâu nguyên lý hơn và học tập cách vận dụng những nguyên lý ấy trong việc nghiên cứu các vấn đề lịch sử hiện đại, cận đại cũng như cổ đại.

Đối với chúng ta thì ngoài việc học tập Mác — Lê-nin ra, chúng ta còn phải học tập cả tư tưởng Mao Trạch-đông nữa. Điểm này cũng rất là quan trọng. Lê-nin đã từng nói với những người cộng sản phương Đông như sau : « Ở đây, một nhiệm vụ đặt ra trước các đồng chí, mà xưa kia không đặt ra trước những người cộng sản trên toàn thế giới là : trong khi dựa vào lý luận và thực tiễn phổ biến của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện đặc biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học vận dụng lý luận và thực tiễn ấy vào nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân, nơi mà vấn đề không phải là đấu tranh chống tư bản, mà là đấu tranh chống những tàn dư thời trung cổ » (1).

Chính Mao Trạch-đông, người cộng sản Đông phương vĩ đại nhất, xuất sắc nhất, đã tuân theo chỉ thị của Lê-nin đem chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin mà kết hợp với thực tiễn cụ thể của cách mạng Trung-quốc để giải quyết các vấn đề của cách mạng Trung-quốc, đưa cách mạng Trung-quốc tới thắng lợi vẻ vang. Trung-quốc là một nước ở phương Đông, nhưng là một nước điển hình nhất của phương Đông. Từ cuối thế kỷ thứ XIX, « Trung-quốc là nơi tập trung nhiều mâu thuẫn ở Đông phương » (2). Do đó, tư tưởng Mao Trạch-đông là chủ nghĩa Mác — Lê-nin phát triển ở Trung-quốc, cũng là chủ nghĩa Mác — Lê-nin phát triển ở phương Đông. Trong quá trình vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong thực tiễn xã hội Đông phương, Mao Trạch-đông không những đã phát triển thêm chủ nghĩa Mác — Lê-nin về các vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự mà cả về triết học nữa. Những luận văn triết học của Mao Trạch-đông là những đóng góp đáng kể vào kho tàng kinh điển của triết học mác-xít — lê-nin-nít. Và cũng như việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, việc nghiên cứu tư tưởng Mao Trạch-đông cần phải được tiến hành thông qua việc nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Trung-quốc.

(1) Lê-nin. *Các dân tộc Đông phương đang thức tỉnh*.

(2) Trần Bá-đạt : *Bản về tư tưởng Mao Trạch-đông*.

Đây là những vấn đề của chủ nghĩa Mác — Lê-nin mà chúng ta cần nghiên cứu một cách có hệ thống.

Rồi đây, khi lịch sử Đảng ta đã được biên soạn rồi thì việc học tập lịch sử Đảng ta, tức lịch sử vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách sáng tạo vào hoàn cảnh đặc thù của cách mạng Việt-nam sẽ có một ý nghĩa rất quan trọng, rất quyết định. Học tập lịch sử Đảng ta với toàn tập các báo cáo, nghị quyết quan trọng của Đảng là học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở Việt-nam, là học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong thực tiễn cách mạng Việt-nam. Vì rằng : « *Sức mạnh vĩ đại của chủ nghĩa Mác — Lê-nin chính là ở chỗ chủ nghĩa Mác — Lê-nin liên hệ với thực tiễn cách mạng cụ thể của các nước* ».(1) ; vì rằng do chỗ chủ nghĩa Mác — Lê-nin không phải là giáo điều, mà là kim chỉ nam cho hành động, cho nên nó phải kết hợp với đặc điểm cụ thể của mỗi nước, phải thông qua « *hình thức dân tộc nhất định* » như lời Mao Chủ tịch đã nói, thì mới có thể thực hiện được.

Như thế nội dung cụ thể của chương trình học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin của chúng ta gồm có : duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học, lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô, lịch sử Đảng Cộng sản Trung-quốc và lịch sử Đảng ta. Tất cả những bộ môn trên đây có liên hệ với nhau, kết hợp với nhau thành một khối, không thể chỉ nghiên cứu bộ môn này mà bỏ bộ môn kia được.

Trên đây là nói về nội dung học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin của chúng ta. Chúng ta nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin không những vì chúng ta là những người làm công tác nghiên cứu lịch sử — không có chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì không thể tiến hành công tác nghiên cứu được — mà còn vì chúng ta là những người công tác khoa học trong chế độ xã hội chủ nghĩa, là những người mác-xít. Đã là những người công tác khoa học trong chế độ ta thì bất kỳ là khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội, đều phải nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Trong báo cáo tại Đại hội lần thứ 18 Đảng Cộng sản Liên-xô, Sta-lin có nói về vấn đề học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin như sau : « *Thường thì việc giáo dục, việc đào tạo cán bộ trẻ ở nước ta vẫn tiến hành theo từng ngành khoa học và kỹ thuật, theo từng ngành chuyên môn. Điều đó rất cần thiết và bổ ích. Chẳng*

(1) Mao Trạch-đông. *Địa vị của Đảng Cộng sản Trung-quốc trong cuộc chiến tranh chống Nhật*.

cần gì một chuyên gia về y học lại đồng thời phải là một chuyên gia vật lý học hay thực vật học, và ngược lại. Nhưng có một ngành mà những người bốn-sê-vích công tác ở mọi lĩnh vực khoa học đều tuyệt đối phải biết : đó là khoa học Mác — Lê-nin về xã hội, về các qui luật phát triển của xã hội, về các qui luật phát triển của cách mạng vô sản, về các qui luật phát triển của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và về thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản... Một người lê-nin-nít không thể chỉ là một chuyên gia trong khoa học mình đã chọn ; họ còn phải đồng thời là một nhà chính trị, một người hoạt động xã hội hết sức thiết tha với vận mệnh của nước nhà, am hiểu các qui luật phát triển của xã hội, biết dựa vào các qui luật ấy và mong muốn tích cực tham gia việc lãnh đạo chính trị nước nhà ».

..

Trở lên trên là nói về nội dung việc học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đã thống nhất với nhau về nội dung học tập rồi, đã nhận thấy rõ ý nghĩa quan trọng của vấn đề do học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin rồi, như thế không phải là đối với việc học tập không còn có vấn đề gì nữa. Nếu tất cả những điểm trên đã được giải quyết rồi mà vấn đề phương pháp học tập chưa được giải quyết thì việc học tập cũng không thể nào thu được kết quả tốt.

Trong bài « Chinh đốn học phong, đặng phong và văn phong », Mao Chủ tịch đã từng chỉ trích rất mạnh những người chỉ nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin lối sách vở, lối giáo điều. Người nói rằng : giả thử như những người chỉ biết đọc thuộc lòng kinh tế học hoặc triết học mác-xít, giả thử họ đọc được một vạn cuốn sách Mác — Ăng-ghen — Lê-nin — Sta-lin, mỗi cuốn đọc một ngàn lần, nhưng lại hoàn toàn không biết ứng dụng, không đem ứng dụng lý luận để nghiên cứu các vấn đề thực tiễn, cụ thể thì đó hoàn toàn không phải là nhà lý luận mác-xít. Những người này khi nhìn vào các vấn đề của thực tế thì chẳng thấy cái gì hết, có thấy chỉ thấy toàn những tác phẩm của Mác — Ăng-ghen — Lê-nin — Sta-lin trên giá sách mà thôi. Lý luận Mác — Lê-nin là lý luận tung ra bốn biển đều đúng, nhưng tuyệt đối không được coi lý luận ấy là giáo điều, mà phải coi lý luận ấy là kim chỉ nam cho hành động. « Không được chỉ học tập lời lẽ, câu văn của chủ nghĩa Mác — Lê-nin,

mà phải coi đó là khoa học cách mạng để học tập » (1). Vậy khi đọc các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thái độ học tập đúng là phải thế nào, làm thế nào rút được những điều cốt yếu trong ấy. Muốn thế thì khi nghiên cứu những tác phẩm ấy « không những phải hiểu rõ những **qui luật nói chung** (chúng tôi nhấn mạnh — *Ban biên tập*) mà Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Sta-lin đã rút ra khi nghiên cứu đời sống thực tế rộng rãi và kinh nghiệm cách mạng, mà cần phải học tập **lập trường và phương pháp nhận xét vấn đề** (chúng tôi nhấn mạnh — *Ban biên tập*) của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Sta-lin » (2). Nắm vững qui luật chung nghĩa là nắm vững những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đồng thời học tập lập trường và phương pháp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin để từ những chân lý phổ biến ấy, với lập trường và phương pháp ấy, đem vận dụng vào việc nghiên cứu về những vấn đề thực tiễn của lịch sử, của cách mạng, đó chính là phương pháp học tập duy nhất và tốt nhất để có thể thấu hiểu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, vận dụng được chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong công tác khoa học, công tác cách mạng. Nhà lý luận mác-xít không phải là nhà lý luận suông, thuộc lý luận, khéo dẫn chứng, nói thao thao bất tuyệt về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, lầu thông lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô từ chương đầu cho đến chương cuối. Tất nhiên chúng ta cần phải đọc các tác phẩm kinh điển của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Sta-lin, Mao Trạch-đông một cách có hệ thống, tất nhiên chúng ta cần thông thuộc lịch sử Đảng Cộng sản Liên-xô, nhưng điều chủ yếu là thông qua việc nghiên cứu một cách hệ thống như vậy, chúng ta có thể thấu hiểu được cái tinh thần, cái tinh túy, cái cốt yếu của những tác phẩm đó, để có thể đem vận dụng vào công tác nghiên cứu thực tiễn lịch sử, thực tiễn cách mạng của ta. Nhà lý luận mà chúng ta cần là nhà lý luận có thể căn cứ vào lập trường, quan điểm, phương pháp của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Sta-lin mà giải thích đúng những vấn đề thực tế phát sinh ra trong lịch sử nước ta, của cách mạng nước ta, có thể đem lý luận để phân tích và giải thích một cách khoa học những vấn đề kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa của nước ta, là người có thể phân tích các vấn đề của thực tế nước ta một cách sâu sắc, tìm ra được những qui luật phát triển đặc thù của lịch sử nước ta, của cách mạng nước ta.

(1, 2) Mao Trạch-đông: *Địa vị của Đảng Cộng sản Trung-quốc trong cuộc chiến tranh chống Nhật*.

Đối với việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách sáng tạo thì việc học tập nghiên cứu những trước tác của Mao Chủ tịch có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Làm thế nào để có thái độ đúng, có phương pháp đúng trong khi học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin, làm thế nào để có thể nắm được lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, làm thế nào để có thể vận dụng được chủ nghĩa Mác — Lê-nin để nghiên cứu các vấn đề thực tiễn lịch sử, thực tiễn cách mạng của ta? Tất cả những điểm này sẽ giải quyết được nếu như trước khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chúng ta đã nghiên cứu và nắm vững một số vấn đề căn bản của học phong Mao Trạch-dông. Những vấn đề này đều nằm trong sáu văn kiện cơ bản sau đây của Mao Chủ tịch : *Chỉnh đốn học phong, đảng phong và văn phong ; Cải tạo học tập của chúng ta ; Chống bệnh sáo cũ ; Bàn về thực tiễn ; Bàn về mâu thuẫn ; Lời nói đầu và lời nói cuối quyển « Điều tra nông thôn »*. Ngoài ra còn có hai văn kiện quan trọng khác : một là *Lại bàn về kinh nghiệm lịch sử chuyên chính vô sản* của Bộ biên tập báo « Nhân dân » Trung-quốc viết theo những điểm thảo luận trong hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung-quốc và bài *Kỷ niệm 15 năm phong trào chỉnh phong* của đồng chí Lục Đình-nhất cũng là những văn kiện quý báu mà mỗi người nếu muốn nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách hiệu quả, muốn hiểu rõ học phong Mao Trạch-dông không thể nào bỏ qua được. (Tất cả những văn kiện này ở nước ta đều đã có những bản dịch ra tiếng Việt).

Đó là mấy vấn đề cốt yếu về phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

∴

Những người công tác sử học chúng ta là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa và tư tưởng. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay, vấn đề tăng cường giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa là một vấn đề trung tâm trên mặt trận tư tưởng. Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 14 đã nêu rõ về nội dung giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa như sau : « *Đề đảm bảo thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trên mặt trận kinh tế và chính trị, phải tăng cường giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi người phân rõ ranh giới giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa lao động và bóc lột, giữa chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân, giữa nhân dân ta và kẻ thù của nhân dân, làm cho tư tưởng*

xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế. Trong việc giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, phải nâng cao hơn nữa tinh thần chống đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ và bọn tay sai, phát huy tinh thần yêu nước, làm cho mọi người thấm nhuần sâu sắc: yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội là một, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Phải nâng cao tinh thần quốc tế vô sản, tăng cường sự đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên-xô đứng đầu, thắt chặt tình hữu nghị giữa nhân dân các nước, góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ».

Những người công tác sử học chúng ta nếu tự nhận mình là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa và tư tưởng của Đảng, nếu tự nhận mình là nhà khoa học mác-xít - lê-nin-nít, thì tất nhiên là chúng ta phải hướng công tác nghiên cứu của chúng ta vào mục đích phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng văn hóa và tư tưởng do Đảng đề ra.

Muốn làm tròn được nhiệm vụ ấy thì nhiệm vụ cấp thiết trước mắt của những người công tác sử học là phải ra sức nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách hệ thống, thực tiễn, sáng tạo. Khi trình độ Mác - Lê-nin của chúng ta đã được nâng cao lên rồi, thì nhất định là công việc nghiên cứu của chúng ta sẽ có nhiều kết quả tốt, nhất định chúng ta sẽ có nhiều đóng góp tốt trên mặt trận văn hóa và tư tưởng của chủ nghĩa xã hội.

Tiền đồ của dân tộc ta rất vẻ vang, tiền đồ của nền sử học mới của chúng ta rất tốt đẹp. Tất cả những cán bộ sử học chúng ta cần phải nỗ lực học tập để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng đã giao phó cho chúng ta, dựng xây dựng một nền sử học mới vững vàng, xứng đáng với lịch sử vẻ vang của dân tộc ta, của cách mạng nước ta, và của Đảng ta.

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

NHÂN DÂN PHƯƠNG ĐÔNG

ĐÃ TIẾP THU BÀI HỌC CỦA

Cách mạng tháng Mười như thế nào?

CHIÊM TẾ

Sự tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc thực dân là một trong những sự kiện quan trọng nhất ở thời đại chúng ta. Nó được đánh dấu bởi một cao trào đấu tranh giải phóng có một ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn đối với các dân tộc phương Đông sống hàng mấy trăm năm dưới ách của chủ nghĩa thực dân, và hiện nay đang tiến mạnh trên con đường giành độc lập dân tộc và tự do dân chủ.

Ách của đế quốc thực dân là một chướng ngại rất lớn cho sự phát triển kinh tế và chính trị của các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông. Trong lúc ở châu Âu, ở Mỹ, ở Nhật-bản, chủ nghĩa tư bản đã phát triển tới giai đoạn cao độ của nó, giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, thì ở hầu hết các nước châu Á, quan hệ phong kiến và bán phong kiến vẫn còn chiếm ưu thế. Do đó, bọn đế quốc xâm lược suốt hàng chục năm và có nơi hàng thế kỷ đã có thể vơ vét tài nguyên ở các nước phương Đông, bóc lột thậm tệ nhân dân các nước đó và kìm hãm các nước đó ở trình độ lạc hậu của thời đại trung cổ.

Nhân dân các nước phương Đông không ngừng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nhưng những cuộc đấu tranh của họ lúc đầu còn mang tính chất những cuộc bạo động, khởi nghĩa tự phát và lẻ tẻ.

Đầu thế kỷ XX, lúc chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã chuyển hẳn sang chủ nghĩa tư bản độc quyền thì hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc cũng đã thành hình. Hệ thống này trở thành một bộ phận không thể tách rời của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới.

Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bao gồm các thuộc địa và cả các nước nằm trong tình trạng phụ thuộc, nửa thuộc địa. Đối với các nước phụ thuộc này, đế quốc có một khuynh hướng rất rõ rệt là muốn nô dịch hóa hoàn toàn, biến các nước đó từ nửa thuộc địa thành thuộc địa.

Thời đại đề quốc chủ nghĩa đã làm cho tình hình quốc tế thêm căng thẳng và khơi sâu thêm những mâu thuẫn giữa các nước đề quốc thực dân với nhân dân bị áp bức ở phương Đông.

Sự hình thành của giai cấp vô sản ở các nước phương Đông, sự xuất hiện của giai cấp tư sản dân tộc ở các nước đó đã đặt nền tảng cho một phong trào giải phóng có ý thức, có tổ chức, thay thế cho những cuộc khởi nghĩa tự phát ngày trước. Cách mạng Nga năm 1905 đã đánh dấu bước đầu của thời kỳ « châu Á thức tỉnh ». « Chủ nghĩa tư bản thế giới và phong trào cách mạng Nga năm 1905 cuối cùng đã thức tỉnh nhân dân châu Á. Hàng trăm triệu con người bị áp bức, kìm hãm trong trạng thái đình trệ của thời đại trung cổ đã vươn lên một cuộc sống mới và đang đấu tranh giành lại những quyền lợi căn bản nhất của con người, giành lại quyền tự do dân chủ » (Lê-nin).

Nhưng phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á lúc này còn gặp nhiều khó khăn trở ngại. Các lực lượng tiên bộ ở châu Á lúc này đấu tranh chống lại ách thực dân và phong kiến thì còn yếu ớt mà lại phải đương đầu với cả một lực lượng liên minh của các nước đề quốc hùng mạnh bên ngoài và với sức phản ứng mãnh liệt của chủ nghĩa phong kiến bên trong. Tuy giữa các nước đề quốc có những mâu thuẫn sâu sắc, nhưng họ đều nhất trí chống lại phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân phương Đông. Bởi vậy không lấy gì làm lạ khi các cuộc cách mạng tư sản nổ ra vào đầu thế kỷ XX ở Trung-quốc, Tuyếc-ki, Iran và cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam, Triều-tiên, In-đô-nê-xi-a, Ấn-độ cũng như của các nước Á — Phi khác đều không giải phóng được những nước này khỏi ách thực dân và phong kiến.

Dù sao, ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Nga năm 1905 tại các nước phương Đông cũng đã chuẩn bị điều kiện tốt cho sự tiếp thu ảnh hưởng vô cùng mạnh mẽ và sâu sắc của Cách mạng tháng Mười vĩ đại về tính chất cũng như về phạm vi rộng lớn của phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất làm suy yếu hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, đã chuẩn bị hoàn cảnh thuận lợi hơn cho việc tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười tại phương Đông.

Trong những năm chiến tranh, nền công nghiệp dân tộc ở hầu hết các nước phương Đông phát triển nhanh chóng hơn thời kỳ trước. Do đó mà giai cấp vô sản trong công nghiệp và phong trào chống chủ nghĩa đề quốc cũng trưởng thành nhanh chóng. Mâu thuẫn giữa tư sản dân tộc với chủ nghĩa đề quốc thực dân càng sâu sắc hơn.

Trong chiến tranh, những nước đề quốc tham chiến vì muốn lợi dụng triệt để nhân vật lực của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc cho mục đích quân sự, nên đã hứa hẹn trả lại độc lập tự chủ cho họ sau khi chiến tranh kết liễu. Những lời hứa hẹn lừa bịp đó không ngờ trở lại làm hại cho bọn đề quốc, vì sau chiến tranh, nhân dân phương Đông lại đòi các cường quốc thực dân thắng trận phải thực hiện lời hứa hẹn của chúng.

Năm 1919, Lê-nin nói : « Cuộc chiến tranh đề quốc đã tạo cơ hội thuận lợi cho sự phát triển của phong trào cách mạng, bởi vì nó đã huấn luyện cho hàng triệu nhân dân thuộc địa trong cuộc đấu tranh với bọn đề quốc châu Âu. Cuộc chiến tranh đề quốc đã thức tỉnh nhân dân phương Đông và đẩy họ lên vũ đài chính trị thế giới ».

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đặc biệt là sau khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi ở Nga, cuộc tổng khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa bắt đầu. Một trong những đặc trưng chủ yếu của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản là cuộc khủng hoảng của hệ thống chủ nghĩa thực dân.

Cách mạng tháng Mười bùng nổ năm 1917 ở Nga đã đánh một đòn nặng nề vào chủ nghĩa đế quốc, lật đổ địa vị thống trị độc tôn của chủ nghĩa tư bản đã từng là một hệ thống kinh tế thế giới duy nhất khá vững mạnh trong bao lâu nay, làm suy yếu hẳn kẻ thù chính nguy hại nhất của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, đẩy mạnh đến mức độ chưa từng thấy phong trào cách mạng giải phóng của nhân dân phương Đông.

« Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười vĩ đại, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông nổ ra mãnh liệt rồi tiếp tục phát triển những năm về sau, dẫn đến một cuộc khủng hoảng trầm trọng của toàn bộ hệ thống chủ nghĩa đế quốc thực dân » (Báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên-xô trước Đại hội Đảng Cộng sản Liên-xô lần thứ XX).

Cách mạng tháng Mười như một *« tiếng sấm đã làm cho nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc châu Á tỉnh dậy khỏi giấc ngủ hàng thế kỷ nay. Cách mạng tháng Mười đã mở ra cho các dân tộc bị áp bức thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc »* (1).

Sau Cách mạng tháng Mười, cuộc đấu tranh thắng lợi của nhân dân Liên-xô chống bọn đế quốc can thiệp và bọn phản cách mạng trong nước trong những năm nội chiến có một ý nghĩa quốc tế trọng đại. Nó đã kích thích nhân dân bị áp bức ở phương Đông tăng cường cuộc đấu tranh cách mạng chống đế quốc. Lê-nin nói : *« Tôi nghĩ rằng việc làm của Hồng quân, cuộc đấu tranh và thắng lợi lịch sử của nó sẽ có một ý nghĩa quốc tế lớn lao đối với nhân dân phương Đông »*.

Công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa thành công ở Liên-xô trong những năm về sau càng củng cố thêm uy tín của Liên-xô và tăng cường ảnh hưởng của những tư tưởng tự do bình đẳng của Cách mạng tháng Mười tại các nước phương Đông.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai và sau cuộc chiến tranh đó là mở đầu một giai đoạn mới, giai đoạn thứ hai của cuộc tổng khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa toàn thế giới.

Sau chiến tranh, chủ nghĩa phát-xít bị đập nát, mà chủ nghĩa đế quốc cũng bị suy yếu nhiều. Nhân đó hơn 1.200 triệu con người đã vùng dậy lật đổ xiềng xích của chế độ thuộc địa. Gần một nửa nhân loại, từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, đã lần lượt đứng dậy giành lại quyền sống và quyền tự do quyết định lấy vận mệnh của mình.

Chế độ dân chủ nhân dân được thiết lập tại nhiều nước ở châu Âu và châu Á. Chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống thế giới bao gồm một phần tư trái đất và trên một phần ba nhân loại.

Năm 1949, Cách mạng Trung-quốc thành công là một sự kiện lớn nhất trong lịch sử thế giới sau Cách mạng tháng Mười. Nó phát triển và làm sâu sắc thêm ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với nhân dân

(1) Hồ Chí Minh. *Cách mạng tháng Mười và sự nghiệp giải phóng các dân tộc phương Đông*.

thế giới. Cách mạng Trung-quốc là một cuộc cách mạng thành công ở một nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Do đó nó đã nêu lên tầm gương sáng cho giai cấp công nhân và nhân dân tất cả các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới, trước hết là cho giai cấp công nhân và trên 1.000 triệu nhân dân châu Á.

Ở giai đoạn thứ hai của cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, hệ thống chủ nghĩa thực dân đã lâm vào nguy cơ tan rã vô cùng trầm trọng, tiến tới chỗ sụp đổ hoàn toàn. Điều đó thể hiện rõ rệt qua sự thất bại nhục nhã của bọn đế quốc phương Tây đang bị bắt buộc phải rút lui khỏi những vùng đất đai rộng lớn của châu Á và châu Phi.

Nhân dân phương Đông đầu tranh chống bọn thực dân xâm lược bằng nhiều con đường khác nhau. Tại Trung-quốc, Mông-cổ, Triều-tiên, Việt-nam, chế độ dân chủ nhân dân được thành lập, do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ấn-độ, Miến-điện, In-đô-nê-xi-a, Á-p-ga-ni-stan, I-rắc, Ai-cập, Xy-ri, Li-ban và nhiều nước khác ở phương Đông đã giành được độc lập dân tộc, đang đầu tranh cho độc lập dân chủ thực sự và cho hòa bình thế giới.

Những sự biến đổi căn bản xảy ra gần đây tại các nước phương Đông, tình đoàn kết keo sơn và ý chí sắt đá đầu tranh chống xâm lược của nhân dân Á — Phi thể hiện qua hai cuộc hội nghị Ban-đung (1955) và Ke-rô (1957), đặt ra cho nhân loại ngày nay nhiệm vụ phải thủ tiêu triệt để chế độ thuộc địa bị ôi của chủ nghĩa đế quốc thực dân, dù nó có nguy trang dưới bất cứ một hình thức mới mẻ nào.

Trong quá trình tan rã của hệ thống thuộc địa, ý nghĩa quốc tế của cuộc Cách mạng tháng Mười càng thêm sâu sắc, ánh sáng của Cách mạng tháng Mười càng chiếu rọi huy hoàng trước mắt nhân dân phương Đông.

I. ẢNH HƯỞNG CỦA CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO HÒA BÌNH HỮU NGHỊ VÀ BÌNH ĐẲNG CỦA LÊ-NIN

Đúng như lời Hồ Chủ tịch đã dạy: « *Cách mạng tháng Mười, giống như mặt trời mọc lên xua tan bóng tối, đã chiếu rọi ánh sáng mới vào lịch sử loài người* » (1). Nó đã mở đầu một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên thủ tiêu chế độ người bóc lột người, mở đường tiến tới thủ tiêu mọi hình thức áp bức bóc lột, áp bức dân tộc, đẩy mạnh đến mức độ chưa từng thấy sức sản xuất của những dân tộc vừa từ bỏ ách nô dịch của chủ nghĩa tư bản, tiến tới xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Cách mạng tháng Mười thắng lợi trong khuôn khổ của một nước — nước Nga — đã có ảnh hưởng quyết định đối với vận mệnh của các quốc gia và dân tộc trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa có một sự kiện lớn nào, — bất cứ sự kiện đó xảy ra trong phạm vi một nước hay nhiều nước, nhiều dân tộc — có một ý nghĩa quốc tế lớn lao như cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại do công nhân và nông dân Nga làm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích).

Các cuộc cách mạng tư sản ở Anh (1640 — 1688), ở Bắc Mỹ (1774) và đặc biệt cuộc Cách mạng Pháp ở cuối thế kỷ XVIII (1789 — 1794), về ý nghĩa lịch sử của chúng, có vượt ra ngoài biên giới những nước đó và đều là những cuộc cách mạng có ảnh hưởng đến cục diện

(1) Hồ Chí Minh — Tài liệu đã dẫn.

châu Âu và thế giới lúc bấy giờ. Nhưng chúng chỉ có ảnh hưởng ở những nước mà cơ cấu tư bản chủ nghĩa đã hoặc đang hình thành và ở những nơi đã có những điều kiện thuận lợi bước đầu cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phong kiến chuyên chế mà thôi. Mà những nước như vậy hồi đó thì đang còn ít. Vì đầu óc quốc gia hẹp hòi, giai cấp tư sản lãnh đạo cách mạng ở Anh, ở Bắc Mỹ và ở Pháp hồi đó không tha thiết mấy đến việc truyền bá những tư tưởng cách mạng sang các nước khác. Tất nhiên lúc nước Pháp cách mạng, dưới sự lãnh đạo của phái Gia-cô-banh (Jacobins), đang đấu tranh một mặt một còn chống lại liên minh phong kiến chuyên chế châu Âu thì các nhà cách mạng tư sản Pháp chân thành mong muốn tư tưởng của họ thắng lợi ở toàn thế châu Âu. Nhưng khi đã nắm vững được chính quyền về tay mình rồi thì giai cấp tư sản trở thành giai cấp áp bức bóc lột, muốn đi thông trị các nước khác, các dân tộc khác. Giai cấp tư sản Anh và Pháp quyết không muốn thủ tiêu tình trạng lạc hậu của xã hội phong kiến trong phần thế giới còn lại. Thái độ đó của giai cấp tư sản hạn chế rất nhiều ý nghĩa và ảnh hưởng có tính chất quốc tế của các cuộc cách mạng tư sản, có thể nói là vĩ đại, ở những thế kỷ XVII và XVIII. Đồng thời cũng cần nhớ rằng ở những thế kỷ XVII và XVIII, trình độ kỹ thuật, các phương tiện giao thông và liên lạc chưa tạo ra những điều kiện thuận lợi cần thiết để các nước và các dân tộc tiếp xúc với nhau một cách thật là mật thiết.

Ảnh hưởng vô cùng to lớn chưa từng thấy trong lịch sử của Cách mạng tháng Mười vĩ đại là do ở những điều kiện lịch sử trong đó cách mạng đã thành công và ở tính chất xã hội chủ nghĩa của nó. Nếu những điều kiện khách quan làm cho chủ nghĩa tư bản chiến thắng chế độ phong kiến chỉ có thể có được ở một số nước tiến tiến vào thời đại cách mạng tư sản ở thế kỷ XVII-XVIII, thì Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại đã thành công vào thời đại của chủ nghĩa đế quốc, trong lúc những điều kiện chuẩn bị cho một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã hình thành ở các nước tư bản cũng như ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, nơi mà đại bộ phận nhân loại trên trái đất đang sống và đang đấu tranh giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa thực dân.

Khi tuyên bố thủ tiêu mọi hình thức người bóc lột người, Cách mạng tháng Mười đã phát động quần chúng nhân dân lao động toàn thế giới đứng dậy. Giai cấp vô sản Nga và đội tiên phong của nó — Đảng của Lê-nin — liên minh vững chắc với nông dân lao động, đã lãnh đạo quần chúng làm cuộc Cách mạng tháng Mười Nga thành công. « Đó là một tấm gương cổ vũ đối với nhân dân lao động thế giới, đặc biệt là đối với các dân tộc phương Đông là những dân tộc mà bọn đế quốc đã từng nô dịch và đang tiếp tục nô dịch. Bọn đế quốc đế quốc muốn kìm hãm các nước phương Đông trong tình trạng lạc hậu về kinh tế, kìm hãm quần chúng nhân dân trong vòng đói khổ và luôn luôn chà đạp lên tinh thần dân tộc của họ » (1).

Cách mạng tháng Mười cũng đã mở ra một thời đại chính sách đối ngoại mới, xuất phát từ ngay bản chất của nhà nước xô-viê mới. Đó là chính sách hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc mà Đại hội xô-viê lần thứ II đã thông qua trong những ngày đầu mới thiết lập chính quyền công nông. Từ đó trở đi, Liên-xô luôn luôn tỏ ra trung thành

(1) Hồ Chí Minh — Tài liệu đã dẫn.

với chính sách chung sống hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị, xã hội, kinh tế khác nhau. Điều đó càng làm cho tư tưởng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười trở thành một sức mạnh hấp dẫn hàng trăm triệu người, làm cho ảnh hưởng và ý nghĩa quốc tế của nó ngày càng tăng lên.

Những nguyên tắc hòa bình, quyền bình đẳng giữa các dân tộc lớn cũng như nhỏ, quyền dân tộc tự quyết và độc lập phát triển của các dân tộc bị áp bức ở phương Đông cũng như ở phương Tây, nguyên tắc chung sống hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, tất cả các nguyên tắc căn bản đó của chính sách đối ngoại của nhà nước xô-viết đã được vị lãnh tụ của Đảng Cộng sản Nga và là người sáng lập ra nhà nước xô-viết là Lê-nin thảo ra ngay từ trước khi Cách mạng tháng Mười thành công, ngay từ khi Đảng Cộng sản Nga chưa phải là đảng nắm chính quyền.

Chương trình của Đảng bốn-sế-vích do Lê-nin thảo ra về vấn đề dân tộc có một ý nghĩa quốc tế lớn lao. Nó nêu ra cho nhân dân thế giới quyền dân tộc tự quyết, ngay đến cả quyền của các dân tộc tự tách ra và thành lập những quốc gia độc lập. Đảng đồng thời đã tỏ rõ thái độ của mình đối với cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân thuộc địa phương Đông. Lê-nin và Đảng bốn-sế-vích luôn luôn nhấn mạnh rằng mình hết sức ủng hộ nhân dân Trung-quốc, Ấn-độ, Tuyếc-ki, I-iran, In-đô-nê-xi-a và các nước phương Đông khác trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chống ách áp bức bóc lột phong kiến.

Tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức ở phương Đông, Lê-nin và Đảng bốn-sế-vích đã tạo ra một môi trường hữu nghị thân thiết giữa giai cấp công nhân Nga với nhân dân lao động các nước thuộc địa và phụ thuộc. Lê-nin đã nói rõ : *« Chúng tôi đã chủ trương, đang chủ trương và sẽ chủ trương tạo ra không khí gần gũi thân thiết nhất, và liên hiệp những công nhân giác ngộ ở các nước tiến tiến với công nhân, nông dân và những người bị nô dịch ở tất cả các nước bị áp bức »* (1).

Ngay trong những năm đầu của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Lê-nin đã tuyên bố : sau khi cách mạng Nga thành công, giai cấp công nhân Nga sẽ giúp đỡ các nước chậm tiến ở phương Đông về mọi mặt kinh tế, kỹ thuật và văn hóa.

Năm 1916, Lê-nin đã viết : *« Chúng tôi sẽ hết sức cố gắng tạo nên sự gần gũi và chan hòa với người Mông-cô, người I-iran, người Ấn-độ, người Ai-cập. Chúng tôi cho làm việc đó là nghĩa vụ và quyền lợi của mình, bằng không thì chủ nghĩa xã hội ở châu Âu sẽ không thể đứng vững được. Chúng tôi sẽ cố gắng giúp đỡ một cách vô tư về mặt văn hóa »* đối với những dân tộc nào lạc hậu hơn và bị bóc lột nặng nề hơn chúng tôi, nghĩa là giúp đỡ họ tiến tới sử dụng máy móc, giảm nhẹ lao động, tiến tới dân chủ và chủ nghĩa xã hội » (2).

Sau khi Cách mạng dân chủ tư sản tháng 2 năm 1917 thắng lợi, trong lúc Đảng bốn-sế-vích đang động viên nhân dân Nga lật đổ ách thống trị đế quốc và tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong lúc những người vô sản Nga đang lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền thì Lê-nin đã xây dựng chính sách của chính phủ xô-viết tương lai về những vấn đề quan trọng nhất như vấn đề quan hệ giữa Nga và các nước phương Đông.

(1, 2) Lê-nin tuyển tập q. 23.

Trong bài luận văn nổi tiếng nhan đề « Nhiệm vụ của cách mạng » đăng hồi tháng 10-1917 trên báo *Con đường của thợ thuyền*, Lê-nin đã nhấn mạnh : « Chính phủ xô-viết sẽ phải lập tức đề nghị với tất cả các nước tham chiến (tức là với quần chúng công nông và cả với chính phủ của các nước đó) thiết lập ngay nền hòa bình chung trên cơ sở những nguyên tắc dân chủ và ký kết ngay một hiệp ước đình chiến » (1).

Lê-nin vạch rõ rằng từ bỏ mọi hành động xâm lược là điều kiện chủ yếu để lập lại một nền hòa bình xây dựng trên cơ sở dân chủ « không phải với ý nghĩ sai lầm là sẽ hoàn lại cho tất cả các cường quốc những cái gì họ đã mất, mà chỉ với ý nghĩ duy nhất đúng là tất cả các dân tộc, không phân biệt dân tộc ở châu Âu hay ở các nước thuộc địa, đều có quyền tự do và quyền tự quyết định lấy việc thành lập một quốc gia riêng biệt hay việc gia nhập vào một quốc gia nào khác » (2). Tiếp theo, Lê-nin nói rõ rằng : « Chính phủ xô-viết sẽ phải tự mình thực hiện ngay các điều đó trước, nghĩa là công bố và vạch trần các hiệp ước bí mật do Nga hoàng ký kết trước đây cho phép bọn tư bản Nga vơ vét những món lợi lớn ở các nước » (3).

Bản cương lĩnh rõ ràng về vấn đề dân tộc do Lê-nin thảo ra ngay từ trước cuộc Cách mạng tháng Mười đã giúp cho Chính phủ xô-viết thực hiện một cách đúng đắn và có hiệu quả nhất những nguyên tắc của chủ nghĩa Lê-nin về chính sách đối ngoại trong những ngày Cách mạng tháng Mười mới thành công.

Chính sách ngoại giao trên đây của Chính phủ xô-viết đã gây một ấn tượng sâu sắc đối với nhân dân phương Đông.

Sắc lệnh về hòa bình nổi tiếng do Đại hội xô-viết lần thứ II thông qua ngày 26 tháng 10 (tức 8-11-1917) đã vạch cho toàn thể nhân loại con đường thoát khỏi cuộc chiến tranh đế quốc. Nó rất gần gũi và dễ hiểu đối với các nước thuộc địa phương Đông, bởi vì bọn đế quốc đang lợi dụng nhân dân các nước đó làm bia đỡ đạn cho chúng.

Trong sắc lệnh về hòa bình, Lê-nin đã phân tích và xác định một quan niệm mới về việc đi chiếm cướp đất đai của nước khác. Điều đó có một ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Lê-nin viết : « Căn cứ theo quyền lợi của các nước dân chủ nói chung, của các giai cấp lao động nói riêng, Chính phủ cho rằng : mọi sự sát nhập một dân tộc nhỏ yếu vào một quốc gia lớn mạnh nếu sự đồng tình, sự mong muốn của dân tộc đó không được biểu thị một cách chính xác, rõ ràng và dựa trên tinh thần tự nguyện, vô luận cuộc sát nhập bằng vũ lực hay xảy ra lúc nào, vô luận dân tộc đó đang còn ở tình trạng lạc hậu hay đã phát triển tương đối cao, mọi cuộc sát nhập như thế đều coi là hành động xâm lược và chiếm cướp đất đai của kẻ khác. Và sau cùng vô luận dân tộc đó ở châu Âu hay ở các nước xa xôi bên kia đại dương » (4).

Ngoài ra sắc lệnh về hòa bình cũng coi việc đế quốc thực dân duy trì nền thống trị của chúng ở các nước thuộc địa đang đấu tranh giành độc lập dân tộc như những hành động xâm lược và chiếm cướp đất đai. Lê-nin viết : « Nếu bắt cứ một dân tộc nào còn bị giữ lại bằng vũ lực trong phạm vi bờ cõi của một nước khác, nếu dân tộc đó đã biểu thị nguyện vọng của mình — vô luận trên báo chí, trong các cuộc hội họp của quần chúng, trong các bản nghị quyết của các đảng phái hay trong các cuộc

(1, 2, 3, 4) Lê-nin tuyển tập q. 26.

bạo động và khởi nghĩa chống ách áp bức dân tộc, — mà người ta vẫn không thừa nhận cho nó quyền tự do chọn lấy những hình thức tổ chức chính trị của nó bằng một cuộc tuyển cử tự do, không có áp lực máy may nào, sau khi quân đội của nước lớn mạnh hơn hoàn toàn rút khỏi lãnh thổ của nó, — thì việc sát nhập là việc cướp đất, là hành động xâm lược và bạo lực » (1).

Đây là một nhận định rất mới mẻ về quan hệ giữa các nước, hoàn toàn phù hợp với quyền lợi căn bản của các dân tộc trên toàn thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, người ta đã xác nhận, về mặt pháp lý, tính chất hợp pháp và chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức, người ta đã kiên quyết lên án chủ nghĩa thực dân. Do đó sắc lệnh về hòa bình có thể coi như là một sức viện trợ lớn lao về tinh thần đối với phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức ở phương Đông.

Một văn kiện quan trọng nữa của Chính phủ xô-viết có tiếng vang to ở các nước thuộc địa là « Bản tuyên ngôn về quyền lợi của các dân tộc Nga » do Chính phủ xô-viết thông qua ngày 2-11 (tức 15-11-1917). Văn kiện tối quan trọng có tính chất hiến pháp này đã công bố những nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động của nhà nước xô-viết trong lĩnh vực các vấn đề dân tộc như dưới đây :

1. Quyền bình đẳng và tự chủ của các dân tộc Nga.
2. Quyền của các dân tộc Nga tự do định đoạt lấy vận mệnh của mình kể cả quyền tự tách ra để thành lập quốc gia độc lập.
3. Bãi bỏ tất cả mọi đặc quyền dân tộc và mọi hạn chế về quyền lợi dân tộc và tôn giáo.
4. Quyền tự do phát triển của các dân tộc ít người và của các nhóm chủng tộc sống trên lãnh thổ Nga.

Ngày 20-11 (tức 3-12-1917), Chính phủ xô-viết đã ra « Bản kêu gọi gửi toàn thể những người lao động Hồi giáo ở Nga và phương Đông », trong đó có ghi những điều khoản quan trọng nhất trong chính sách của Chính phủ xô-viết đối với Tuyêc-ki, I-ran và các nước Hồi giáo khác ở phương Đông. Chính phủ xô-viết tuyên bố xóa bỏ tất cả các điều ước do Chính phủ Nga hoàng và Chính phủ lâm thời ký kết về vấn đề chiếm cứ Côn-stanti-nô-pô-lit và chia cắt đất đai của Tuyêc-ki. Trong lời kêu gọi có câu : « Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga và Chính phủ của nó phản đối việc đi xâm chiếm đất đai của nước khác ; Côn-stanti-nô-pô-lit phải trở về tay những người Hồi giáo ».

Chính phủ xô-viết cũng tuyên bố xóa bỏ điều ước chia cắt I-ran và hứa hẹn rằng ngay sau khi chiến tranh kết thúc, quân đội Nga sẽ rút khỏi I-ran và người dân I-ran sẽ được đảm bảo quyền tự do định đoạt lấy vận mệnh của mình.

Bản kêu gọi trên nhấn mạnh tính chất chính nghĩa của cuộc đấu tranh của các dân tộc Hồi giáo bị áp bức ở phương Đông chống lại bọn thực dân. Trong văn kiện đó có đoạn nói : « Ngày nay trong lúc cuộc chiến tranh tàn khốc đang làm lay chuyển tận gốc rễ thế giới cũ, trong lúc toàn thể giới đang gian khổ chống lại bọn đế quốc xâm lược, trong lúc lòng phẫn nộ của quần chúng bị áp bức đang biến thành ngọn lửa cách mạng cháy ngùn ngụt, trong lúc mà những người Hồi giáo ở Ấn-độ sống khổ hạnh

(1) Lê-nin tuyên tập q. 26.

dưới ách thống trị ngoại quốc cũng đang vùng lên khởi nghĩa chống lại bọn người nô dịch họ, thì các bạn không thể im hơi lặng tiếng được nữa. Đừng bỏ phí thời gian nữa, hãy đuổi bọn xâm lược đầy tội lỗi ra khỏi đất nước các bạn, không để cho chúng cướp của, đốt nhà các bạn nữa. Các bạn phải tự mình trở thành chủ nhân đất nước mình. Các bạn phải tự mình xây dựng lấy cuộc sống theo tập quán và ý muốn riêng của mình. Các bạn có quyền làm việc đó, bởi vì vận mệnh của các bạn là ở trong tay các bạn».

Lời kêu gọi của Chính phủ xô-viết có một tiếng vang lớn trong quần chúng Hồi giáo ở nước Nga và ở các nước khác.

Nhiều chính khách ở các nước châu Á đã nhiệt liệt hoan nghênh văn kiện đó. Năm 1919, nhà hoạt động xã hội Hồi giáo nổi tiếng người Ấn-độ là Mô-ham-mét Ba-ra-ka-tu-la (Mohammed Barakatoulla) có viết một bài báo nhan đề « Chính quyền xô-viết và chế độ cộng hòa theo người Hồi giáo », trong đó có đánh giá ảnh hưởng của văn kiện trên và chính sách của Chính phủ xô-viết như sau : « Bình minh của nhân loại được giải phóng đang chiếu rọi ở chân trời nước Nga và Lê-nin là mặt trời chiếu sáng ngày hạnh phúc đó của loài người ».

Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, Chính phủ xô-viết đã công bố các điều ước bí mật và các tài liệu ngoại giao kín của Chính phủ Nga hoàng và Chính phủ lâm thời. Chính phủ xô-viết thông báo chính thức ngày 22-11-1917 : « Chúng tôi đang hoàn thành nghĩa vụ mà chúng tôi đã tự nhận lấy khi Đảng chúng tôi chưa nắm chính quyền, đang còn hoạt động trong vòng bí mật, bất hợp pháp. Chính phủ xô-viết coi sự công bố đó như một công hiến quan trọng cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân đang nô dịch các dân tộc nhỏ yếu... »

« Nhân dân lao động toàn thế giới phải hiểu rằng sau lưng họ, các nhà ngoại giao trong phòng họp kín đang bán rẻ vận mệnh của họ. Chúng ký kết những điều ước thật nhục nhã.

- Mỗi một văn kiện bí mật đó là một hành vi phản bội nhân dân.
- Mỗi một văn kiện bí mật đó phỉ nhổ lên mặt bọn người đi áp bức.
- Mỗi một văn kiện công bố lên là một vũ khí sắc bén chống lại bọn tư bản !
- Tất cả những âm mưu đen tối của chúng sẽ được đưa ra ánh sáng ».

Việc công bố các văn kiện bí mật đã làm lộ kế hoạch xâm chiếm thuộc địa của bọn đế quốc thực dân, đã giúp nhân dân phương Đông nâng cao tinh thần phản đề, đã vũ trang về tư tưởng cho các chiến sĩ của phong trào giải phóng ở các thuộc địa. Sau khi tuyên bố chính sách mới đối với các dân tộc bị áp bức ở phương Đông, Chính phủ xô-viết, bằng những hành động thực tế, bắt đầu thực hiện việc đặt quan hệ ngoại giao bình đẳng và trực tiếp với các nước ở châu Á.

Chính phủ xô-viết bắt đầu đàm phán với Chính phủ Trung-quốc để tạo những quan hệ hữu nghị mới giữa hai nước Xô -- Trung. Ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, nhiều tổ chức quần chúng ở Trung-quốc đã đề nghị cử một phái đoàn đại biểu sang Nga xô-viết để bàn về việc đặt những quan hệ thường xuyên giữa hai nước. Nhưng do áp lực của các nước đế quốc, những đề nghị đó không được thực hiện. Cuộc đàm phán Xô -- Trung bị đình chỉ. Quan hệ ngoại giao chính thức giữa hai nước bị cắt đứt trong một thời gian khá dài. Chính phủ phản động Bắc-kinh, do áp lực bên ngoài, đã tham gia cuộc vũ trang can thiệp của 14 nước đế quốc chống lại nhà nước xô-viết trẻ tuổi.

Cũng ngay sau khi giành được chính quyền, Chính phủ xô-viết đã tìm mọi cách để đặt những quan hệ hữu nghị với I-ran. Một mặt Chính phủ xô-viết ra lệnh rút ngay quân đội Nga ra khỏi lãnh thổ I-ran, mặt khác tuyên bố xóa bỏ tất cả các hiệp ước nhằm chông lại nền độc lập của I-ran.

Hành động của Chính phủ xô-viết đã nâng cao địa vị quốc tế của I-ran. Chính phủ I-ran định lợi dụng điều kiện thuận lợi đó để xóa bỏ những điều ước bất bình đẳng đã ký kết với các nước khác, trước hết là với nước Anh. Nhưng lúc này quân Anh đã bắt đầu xâm chiếm lại I-ran. Chính phủ I-ran vừa mới thông qua nghị quyết bãi bỏ những điều ước bất bình đẳng đã ký với nước ngoài thì bị buộc phải từ chức ngay, do áp lực của đế quốc Anh.

Như vậy là do hành động phá hoại của các nước đế quốc, nước Nga xô-viết đã không kiến lập được ngay những quan hệ hữu nghị trực tiếp với chính phủ các nước láng giềng phương Đông của mình. Nhưng chỉ mấy tháng sau Cách mạng tháng Mười, chính sách đối ngoại của Chính phủ xô-viết đã có tiếng vang rất lớn. Cụ thể là ngay chính phủ mới của I-ran, một chính phủ bị buộc phải theo lệnh của người Anh mà cắt đứt quan hệ ngoại giao với Nga-xô, cũng viết thư gửi lời chào Lê-nin, ca tụng Lê-nin là «Người sáng tạo ra nền tự do ở phương Đông», nhờ đó mà «những bông hoa hồng «Isphahan» (1) và hoa thủy tiên «Chiraz» (2) đang đua nở dưới ánh sáng mặt trời Cách mạng Nga».

Tháng 4-1919, vua Áp-ga-ni-stan cũng đề nghị với Chính phủ xô-viết kiến lập quan hệ hữu nghị với nước Áp-ga-ni-stan độc lập. Trong bức thư, nhà vua đã gọi các nhà lãnh đạo Cách mạng Nga là «những người bạn tốt của loài người» đang quan tâm đến «hòa bình và hạnh phúc của toàn thể giới», «những người đã tuyên bố những nguyên tắc tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên trái đất».

II. TƯ TƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGÀ THẨM NHẬP VÀO QUẢNG ĐẠI QUẦN CHÚNG BỊ ÁP BỨC Ở PHƯƠNG ĐÔNG

Trong việc kiến lập quan hệ hữu nghị và chính thức với chính phủ các nước phụ thuộc phương Đông, Chính phủ Nga xô-viết đồng thời cũng muốn tạo nên không khí gần gũi với các dân tộc bị áp bức. Điều này chứng tỏ tính chất mới hẳn về nguyên tắc trong chính sách đối ngoại của nhà nước xô-viết.

Chính phủ xô-viết không những chỉ chú ý đến chính phủ mà ngay cả đến quần chúng nhân dân lao động của các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông. Suốt năm 1919, Chính phủ xô-viết đã gửi rất nhiều lời kêu gọi đến các dân tộc phương Đông, trong đó tóm tắt một cách đầy đủ chính sách ngoại giao của nhà nước xô-viết đối với mỗi một dân tộc. «Lời kêu gọi của Chính phủ xô-viết gửi nhân dân Trung-quốc và các chính phủ Hoa-bắc và Hoa-nam» hồi tháng 7-1919, đã trịnh trọng tuyên bố từ chối mọi đặc quyền đặc lợi ở Trung-quốc của Chính phủ Nga hoàng ngày trước, xóa bỏ tất cả các điều ước bất bình đẳng cũ,

(1, 2) Tên địa phương ở nước I-ran.

tỏ rõ sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Trung-quốc và đề nghị nhân dân Trung-quốc sớm lập những quan hệ ngoại giao chính thức với Nga-xô-việt. Mặc dầu bọn đế quốc thực dân và bọn phong kiến phản động Trung-hoa đã tìm đủ mọi cách để bưng bít che giấu, lời kêu gọi đó vẫn đến với quảng đại quần chúng nhân dân Trung-quốc.

Ở Bắc-kinh, Thượng-hải, Thiên-tân và nhiều thành phố khác đã cử hành những cuộc hội họp và mít-tinh thảo luận lời kêu gọi trên của Chính phủ Nga-xô.

17 tổ chức quần chúng ở Trung-quốc đã phát biểu một bản tuyên bố chung tỏ lòng biết ơn và tin tưởng nhân dân và Chính phủ Nga-xô-việt, nhiệt liệt tán thành chính sách hòa bình hữu nghị của Chính phủ này đối với Trung-quốc (1). Tiếp theo đó, là « Lời kêu gọi công nhân và nông dân I-ran » của Chính phủ xô-việt công bố tháng 8-1919, « Lời kêu gọi công nhân và nông dân Tuyền » công bố tháng 9 năm ấy và các lời kêu gọi gửi nhân dân và Chính phủ nước Mông-cô tự trị, gửi các tổ chức cách mạng Triều-tiên.

Những lời kêu gọi các nước châu Á đó của Chính phủ xô-việt có một tác dụng to lớn. Nó đã làm cho tư tưởng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thâm nhập vào quần chúng nhân dân Trung-quốc, Ấn-độ, Tuyền-ki, Ai-cập, I-ran, Áp-ga-ni-stan, Mông-cô, Triều-tiên... Nó đã giảng cho chủ nghĩa đế quốc xâm lược một đòn chí mạng và đã cải thiện nhiều địa vị quốc tế của các nước phương Đông hồi bấy giờ. Bởi vậy không lấy gì làm lạ khi thấy rằng các tổ chức chính trị và tổ chức quần chúng ở hầu hết các nước thuộc địa và phụ thuộc đều muốn đặt quan hệ hữu nghị với nhân dân và Chính phủ Nga xô-việt, với Đảng Cộng sản và các đoàn thể quần chúng xô-việt.

Từ 1918 trở đi, nhiều đoàn đại biểu của các nước phương Đông đã đến Mát-sco-va. Trong bản báo cáo của Bộ Ngoại giao trước khóa họp lần thứ VII của Xô-việt toàn quốc (tháng 12-1919) có đoạn nói : « Từ cuối năm ngoài (1918) Mát-sco-va thường thấy trên các đường phố của mình những đại biểu của hầu hết các tổ chức cách mạng phương Đông, đã mạo hiểm vượt qua bao nhiêu quan ải để đến với chúng ta ».

Một đại biểu Triều-tiên phát biểu ý kiến chào mừng khóa họp lần thứ VII của Đại hội Xô-việt toàn nước Nga đã nói lên cảm tưởng chung của các đoàn đại biểu như sau : « Các đại biểu phương Đông, cũng như các đại biểu của các nước Hồi giáo đã tự nhủ rằng đối với họ, nước Nga xô-việt và Mát-sco-va là một lớp học vỡ lòng mới. Đối với những người vô sản và người dân Triều-tiên, Nga xô-việt là một vùng nước ngọt trên bãi sa mạc nắng cháy đã cứu sống đoàn người lữ hành sắp chết khát ».

Tháng 11-1918, những đại biểu đầu tiên của nhân dân Ấn-độ đã đến Mát-sco-va. Lúc đó, tư tưởng Cách mạng tháng Mười đã bắt đầu thâm nhập Ấn-độ. Điều đó đã được chính Sem-spho (Chelmsford), phó vương Ấn-độ lúc bấy giờ, thừa nhận trong lời tuyên bố của y trước một phiên họp của Viện dân biểu ở Ấn-độ như sau : « Ở Ấn-độ, có những phần tử thường đưa ra những khẩu hiệu của Cách mạng Nga và đòi thực hành những cải cách chính trị nhằm chống lại người Anh, chống lại chế độ và luật pháp hiện hành. Đạo lý của người Nga là như thế nên chúng ta phải sẵn sàng đối phó với những kẻ theo đạo lý ấy ».

(1) Tài liệu tham khảo về cách mạng dân chủ mới ở Trung-quốc của Hồ Hoa.

Các đại biểu Ấn-độ đã chuyển đến Bộ Ngoại giao Nga-xô bức thư của nhân dân Ấn gửi nước Nga xô-viết, được thông qua ở Đê-li từ cuối năm 1917, trong đó nhân dân Ấn hoan nghênh những nguyên tắc cao cả trong chính sách ngoại giao của Chính phủ xô-viết và cảm ơn nhân dân Nga đã ủng hộ nhân dân Ấn đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Trong lời chào mừng đọc trước một phiên họp của Ban chấp hành Trung ương xô-viết toàn quốc, đại biểu Ấn-độ đã tuyên bố : « *Ấn-độ từ xa xôi đang chào mừng các bạn vì thắng lợi mà các bạn đã đạt được trong sự nghiệp đấu tranh cho sự tiến bộ của loài người và cho toàn thể giai cấp vô sản. Ấn-độ khâm phục những khẩu hiệu cao cả mà các bạn đã đề ra. Ấn-độ cầu nguyện Trời Phật phù hộ cho các bạn để các bạn có đủ sức hoàn thành những công việc lớn lao mà các bạn mới bắt đầu và để tư tưởng của các bạn lan rộng khắp nơi trên trái đất.* »

Đoàn đại biểu Trung-quốc cũng đến Mát-sco-va cùng một lúc với đoàn đại biểu Ấn-độ. Các đại biểu đã được gặp Lê-nin và đã báo cáo với Lê-nin về tình hình ở Trung-quốc, về sự phát triển của phong trào cách mạng ở miền Hoa-nam. Họ đã tuyên bố rằng : « *Sự tồn tại của Nga xô-viết là vấn đề sống còn đối với các nước phương Đông.* »

Những đoàn đại biểu đầu tiên của các nước châu Á sang thăm Nga-xô khi trở về nước đã phổ biến rộng rãi cho nhân dân nước mình những tin tức về cuộc Cách mạng tháng Mười, về nước Nga xô-viết. Sự liên hệ trực tiếp giữa Nga xô-viết với các giới quần chúng rộng rãi ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông lúc này đã đặt cơ sở tốt cho những quan hệ hữu nghị giữa nhân dân Nga và nhân dân phương Đông. Những quan hệ hữu nghị này được củng cố không ngừng mặc dầu có âm mưu chia rẽ phá hoại của bọn thực dân đế quốc và chính sách phản động của những chính phủ bù nhìn ở các nước thuộc địa phương Đông.

Bọn đế quốc đã lắm khi chúng tưởng rằng do sự can thiệp vũ trang và sự phong tỏa nước Nga, do việc cắt đứt quan hệ ngoại giao với nước này mà chúng có thể dựng lên một bức tường kiên cố giữa các dân tộc phương Đông và dân tộc Nga. Sự thực chứng minh rằng ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thành công, một phong trào quần chúng đấu tranh cho tình hữu nghị với Nga xô-viết đã phát triển mạnh ở nhiều nước thuộc địa phương Đông.

Thất bại của bọn đế quốc can thiệp và bọn Bạch vệ phản cách mạng, thắng lợi của nhân dân xô-viết trong cuộc nội chiến, đã củng cố nhà nước xô-viết trẻ tuổi, làm cho nước Nga có thể chuyển sang giai đoạn phục hồi kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách hòa bình. Hơn nữa thắng lợi ấy đã thay đổi nhiều tình hình cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức phương Đông, tạo điều kiện tốt để Nga xô-viết và các nước châu Á ký kết những hiệp ước bình đẳng đầu tiên. Đầu năm 1921, các hiệp ước Xô — I-ran, Xô — Áp-ga-ni-stan và Xô — Túc đã được ký kết. Tiếp theo đó là hiệp ước Xô — Mông ký mùa thu năm 1921 và hiệp ước Xô — Trung ký hồi tháng 5 năm 1924. Tất cả những hiệp ước đó đều thể hiện một cách rõ ràng những nguyên tắc bình đẳng, những nguyên tắc chung sống hòa bình và hợp tác giữa các nước do Lê-nin đề ra. Như vậy cơ sở quan hệ hữu nghị giữa Nga-xô và các nước châu Á đã hình thành và củng cố.

Chính sách ngoại giao của nhà nước xô-viết ở phương Đông là một chính sách lâu dài, xuất phát từ bản chất của nhà nước xô-viết xã hội chủ nghĩa. Nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc không phải sợ xảy ra một sự thay đổi nào trong chính sách đó của Liên-xô. Cho nên các nhà chính trị nhìn xa thấy rộng ở các nước phương Đông đã lấy tình hữu nghị với Nga xô-viết làm cơ sở cho chính sách độc lập dân tộc của mình. Kê-man A-ta-tuýc (Kemal Ataturk), người đứng đầu Chính phủ quốc gia Tuýc, tháng 9-1921, đã tuyên bố trước Quốc hội Tuýc như sau :

« Chúng ta là bạn của người Nga vì người Nga công nhận và tôn trọng quyền độc lập dân tộc của chúng ta trước mọi người. Do đó người Nga có thể là người đáng được chúng ta tin cậy nhất hôm nay, ngày mai và mãi mãi ».

Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á — Phi đã chứng minh một cách hùng hồn rằng thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã thay đổi địa vị quốc tế của họ về căn bản.

Bọn thực dân càng cảm thấy khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch xâm lược của chúng, khó khăn cả trong việc kìm hãm các dân tộc bị nô dịch. Chính sự tồn tại của nhà nước xô-viết xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới đã làm cho lực lượng của bọn phản động quốc tế yếu hẳn đi, do đó đã tạo ra một tình hình quốc tế mới vô cùng thuận lợi cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân phương Đông. Khi mà chủ nghĩa đế quốc còn là một hệ thống duy nhất bao trùm toàn thế giới thì phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc chỉ có thể làm lay chuyển phần nào hệ thống thuộc địa mà thôi. Nhưng sau khi Cách mạng tháng Mười thành công thì trong tình hình quốc tế mới đã có nhiều triển vọng và khả năng thực tế để các dân tộc bị áp bức giành được thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh cho độc lập của xứ sở mình.

Gương anh dũng của công nhân và nông dân Nga đã truyền tư tưởng cách mạng cho quảng đại quần chúng nhân dân lao động trên toàn thế giới, đã thúc đẩy hàng triệu người bị áp bức ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông tăng cường cuộc đấu tranh giải phóng. Ảnh hưởng sâu rộng của tư tưởng Cách mạng tháng Mười đối với nhân dân phương Đông trước hết là do tính chất xã hội chủ nghĩa của nó. Nhưng ngoài ra còn nhiều yếu tố, nhiều đặc điểm quan trọng khác của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga, làm cho ảnh hưởng của nó đối với nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc càng thêm sâu sắc.

Cách mạng tháng Mười đã thắng lợi ở một nước lớn — nước Nga. Nước đó đồng thời vừa là một cường quốc, một nửa ở châu Á, một nửa ở châu Âu, vừa là một nước giáp giới với các nước lớn và quan trọng bậc nhất trong thế giới thuộc địa. Nước Nga xô-viết đã trở thành một cái cầu nối liền các dân tộc bị áp bức phương Đông với những người vô sản cách mạng phương Tây.

Cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa, tháng Mười thắng lợi ở Nga, mấy tháng sau khi cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng 2-1917 thành công, đã dựa trên cơ sở thực hiện phương châm của Lê-nin để ra là chuyển cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ trong điều kiện ấy, Cách mạng tháng Mười mới giải quyết thành công những nhiệm vụ mà cách mạng dân chủ trước đây chưa hoàn thành.

Điều đó làm cho Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười trở nên gần gũi và dễ hiểu đối với các dân tộc thuộc địa phương Đông. Điều đó tăng cường ảnh hưởng của những tư tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, bởi vì phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân phương Đông trong giai đoạn đầu của nó cũng có tính chất dân chủ tư sản.

Cách mạng tháng Mười lần đầu tiên trong lịch sử đã giải quyết đến cùng vấn đề ruộng đất cho dân cày. Mà các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông chủ yếu là những nước nông nghiệp ; vấn đề ruộng đất đang là vấn đề trung tâm và cấp thiết đối với họ. Nó là nội dung căn bản của phong trào cách mạng đã chín muồi ở phương Đông. Cách giải quyết đúng đắn và triệt để vấn đề ruộng đất ở Nga, do kết quả của Cách mạng tháng Mười, đã gây một ấn tượng sâu sắc trong đầu óc của hàng triệu nông dân chiêm tuyệt đại đa số nhân dân trong các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Lê-nin đã vạch rõ : « Đa số các dân tộc phương Đông đang sống trong tình cảnh thật là khổ sở so với ngay cả nước lạc hậu nhất ở châu Âu là nước Nga, nhưng chúng ta đã liên minh được công nhân với nông dân Nga để đấu tranh chống những tàn tích của chế độ phong kiến và tư bản, và cuộc đấu tranh của chúng ta còn dễ dàng hơn bởi vì nông dân và công nhân đã được liên minh để chống lại tư bản và phong kiến. Ở đây nói đến các dân tộc phương Đông thì có một đặc điểm rất quan trọng là đa số nhân dân phương Đông, tầng lớp cơ bản của quần chúng lao động không phải là những người công nhân đã trải qua các nhà máy, các công xưởng của tư bản, mà là những người nông dân đang sống dưới ách áp bức của thời trung cổ » (1).

Cuối cùng, Cách mạng tháng Mười đã nêu một tấm gương sáng trong việc giải quyết một cách thỏa đáng vấn đề dân tộc. Nhờ có cuộc Cách mạng tháng Mười mà các nước trước kia là thuộc địa của Nga hoàng đã được giải phóng. Đó là một đòn nặng nề giáng vào hệ thống đế quốc chủ nghĩa.

Đứng về phía chủ quan của các dân tộc phương Đông mà nói thì sở dĩ họ tiếp thu một cách rất nhạy những tư tưởng của Cách mạng tháng Mười là bởi vì chính tại nước họ, những điều kiện chủ quan thuận lợi cho việc đẩy mạnh phong trào giải phóng dân tộc đã chín muồi.

Sự phát triển của các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và đặc biệt trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã chuẩn bị điều kiện thuận lợi để cho nhân dân phương Đông hấp thụ những tư tưởng giải phóng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười.

Ngay trước cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đã phát sinh ở các nước thuộc địa phương Đông. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất càng thúc đẩy phong trào đó phát triển mạnh hơn, càng thức tỉnh nhân dân phương Đông, lôi kéo họ vào những hoạt động chính trị có tính chất quốc tế.

Chiến tranh đã có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển về kinh tế và xã hội của các nước thuộc địa và phụ thuộc. Do chiến tranh mà nhu cầu về lương thực, nguyên liệu và hàng công nghiệp tăng cao. Do chiến

(1) Lê-nin tuyển tập q. 30.

tranh mà mâu dịch quốc tề bị đình trệ. Điều đó tạo ra một bước nhảy vọt trong sự phát triển công nghiệp dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Đặc biệt nền sản xuất công nghiệp ở Ấn-độ, Trung-quốc, Ai-cập, Triều-tiên tăng lên rất nhanh, thúc đẩy sự phát triển chủ nghĩa tư bản dân tộc ở các nước thuộc địa khác.

Theo đà phát triển của chủ nghĩa tư bản dân tộc, giai cấp vô sản ở các nước thuộc địa cũng trưởng thành nhanh chóng. Họ bắt đầu giác ngộ quyền lợi giai cấp một cách sâu sắc và thấy sự cần thiết phải tổ chức những đoàn thể riêng biệt của mình. Cuối thời kỳ chiến tranh, giai cấp công nhân ở nhiều nước như Trung-quốc, Ấn-độ... đã trở thành một lực lượng xã hội hùng hậu, chứng tỏ rằng phong trào công nhân lúc này ở các nước phương Đông đã tiến từ chỗ tự phát đến chỗ có ý thức, có tổ chức.

Chiến tranh thế giới lại làm cho quần chúng nông dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc càng phá sản nhanh chóng, gây ra sự bất mãn ngày càng sâu sắc của hàng triệu quần chúng nông dân, tạo những điều kiện khách quan để cho họ tham gia một cách tích cực hơn vào phong trào giải phóng dân tộc. Do đó họ dần dần sát cánh với giai cấp công nhân để hình thành khối công nông liên minh.

Hơn nữa, trong những năm chiến tranh, nhân dân bị áp bức ở các nước thuộc địa đã học những bài học kinh nghiệm lớn. Hàng triệu binh lính thuộc địa bị bọn đế quốc thực dân mộ sang châu Âu làm bia đỡ đạn cho chúng đã nhìn thấy nhiều và học được nhiều.

Lê-nin nói : « Chiến tranh đế quốc đã giúp đỡ cho cách mạng, giai cấp tư bản châu Âu đã mộ lính ở các thuộc địa, các nước lạc hậu và những nơi hoang dã, đẩy họ vào cuộc chiến tranh đế quốc. Tư bản Anh đã dụ dỗ lính Ấn-độ, nói rằng người Ấn-độ phải bảo vệ « mẫu quốc » chống nước Đức xâm lược. Tư bản Pháp dụ dỗ lính ở các thuộc địa châu Phi, nói rằng người da đen phải đi bảo vệ nước Pháp. Chúng dạy cho biết bắn súng. Đó là điều hiểu biết tối cần thiết... Chiến tranh đế quốc đã đưa các dân tộc thuộc địa vào lịch sử thế giới » (1).

Trước tình hình ấy, những tư tưởng giải phóng mà Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã đề xướng hoàn toàn phù hợp với những đòi hỏi cơ bản nhất và cấp thiết nhất của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông. Bởi vậy Cách mạng tháng Mười Nga như một ngòi lửa châm vào kho thuốc súng làm nổ ra một cao trào cách mạng rộng rãi chưa từng thấy từ trước tới nay ở khắp các nước châu Á và châu Phi.

III. TƯ TƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGÀ THẮNG LỢI RỰC RỠ Ở PHƯƠNG ĐÔNG

Những phần tử tiên bộ ở các nước phương Đông nhiệt liệt hoan nghênh Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười ngay từ những ngày đầu tiên sau khi cách mạng thành công. Họ chăm chú theo dõi tin tức từ nước Nga truyền đi. Mặc dầu bọn thực dân và những phần tử phản động

(1) Lê-nin tuyển tập q. 31.

bản xứ cô tình che giấu và xuyên tạc ý nghĩa của sự kiện lịch sử vĩ đại đó, những tin tức về Cách mạng tháng Mười vẫn truyền đi khắp nơi ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông.

Cuối năm 1919, nhiều đại biểu của các tổ chức cách mạng của một số nước phương Đông họp ở Ta-sơ-ken (Tachkent) để thành lập nên một tổ chức gọi là «Hội tuyên truyền quốc tế phương Đông» và bầu Mút-sta-pha Xu-bi (Mustapha Subli), nhà cách mạng Tuyếc nổi tiếng, làm chủ tịch.

Hội tuyên truyền quốc tế phương Đông mà nhiệm vụ căn bản là giáo dục, đào tạo những cán bộ cách mạng từ các nước phương Đông sang, gồm nhiều phân hội : Trung-quốc, Ấn-độ, I-ran, Tuyếc... Hội ra báo chí, tài liệu truyền đơn in bằng đủ các thứ tiếng của các dân tộc phương Đông nhằm phổ biến rộng rãi khắp nơi sự thực về Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, vạch trần chế độ thuộc địa và chính sách của bọn thực dân.

Trong «Lời kêu gọi các dân tộc bị áp bức» của Hội tuyên truyền quốc tế phương Đông có những câu như sau : «*Những khẩu hiệu cách mạng của chúng ta hãy nhất trí vang lên ở Côn-stan-ti-nô-pô-lit, Bát-da, Tê-hê-ran, Ka-bun, Ke-rô, Đê-li và Bắc-kinh !*

«*Những kẻ đi áp bức phương Đông là bọn đế quốc phản động thật đáng nguyên rủa !*

«*Khởi liên minh của các dân tộc bị áp bức phương Đông với giai cấp vô sản phương Tây muốn năm !*»

Hoạt động của Hội tuyên truyền quốc tế phương Đông đã giúp nhiều cho việc truyền bá những tư tưởng Cách mạng tháng Mười, những tư tưởng hữu nghị và bình đẳng giữa các dân tộc phương Đông.

Tháng 9-1920, theo sáng kiến của Quốc tế Cộng sản và của một số các tổ chức cách mạng phương Đông, Đại hội các dân tộc phương Đông đã họp tại Ba-ku (Bakou), có hàng trăm đại biểu từ các nước đến dự. Tại Đại hội, có mặt đông đủ đại biểu của các tổ chức cách mạng khác nhau và các nhà hoạt động chính trị ở phương Đông. Họ nhất trí hoàn chỉnh chính sách bình đẳng và hữu nghị giữa Nga-xô và các dân tộc phương Đông do Cách mạng tháng Mười đề xướng.

Đại hội đã bầu «Ban tuyên truyền thường trực của các dân tộc phương Đông» để phối hợp hành động của các tổ chức cách mạng ở các nước này.

Trung-quốc là một trong những nước phương Đông chịu ảnh hưởng trực tiếp của Cách mạng tháng Mười một cách mãnh liệt nhất và sâu sắc nhất. Như Chủ tịch Mao Trạch-đông đã nói : «*Tiếng súng của Cách mạng tháng Mười Nga đã đưa đến cho chúng tôi chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Cách mạng tháng Mười đã giúp cho toàn thể giới và những phần tử tiến tiến ở Trung-quốc dùng vũ trụ quan của giai cấp vô sản để xem xét vận mệnh của nước nhà và suy xét lại những vấn đề của mình. Đi theo con đường của người Nga, đó là câu kết luận*» (1).

Từ đầu năm 1918, các báo chí ở Trung-quốc đều đăng tin thắng lợi của Cách mạng Nga và những chính sách lớn của chính quyền xô-viết như sắc lệnh về ruộng đất, sắc lệnh về hòa bình, sắc lệnh về hôn

(1) Mao Trạch-đông. Bàn về nhân dân chủ chuyên chính.

nhân, v.v... Các chiến sĩ cách mạng Trung-quốc bắt đầu chú ý nghiên cứu kinh nghiệm của Cách mạng Nga. Năm 1918, giáo sư Lý Đại-chiêu, nhà khoa học nổi tiếng ở Trung-quốc và là một trong những người đầu tiên tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở Trung-quốc, đã viết một loạt bài nói về Cách mạng tháng Mười Nga. Lý Đại-chiêu vạch trần những luận điệu vu khống của bọn phản động quốc tế và trong nước nói xấu Nga-xô. Ông chào mừng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười như « ánh sáng mặt trời chiếu rọi con đường giải phóng cho toàn thể loài người ». Ông viết : « Khi chiếc lá thông đầu tiên rời khỏi cành, báo hiệu sắp sang thu thì Cách mạng Nga cũng báo hiệu những sự kiện mới. Mặc dầu chủ nghĩa bôn-sê-vich do người Nga sáng tạo, nhưng tinh thần của nó là tinh thần chung, đã thức tỉnh lòng người sống ở thế kỷ XX ».

Cuộc vận động « Ngũ tứ » (4-5-1919) nổ ra ở Trung-quốc là do ảnh hưởng trực tiếp của Cách mạng tháng Mười. Từ đó, Cách mạng Trung-quốc trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản toàn thế giới ; cũng từ đó, Cách mạng Trung-quốc chuyển từ giai đoạn cách mạng dân chủ cũ sang giai đoạn cách mạng dân chủ mới.

Sau cuộc vận động « Ngũ tứ », những phần tử tiên tiến thấy rằng động lực chủ yếu thúc đẩy Cách mạng Nga cũng là động lực chủ yếu của Cách mạng Trung-quốc, rằng phương thức đấu tranh của giai cấp công nhân Nga cũng thích ứng với giai cấp công nhân Trung-quốc. Do đó, họ ra sức biên dịch các tác phẩm của Mác — Ăng-ghe-n — Lê-nin, các tác phẩm nói về Cách mạng Nga và về phong trào công nhân trên thế giới, họ ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đi vào trong quần chúng công nhân để tuyên truyền cho chủ nghĩa đó, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa của thợ thuyền khiến cho sau cuộc vận động « Ngũ tứ », Cách mạng Trung-quốc bước hẳn sang một giai đoạn mới.

Đầu năm 1920, nhiều tiểu tổ mác-xít đã xuất hiện ở Thượng-hải, Bắc-kinh, Thiên-tân, Quảng-châu, Trường-sa và ở nhiều thành phố lớn khác nữa ; đặc biệt tiểu tổ mác-xít ở Trường-sa thuộc tỉnh Hồ-nam do đồng chí Mao Trạch-đông sáng lập đóng một vai trò quan trọng trong sự thành lập Đảng Cộng sản Trung-quốc sau này. Đồng thời do sáng kiến của các tiểu tổ mác-xít đó, những tổ chức công hội đã được thành lập ở nhiều nơi. Các tiểu tổ mác-xít liên hệ mật thiết với các công hội địa phương và phối hợp tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong quần chúng thợ thuyền. Phong trào công nhân ngày càng mạnh mẽ do được giác ngộ về ý thức giai cấp, do kết hợp ngày càng chặt chẽ với chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Tình hình đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng Cộng sản Trung-quốc ra đời tháng 7-1921.

Sự thành lập Đảng Cộng sản Trung-quốc là cái biểu hiệu tập trung nhất, cao độ nhất của ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với Trung-quốc.

Nói về ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Trung-quốc, đồng chí Mao Trạch-đông đã từng nhấn mạnh rằng : « *Đảng Cộng sản Trung-quốc là một đảng noi theo gương Đảng Cộng sản Liên-xô để tổ chức và phát triển* ». Phong trào công nhân Trung-quốc nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của chính đảng Mác — Lê-nin đó mà phát triển một cách bùng nổ.

Từ sau ngày Đảng Cộng sản Trung-quốc ra đời, cuộc vận động cách mạng của nhân dân Trung-quốc bước sang một giai đoạn mới. Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản, Cách mạng Trung-quốc mỗi ngày một lớn mạnh, vượt qua muôn trùng khó khăn và gian lao, lần lượt đánh đổ mọi kẻ thù trong nước và ngoài nước, đập tan chế độ phong kiến tồn tại từ mấy nghìn năm và ách thống trị của đế quốc tư bản từ hàng thế kỷ, mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân Trung-quốc, đưa nước Trung-hoa vĩ đại tiến lên không ngừng trên con đường vinh quang của chủ nghĩa xã hội ngày nay.

Đòi với Mông-cô, Cách mạng tháng Mười và học thuyết Mác — Lê-nin « đã giải thoát cho nhân dân Mông-cô khỏi thế giới tối tăm và ngu dốt của thời trung cổ, đã cứu nhân dân Mông-cô khỏi vòng nô lệ đế quốc chủ nghĩa » (1).

Chịu ảnh hưởng trực tiếp của những tư tưởng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, những người cách mạng Mông-cô đứng đầu là Su-khê Ba-to và Sô-lô-ban-san đã sáng lập ra Đảng Nhân dân cách mạng Mông-cô (1921). Đại hội lần thứ I (tháng 3-1921) của Đảng Nhân dân cách mạng Mông-cô đề ra nhiệm vụ chủ yếu là đấu tranh chống đế quốc xâm lược, tuyên bố thực hiện sự liên minh giữa nhân dân lao động Mông-cô và công nhân Nga là điều kiện căn bản đảm bảo thắng lợi của cách mạng phản đế và phản phong. Từ đó, Cách mạng Mông-cô trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng, nhân dân Mông-cô đã đánh đuổi bọn phong kiến quân phiệt xâm lược Trung-hoa và bọn thù địch Bạch vệ Nga, làm cuộc khởi nghĩa tháng 3-1921 thành công, thành lập Chính phủ nhân dân Mông-cô (7-1921). Tháng 11-1924, Quốc hội Mông-cô (Khô-ran) thông qua hiến pháp của nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô, khai sinh cho một nhà nước dân chủ nhân dân xuất hiện đầu tiên ở phương Đông. Cũng trong năm 1924 này, Đại hội lần thứ III của Đảng Nhân dân cách mạng Mông-cô, căn cứ vào luận điểm của Lê-nin về con đường phát triển của các nước lạc hậu trong điều kiện có sự giúp đỡ của giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến, đã vạch rõ con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nhân dân Mông-cô không qua con đường tư bản chủ nghĩa.

Trong 38 năm qua, nhất là từ năm 1940 trở lại đây, những thắng lợi rực rỡ của công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa rực rỡ đã đưa Mông-cô vượt qua con đường mà các nước khác phải đi hàng mấy thế kỷ. « Toàn bộ lịch sử phát triển của nước Cộng hòa nhân dân Mông-cô, toàn bộ những thành tựu của nhân dân Mông-cô là một bằng chứng không thể chối cãi được của sự chính xác và sức sống vĩ đại của học thuyết Mác — Lê-nin, của tư tưởng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga » (2).

Cách mạng tháng Mười cũng đã thức tỉnh nhân dân Triều-tiên đứng dậy đấu tranh sòng chẹt chống đế quốc xâm lược Nhật, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc của mình. Nói về ảnh hưởng của Cách mạng

(1) Xê-đen-ban. — Trên con đường do Lê-nin vĩ đại đã vạch ra. Xem báo « Vì một nền hòa bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân » (tiếng Pháp) số ra ngày 22-11-55.

(2) Xê-đen-ban. — Tài liệu đã dẫn.

tháng Mười đối với Triều-tiên, Thủ tướng Kim Nhật Thành nói : « Cách mạng tháng Mười đã có tác dụng quyết định đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân chúng tôi. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã làm cho những tư tưởng cách mạng vĩ đại của chủ nghĩa Mác — Lê-nin thâm nhập và truyền bá nhanh chóng vào trong nước chúng tôi » (1).

Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, tháng 3-1919, một phong trào khởi nghĩa rộng lớn chống bọn xâm lược Nhật nổi lên như một ngọn sóng thần. Từ thời kỳ ấy, những người Triều-tiên yêu nước ưu tú nhất đã nghiên cứu sâu sắc những tác phẩm của Lê-nin. Ở những trung tâm công nghiệp Triều-tiên, các nhóm bí mật nghiên cứu về chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã được thành lập trong công nhân và tầng lớp trí thức tiên bộ. Do sự hoạt động của các nhóm này, Đảng Cộng sản Triều-tiên được thành lập năm 1925. Sau khi Đảng Cộng sản ra đời, một làn sóng bãi công có tổ chức của công nhân và những cuộc khởi nghĩa của nông dân đã nổi lên dồn dập khắp trong nước. Mặc dầu Đảng Cộng sản Triều-tiên bị mật thám Nhật truy nã, đàn áp và bị những phần tử cơ hội chui vào hoạt động phá hoại đoàn kết nội bộ làm cho lực lượng của Đảng yếu hẳn đi, nhưng những người cộng sản Triều-tiên vẫn kiên trì đấu tranh và vẫn đứng hàng đầu của phong trào giải phóng dân tộc. Do sáng kiến của họ, một Mặt trận dân tộc thống nhất gọi là « Tổ quốc quang phục hội » ra đời năm 1935, nhằm đoàn kết và động viên mọi lực lượng yêu nước đấu tranh chống đế quốc Nhật.

Những người cộng sản Triều-tiên, vũ trang bằng học thuyết Mác — Lê-nin và bằng những kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười, đã chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng của đất nước họ và đã thành công vẻ vang trong việc giải phóng một nửa đất nước Triều-tiên và trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc ngày nay.

Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi cũng đã gây một ấn tượng sâu sắc không thể phai mờ được trong tâm trí của nhân dân lao động Nhật-bản, gây cho họ lòng tin tưởng ở sức mạnh đấu tranh của mình chống nền chuyên chế quân phiệt, chống tư bản độc quyền và địa chủ bán phong kiến. Mùa hạ năm 1918, phong trào « bạo động cướp gạo » đã nổ ra ở Nhật-bản. Nhân dân lao động đói rét đã tổ chức đi cướp các kho lương thực của bọn thương nhân giàu có đầu cơ tích trữ. Đó là một cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản Nhật nổ ra lần đầu tiên trong lịch sử Nhật-bản, được nông dân và dân nghèo thành thị ủng hộ, đe dọa nghiêm trọng địa vị của giai cấp thống trị và uy thế của Nhật hoàng.

Sau vụ « bạo động cướp gạo », phong trào công đoàn lâu nay bị nền quân chủ quân sự chuyên chế bóp nghẹt, lại phát triển mạnh về số lượng và chất lượng, do sự thâm nhập của tư tưởng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vào quần chúng lao động và những phần tử trí thức tiên bộ Nhật-bản. Năm 1922, sau Đại hội các dân tộc ở Viễn Đông họp ở Mát-scơ-va, nhiều nhóm cộng sản riêng rẽ ở Nhật đã thống nhất lại để thành lập Đảng Cộng sản Nhật dưới sự lãnh đạo của Sen Ka-ta-ya-ma. Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nhật đề ra nhiệm vụ lật đổ chế độ quân

(1) Kim Nhật Thành. — Học thuyết Mác — Lê-nin là ngôi sao dẫn đường chúng ta. Xem báo « Vì một nền hòa bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân » số ra ngày 22-4-1955.

chủ và thành lập chế độ cộng hòa dân chủ. Như vậy là « âm mưu của giai cấp thống trị nhằm ngăn ngừa chủ nghĩa Mác — Lê-nin bắt rễ trên đất Nhật đã vĩnh viễn tiêu tan như bong bóng xà-phòng. Đối với những người Nhật nhằm mục tiêu tiền đề chủ nghĩa cộng sản, năm 1922 là một năm không bao giờ quên được... Ảnh hưởng lớn nhất của Cách mạng tháng Mười Nga đối với Nhật-bản có thể nói là sự thành lập Đảng Cộng sản Nhật với mục đích thực hiện lý tưởng của Cách mạng Nga ở Nhật bản » (1).

Từ ngày thành lập Đảng Cộng sản Nhật đến ngày chủ nghĩa đề quốc Nhật sụp đổ năm 1945, trong 23 năm trời, Đảng Cộng sản Nhật đã đấu tranh anh dũng và bền bỉ trong hoàn cảnh bất hợp pháp và luôn luôn bị đàn áp tàn bạo. Nhưng Đảng cũng đã thành lập được một số cơ sở để mở rộng hơn nữa phong trào cách mạng sau chiến tranh trong công nhân, nông dân, và thanh niên trí thức (2). Điều đó biểu hiện trong sự phát triển rất nhanh chóng của bản thân Đảng Cộng sản Nhật hiện nay đang có hàng chục vạn đảng viên và đang giương cao ngọn cờ tiền phong trong cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật-bản chống đề quốc Mỹ xâm lược và chống chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

Đối với Việt-nam ta, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười không trực tiếp từ Nga đến với nhân dân ta mà qua phong trào công nhân cách mạng Pháp và qua phong trào cách mạng dân chủ mới của Trung-quốc. Hồ Chủ tịch nói : « Những người cách mạng Việt-nam tiếp thu ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác — Lê-nin là nhờ có Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Trung-quốc. Đối với những người cách mạng Việt-nam, ảnh hưởng đó và chủ nghĩa đó tựa như nước uống đối với người đi đường bị khát chờ đợi từ lâu, tựa như cây lúa được chăm bón đầy đủ và có sức mới » (3).

Tuy không chịu ảnh hưởng trực tiếp của Cách mạng tháng Mười Nga, giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam vẫn lấy làm tự hào về người con ưu tú của mình là đồng chí Tôn Đức Thắng, năm 1919 đã cùng công nhân và thủy quân Pháp khởi nghĩa trên chiến hạm Pa-ri để phản đối đề quốc Pháp và các nước đề quốc khác vũ trang can thiệp vào nước Nga, hồng bóp chẹt nước Cộng hòa xô-viết trẻ tuổi. « Hành động đó đã nói lên tinh thần quốc tế vô sản của giai cấp công nhân Việt-nam và góp một phần nhỏ nhưng rất có ý nghĩa của nhân dân Việt-nam vào phong trào đấu tranh ủng hộ Cách mạng tháng Mười » (4).

Cũng năm 1919, đang khi Hội nghị hòa bình họp ở Véc-xây, bản yêu cầu của người thanh niên Việt-nam Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị đòi giải quyết những quyền lợi căn bản của nhân dân ta, đã làm cho dư luận thế giới chú ý đến Việt-nam.

(1) Sơ biên kiện thái lang. Bàn về ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười ở Nhật-bản. Tạp chí « Tiền vệ » ở Tô-ki-ô số tháng 12-1957 do Dương Huy dịch, đăng trên nguyệt san « Lịch sử giáo học » số tháng 5 và 6 năm 1958. Thiên-tân nhân dân xuất bản xã.

(2) Theo Tô-kư-đa. Ba mươi năm của Đảng Cộng sản Nhật.

(3) Hồ Chí Minh. Tài liệu đã dẫn.

(4) Trường Chinh. Cách mạng tháng Mười và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam cho độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội.

Mặc dù đế quốc Pháp hết sức bưng bít và xuyên tạc, những tin tức về Cách mạng tháng Mười và về chính sách của chính quyền xô-viết trẻ tuổi cũng như học thuyết Mác — Lê-nin cũng dần dần đến với nhân dân Việt-nam.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người đầu tiên vào Đảng Cộng sản Pháp đã đưa tư tưởng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vào Việt-nam. Trong thời gian từ 1925 — 1926, đồng chí là người đào tạo những thanh niên cách mạng của phong trào Đông du còn sót lại và thanh niên tiên bộ trong nước xuất ngoại sang Quảng-châu (Trung-quốc). Những người thanh niên này đã trở thành đội quân đầu tiên gieo mầm mống tư tưởng cộng sản chủ nghĩa trong nước một cách có tổ chức.

Lúc này, nhiều tài liệu, sách báo mác-xít được lén lút đưa về nước ta. Những quyển « *Làm gì* », « *Bệnh đau trĩ* (tả khuynh) trong phong trào cộng sản », « *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* », « *Nguyên lý chủ nghĩa Lê-nin* » cùng với những tờ báo như *Pa-ri-a*, *Việt-nam hỗn*, *Phục quốc*, và nhất là cuốn « *Kết án chủ nghĩa thực dân Pháp* » của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đưa từ bên Pháp về được những thanh niên yêu nước hoan nghênh nhiệt liệt (1924 — 1925).

Một luồng gió mới đầy sinh khí của chủ nghĩa Mác — Lê-nin thổi vào bán đảo chữ S làm cho phong trào công nhân Việt-nam từ đầu tranh tự phát tiến đến đấu tranh có ý thức, có tổ chức, có lãnh đạo.

Từ 1925 trở đi, phong trào công nhân ngoài những mục tiêu kinh tế đã mang tính chất của những cuộc đấu tranh chính trị, như công nhân Ba-son đấu tranh đòi thả nhà ái quốc Nguyễn An Ninh, hay bãi công ngăn tàu Mi-sơ-lê để làm chậm sự can thiệp của đế quốc Pháp vào Cách mạng Trung-quốc. Công nhân Ba-son do sáng kiến của đồng chí Tôn Đức Thắng đã tổ chức công hội của mình, công hội đầu tiên ra đời ở Việt-nam. Từ sau 1927, nghĩa là khi tư tưởng Mác — Lê-nin và phương pháp đấu tranh mới bắt đầu thâm vào những người Thanh niên cách mạng đồng chí hội và đi sâu vào giai cấp công nhân Việt-nam thì phong trào đấu tranh của công nhân mới càng rộng lớn và có tổ chức hơn : cuộc bãi công của công nhân xưởng A-vi-a ở Hà-nội, của công nhân đồn điền Dầu-tiêng v.v... là những bằng chứng cụ thể.

Ngày 6 tháng giêng năm 1930, Đảng Cộng sản Đông-dương ra đời là một biểu hiện sâu sắc nhất, tập trung nhất của ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với Việt-nam. Việc thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương 13 năm sau Cách mạng tháng Mười là kết tinh của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt-nam kết hợp với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là kết tinh của sự tích lũy lý luận và kinh nghiệm đấu tranh của phong trào công nhân quốc tế.

Việc thành lập Đảng Cộng sản Đông-dương đã mở đầu cho một giai đoạn lịch sử mới của dân tộc ta : giai đoạn giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó lãnh đạo phong trào Cách mạng Việt-nam, chống chủ nghĩa đế quốc Pháp và chế độ Nam triều phong kiến thời nát.

Vừa mới ra đời, Đảng Cộng sản Đông-dương trẻ tuổi đã lãnh đạo phong trào xô-viết của nông dân tỉnh Nghệ-an năm 1930. Mặc dù phong trào xô-viết Nghệ-an bị đế quốc Pháp đàn áp một cách dã man, Đảng Cộng sản Đông-dương vẫn không ngừng đấu tranh và bằng những hy

sinh lớn lao, Đảng đã tiếp tục đấu tranh để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt-nam đến thắng lợi rực rỡ ngày nay.

Non 30 năm qua, dưới ngọn cờ quang vinh của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đi theo con đường mà Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, Đảng Cộng sản Đông-dương trước đây và Đảng Lao động Việt-nam ngày nay đã hy sinh dũng cảm và bền bỉ đấu tranh để lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi và hiện đang ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười vĩ đại ở Nga cũng đã ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giành độc lập dân tộc của nhân dân In-đô-nê-xi-a và trước hết là tác động mạnh mẽ đến đường lối của Liên minh xã hội — dân chủ In-đô-nê-xi-a (I.S.D.V.), một tổ chức thành lập năm 1914 tại Sê-ma-rang, tập hợp những người trí thức cách mạng In-đô-nê-xi-a và Hà-lan nhằm mục đích truyền bá chủ nghĩa Mác trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Như lời đồng chí D.N. Ai-đích đã nói : *« Cách mạng tháng Mười chẳng những là một lực lượng thúc đẩy đấu tranh, mà nó còn mang lại cho chúng tôi chủ nghĩa Mác — Lê-nin nữa... Giai cấp vô sản, những phần tử tiên bộ In-đô-nê-xi-a cũng không chậm lăm trong việc hưởng ứng theo tiếng súng của Cách mạng tháng Mười vĩ đại... Do đó mà cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân In-đô-nê-xi-a đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới nhằm đập tan chủ nghĩa đế quốc »* (1).

Tháng 5 năm 1920, Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a ra đời. Đó cũng là cái biểu hiện sâu sắc nhất, cụ thể nhất của ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với nhân dân In-đô-nê-xi-a. Từ đó, Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a luôn luôn đứng ở hàng tiên phong của cuộc đấu tranh chống sự bóc lột của giai cấp tư bản và địa chủ, chống chủ nghĩa thực dân. Uy tín của Đảng Cộng sản trong nhân dân lao động In-đô-nê-xi-a tăng lên không ngừng. Điều đó đã làm cho bọn cầm quyền Hà-lan ở In-đô-nê-xi-a sợ hãi, ra sức ngăn cản sự phát triển nhanh chóng của phong trào công đoàn do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Cuối năm 1928, cuộc khủng bố trắng của Chính phủ thực dân Hà-lan đã gây tai hại lớn cho tổ chức của Đảng và cả cho phong trào đấu tranh giải phóng của nhân dân In-đô-nê-xi-a. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a trẻ tuổi lúc ấy buộc phải rút vào bí mật. Sự hoạt động của Đảng còn bị hạn chế hơn nữa sau khi bọn đế quốc Nhật chiếm đóng In-đô-nê-xi-a trong chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Tuy nhiên, dù gặp những khó khăn lớn lao, những người cộng sản In-đô-nê-xi-a đã không bao giờ ngừng hoạt động cách mạng và đã luôn luôn đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa thực dân Hà-lan và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Điều đó đã nâng cao rất nhiều uy tín chính trị của họ trước mắt những người In-đô-nê-xi-a yêu nước và nhân dân In-đô-nê-xi-a.

Hiện nay nhân dân In-đô-nê-xi-a còn phải tiếp tục phấn đấu để củng cố và phát triển độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc của mình. Cùng

(1) D.N. Ai-đích. Sự thành lập và sự phát triển của Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a. Bản dịch của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958.

với toàn dân, Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a đang ra sức hoàn thành cách mạng In-đô-nê-xi-a, một cuộc cách mạng có tính chất dân tộc và dân chủ, bằng cách đoàn kết mọi lực lượng yêu nước và tiên bộ trong một mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở khối công nông liên minh do giai cấp công nhân lãnh đạo (1).

Trung thành với truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc mình, học tập được những kinh nghiệm vô cùng quý báu của Cách mạng tháng Mười và cuộc Cách mạng Trung-quốc, lại được chủ nghĩa Mác — Lê-nin dẫn đường, Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a nhất định sẽ hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình.

Cách mạng tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh giải phóng của nhân dân Ấn-độ làm lay chuyển tận gốc cả hệ thống đế quốc thực dân Anh, có tác dụng biến nước Ấn-độ từ địa vị một nước bị đế quốc đô hộ sang một nước sôi sục phong trào đấu tranh cách mạng. Thoạt tiên những tin tức về cuộc thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Mười, về những lời tuyên bố của chính quyền xô-viết mong muốn kiến lập quan hệ bình đẳng hữu nghị với các dân tộc đang đòi đền Ấn-độ. Mặc dầu nhà cầm quyền người Anh ra sức ngăn chặn, từ đầu năm 1918, trên nhiều báo chí bất hợp pháp xuất bản ở Đê-li đã đăng nhiều tin tức về Cách mạng tháng Mười; nhiều nhà ái quốc Ấn-độ đã chào mừng thắng lợi của nhân dân Nga-xô như sau: *« Ấn-độ chào mừng và ca ngợi thắng lợi vĩ đại mà các bạn đã giành được trong cuộc đấu tranh cho một nền dân chủ trên toàn thế giới. Nhân dân Ấn-độ rất hân hoan đón chào những nguyên tắc cao cả và nhân đạo mà các bạn đã tuyên bố lên khi chính quyền đã lọt vào tay các bạn »*.

Những tin tức trên đã gây trong quần chúng nhân dân Ấn-độ bị áp bức một niềm tin tưởng mới ở sự nghiệp đấu tranh của họ chống nền thống trị của người Anh. Từ đó, nền độc lập hoàn toàn của Ấn-độ trở thành cái mục tiêu đấu tranh căn bản của nhân dân mà đi đầu là giai cấp công nhân và quần chúng lao động Ấn-độ. Những tổ chức của thợ thuyền bắt đầu xuất hiện và ngày càng phát triển. Đồng thời những phần tử ái quốc trong nước trực tiếp chịu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười cũng bắt đầu tập hợp lại thành những nhóm cộng sản đầu tiên đi vận động và tổ chức quần chúng, ra sức kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Ấn-độ. Kết quả không phải chờ đợi lâu. Ngay từ những năm 1917 — 1918, thợ thuyền Ấn-độ đã tổ chức những cuộc đình công to lớn, mà đặc biệt là cuộc tổng bãi công của công nhân ngành dệt Bom-bay đã diễn biến thành một cuộc biểu tình thị uy, trong đó lần đầu tiên, người ta thấy xuất hiện những lá cờ đỏ búa liềm tung bay trên các đường phố.

Tuy vậy, lúc đó cũng như mãi về sau này, vai trò lãnh đạo cách mạng chưa phải thuộc về giai cấp công nhân mà vẫn thuộc về đảng Quốc dân Đại hội, tức đảng Quốc Đại của giai cấp tư sản dân tộc Ấn-độ.

Cuối năm 1933, Đảng Cộng sản Ấn-độ ra đời trên cơ sở thống nhất lại các nhóm cộng sản trong nước. Sự thành lập Đảng Cộng sản và sau đó là việc Đảng này gia nhập Quốc tế Cộng sản, đánh dấu một bước

(1) Theo D.N. Ai-tích. *Xã hội In-đô-nê-xi-a và cách mạng In-đô-nê-xi-a*. Bản dịch của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959.

quan trọng trong công tác tổ chức giai cấp vô sản đấu tranh giành quyền lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc. Nhưng trước mắt những người cộng sản Ấn-độ có rất nhiều khó khăn. Quần chúng thợ thuyền thì còn chịu ảnh hưởng của các công đoàn cải lương. Quần chúng nông dân và thợ thủ công thì căn bản là đi theo đường lối của Găng-đi và đảng Quốc Đại. Hoạt động chia rẽ của những phần tử quốc gia cải lương trong phong trào công nhân và nhất là sự khùng bô tàn khốc của đế quốc Anh là những nguyên nhân chính khiến cho Đảng Cộng sản Ấn-độ chỉ có thể họp Đại hội lần thứ I của mình mãi vào năm 1943, nghĩa là 10 năm sau ngày thành lập Đảng.

Từ đó trở đi, Đảng Cộng sản cùng với toàn thể nhân dân Ấn-độ không ngừng đấu tranh chống đế quốc thực dân Anh, giành lại quyền tự chủ cho đất nước và hiện nay đang ra sức củng cố độc lập dân tộc, thực hiện tự do dân chủ và bảo vệ hòa bình thế giới.

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Ấn-độ sở dĩ giành được những thắng lợi to lớn như ngày nay, rõ ràng là do chịu ảnh hưởng tốt đẹp của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười.

Người chiến sĩ nổi tiếng của phong trào đấu tranh giải phóng Ấn-độ, nhà lãnh tụ lỗi lạc của đảng Quốc Đại là Thủ tướng Gia-oa-hác-lan Nê-ru, trong một cuộc mít-tinh tại Mát-sco-va năm 1956 đã tuyên bố : « Gần đồng thời với Cách mạng tháng Mười ở Nga do Lê-nin vĩ đại lãnh đạo, ở nước Ấn-độ chúng tôi cũng bắt đầu một giai đoạn đấu tranh mới cho độc lập dân tộc. Nhân dân chúng tôi trải qua nhiều năm đã kiên trì theo đuổi cuộc đấu tranh anh dũng đó. Mặc dầu trong cuộc đấu tranh đó, dưới sự lãnh đạo của Thánh Găng-đi, chúng tôi đi theo một con đường khác, chúng tôi vẫn được tư tưởng của Lê-nin kích thích, động viên làm cho chúng tôi thêm phần khởi và gương đấu tranh của Lê-nin đã ảnh hưởng mạnh đến chúng tôi ». Về ảnh hưởng đó, Nê-ru đã phân tích trong quyển *Sự phát hiện nước Ấn-độ* của ông như sau : « Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã gây ảnh hưởng lớn trong ý thức tư tưởng của tôi và giúp cho tôi nhận định lịch sử và cuộc sống hiện tại dưới một ánh sáng mới. Trong cái chuôi dài của những sự kiện lịch sử và của sự phát triển xã hội, từ nay về sau không còn gì là mập mờ nữa » (1).

Ý nghĩa sâu sắc của lời nói của Nê-ru là ở chỗ « Cách mạng Nga đã đẩy mạnh xã hội loài người tiến tới và đã đốt lên một ngọn đèn soi sáng con đường đó của nhân loại, không kẻ nào có thể dập tắt được. Nó đã đặt nền móng cho một nền văn minh mới, có tác dụng thúc đẩy thế giới tiến lên mãi » (2).

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười cũng được nhân dân Trung Cận Đông nhiệt liệt hoan nghênh. Các đơn vị quân Nga lâu nay đóng ở I-ran bắt đầu đặt quan hệ hữu nghị với các tổ chức cách mạng I-ran đã có từ trước, kết nghĩa anh em với các đội quân du kích cách mạng I-ran hoạt động trên các chiến khu. Do những quan hệ đó mà nhân dân I-ran hiểu rõ sự thực về Cách mạng tháng Mười, về chính quyền xô-viết. Nhiều truyền đơn đã được rải khắp nơi trong đó có nói : « *Hỡi tất cả những người yêu chuộng tự do, xin thông báo với các người một tin thú vị là mặt trời xã hội chủ nghĩa đã chiếu rọi toàn thế giới. Những con thiêu thân phản động khắp bốn phương đang lao mình vào chỗ chết* ».

(1, 2) J. Nehru. — *Discovery of India*. — London, 1958.

Nhân dân Áp-ga-ni-stan cũng thầy ở Cách mạng tháng Mười và ở nước Nga xô-viết một sự đảm bảo chắc chắn cho cuộc đấu tranh giành độc lập của họ thành công. Nhiều giới khác nhau trong xã hội Áp-ga-ni-stan đã hoan nghênh Cách mạng tháng Mười và Nga xô-viết. Na-đia Han (Nadir-Han), người sáng lập ra vương triều ngày nay ở Áp-ga-ni-stan là một trong những người chủ trương thân thiện với Nga-xô.

Cũng trong thời gian ấy, khi chính phủ phản động Tuyếc-ki phải quân đội của mình tham gia cuộc hành quân mạo hiểm bên cạnh bọn đế quốc can thiệp chống lại các dân tộc ở miền Ngoại Cáp-ca-dơ (Kavkaz), thì những người con ưu tú nhất của nhân dân Tuyếc lại nhiệt liệt hoan nghênh Cách mạng tháng Mười và chính sách của Chính phủ xô-viết. Được tin Cách mạng tháng Mười thành công ở Nga, sinh viên Tuyếc đã đứng lên dưới khẩu hiệu của những người bôn-sê-vích, đòi hòa bình và bánh mì, đòi tài giảm binh bị. Nhiều tạp chí cách mạng ra đời ở Stam-bun (Stamboul), kêu gọi nhân dân Tuyếc đấu tranh xây dựng đời sống mới, liên minh với những người bôn-sê-vích và nhân dân cách mạng Nga.

Tại trường Đại học Stam-bun, sinh viên đã nhất trí quyết nghị trao giải thưởng Nô-ben năm 1918 cho Lê-nin mà họ gọi là « người cha của các dân tộc bị áp bức », « người thợ xây đắp nền hòa bình thế giới », « người đồng chí và người thầy vĩ đại ».

Các dân tộc A-ráp phương Đông cũng rất quan tâm đến thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Ủy ban Mặt trận thống nhất của những người A-ráp thành lập ở Xy-ri đã tuyên bố : *« Chính phủ của Lê-nin và của các đồng chí của Người, cũng như cuộc cách mạng do họ khởi xướng đã giải phóng phương Đông thoát ách nô dịch của bọn bạo chủ châu Âu, đã truyền cho nhân dân A-ráp một sức mạnh lớn lao có thể đem lại cho người A-ráp hạnh phúc và phần vinh. Hạnh phúc, hòa bình của toàn thế giới là do khối liên minh giữa các dân tộc A-ráp và những người bôn-sê-vích quyết định »*.

..

Tóm lại, bốn mươi hai năm sau Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng Mác — Lê-nin đã thắng lợi rực rỡ ở phương Đông. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đang tiếp tục sụp đổ không sao cưỡng được và « vấn đề tiêu diệt hoàn toàn chế độ thuộc địa hiện nay là vấn đề đặt ra trong chương trình nghị sự hàng ngày » (1).

Như Lê-nin đã từng thầy trước, ngày nay đã đến thời kỳ mà các dân tộc phương Đông ngẩng cao đầu, bước lên vũ đài thế giới. Vì vậy mà các dân tộc phương Đông, không phân biệt chế độ chính trị và xã hội hiện tại của họ, đều biết ơn Cách mạng tháng Mười, biết ơn chính sách yêu chuộng hòa bình, chính sách chủ nghĩa quốc tế vô sản của Liên-xô một cách sâu sắc.

(1) Báo cáo của Đại hội Đảng Cộng sản Liên-xô lần thứ XXI.

**NHÂN DỊP KỶ NIỆM 50 NĂM
TÁC PHẨM THIÊN TÀI CỦA LÊ-NIN**

**« CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA
PHÊ PHÁN KINH NGHIỆM »**

GIÁ TRỊ TO LỚN CỦA TÁC PHẨM THIÊN TÀI CỦA LÊ-NIN ĐỐI VỚI CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG HIỆN NAY

ĐÀO TÙNG

CÁCH đây 50 năm, năm 1909, cuốn sách vô cùng xuất sắc của Lê-nin: « *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm* », một luồng ánh sáng chói lọi của chủ nghĩa Mác khoa học, đã xuất hiện giữa nước Nga đen tối đang chìm trong chế độ khủng bố dã man Sta-lư-pin. Một cuốn sách, bút chiến từ đầu đến cuối, phê phán hầu hết các nhà tư tưởng nổi tiếng của giai cấp tư sản hồi ấy, một tác phẩm lý luận triết học sâu sắc bậc nhất đánh dấu một thời kỳ phát triển lý luận Mác — Lê-nin và khoa học tự nhiên, một vũ khí sắc bén chống chủ nghĩa xét lại trước kia và hiện nay mà mỗi người chiến sĩ cách mạng, mỗi người tri thức tiền tiến đều cần đọc. Cuốn sách viết cách đây 50 năm, nhưng lúc này đọc lại cũng không hề cảm thấy cũ một chút nào. Đúng như nhà triết học cộng sản Pháp L. Se-vơ vừa viết (1): cuốn sách đó vĩnh viễn có giá trị và thời sự nóng hổi một cách cụ thể. Không phải là ngẫu nhiên mà « năm nay toàn thể nhân loại tiến bộ đang kỷ niệm tác phẩm thiên tài đó của Lê-nin » (Tạp chí *Những vấn đề triết học*, tiếng Nga, số 5-1959).

Những sự kiện lịch sử xảy ra trong 50 năm nay, đánh dấu thời đại mới, thời kỳ quá độ tất yếu từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội :

(1) Tạp chí *Tư tưởng* số 85.

một phần ba nhân loại đang xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, công cuộc xây dựng toàn diện chủ nghĩa cộng sản ở Liên-xô đang mở rộng, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc chống ách thống trị đế quốc, đấu tranh giành dân chủ và tự do chống lại bọn tư bản độc quyền đang phát triển như vũ bão, chủ nghĩa tư bản đế quốc đang rã chết, ngày càng tỏ ra dã man, độc ác, đang cố hà hơi cho chủ nghĩa xét lại thất bại thảm hại, đã không từ một thủ đoạn nào để duy trì ách thống trị của chúng, nhân dân lao động các nước không phải xã hội chủ nghĩa ngưỡng mộ và ngày càng thấm sâu tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa, đang hướng về sự hợp tác với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa nhằm bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh. Những sự kiện lịch sử đó diễn ra trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, đã chứng minh hùng hồn sự chính xác của những kết luận thiên tài của Lê-nin, xác minh và đề cao vai trò của lý luận, giá trị dự kiến tương lai của tư tưởng mác-xít — lê-nin-nít, tinh ưu việt của chủ nghĩa duy vật chiến đấu.

HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI CỦA CUỐN SÁCH

Cách mạng 1905 thất bại, nước Nga càng ngập sâu trong vòng khủng bố trắng của Nga hoàng và bè lũ phản động Sta-lư-pin. Bọn địa chủ phản động cầm quyền, liên minh với giai cấp tư sản Nga hèn nhát, đã tấn công nhân dân lao động trên các mặt.

Bọn đầu trâu mặt ngựa mang danh đảng Trăm-đen lập thành từng đoàn đi khủng bố tàn sát giai cấp công nhân và các tổ chức công đoàn; thành phố, làng mạc, nhà tù đầy rẫy những cảnh giết tróc trả thù. Khắp nước, nhân dân Nga gọi Sta-lư-pin là «tên treo cổ». Trong khi đó, nhà máy dần thợ, hạ lương công nhân, kéo dài ngày lao động, ở thôn quê địa chủ lấy ruộng công, tước ruộng nông dân bán cho phú nông gọi là làm cải cách ruộng đất «kiểu Sta-lư-pin».

Bên trận tuyến cách mạng, lực lượng còn khá lộn xộn, trừ những người hôn-sê-vích: bọn «Thủ tiêu» đòi giải tán đảng của giai cấp công nhân, bọn «Triệu hồi» đòi từ bỏ những hình thức và tổ chức hoạt động hợp pháp. Tờ-rốt-sky lập ra phái «Đứng giữa» với ảo tưởng phản động là cho phép tồn tại trong đảng cả những người hôn-sê-vích, cả bọn cơ hội hữu phái, và bọn lừng chừng. Chỉ có Lê-nin và những người hôn-sê-vích là kiên quyết chống bọn cơ hội (gồm bọn «Thủ tiêu», bọn «Triệu hồi») chống phái «Đứng giữa», những phái lừng chừng và điều hòa khác. Cuộc tấn công dữ dội của bọn phản động thống trị thấm sâu vào địa hạt tư tưởng. Các nhà bác học, nhà văn, nhà báo của giai cấp tư sản giữ đủ mọi giọng để «bác bỏ» chủ nghĩa Mác: nào chủ nghĩa Mác cũ, già cỗi rồi, tôn giáo là «thành tựu cao nhất» của trí óc con người. Những nhà trí thức tư sản thâm gia cách mạng hồi cao trào nay cũng rất sốt sắng dả kích chủ nghĩa Mác. Họ «phê bình», «lên án» chủ nghĩa Mác chế nhạo nhân dân, ra sức truyền bá tôn giáo và chủ nghĩa thần bí, ca tụng sự bi quan và đỗi bại, thực hành lối sống trụy lạc.

Phản động hơn nữa, hồi ấy ngay tại viện Đu-ma mới có thành lập một nhóm cha cố rất mạnh công khai và táo tợn tuyên truyền thuyết ngu dân. Đồng thời, những văn sĩ như Mê-re-giơ-cốp-ski (Méréjkovski) và Híp-pi-uyt (Hippius) phổ biến một mốt gọi là «tín Thần», một thứ đạo Cơ đốc ít nhiều trộn lẫn những tư tưởng mượn ở đạo Khổng và đạo Phật.

Sự tan rã về tư tưởng lan đến cả những giới cách mạng. Một số nhà văn men-sê-vich Va-lăng-ti-nốp, I-u-sơ-kê-vich (Valantinov, Iouch-kévitch), một ít trí thức trong hàng ngũ bôn-sê-vich Bốc-đa-nốp, Ba-da-rốp (Bogdanov, Bazarov), đã kích những nguyên tắc cơ bản của triết học mác-xít. Không dám công khai trắng trợn, nhưng họ lại giả danh tuyên bố là theo chủ nghĩa Mác và chỉ muốn «cải tiến», «sửa đổi» chút ít chủ nghĩa đó thôi. Họ chủ trương rằng những bài học của cuộc Cách mạng 1905 đã dẫn đến việc xét lại những cơ sở lý luận chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và lịch sử. Có một số đảng viên đảng Xã hội dân chủ (đảng cách mạng hồi ấy) còn đòi hòa hợp làm một chủ nghĩa Mác với tôn giáo. Họ khẳng định « chủ nghĩa xã hội là một tôn giáo » (Lu-na-sác-ski) ; và có cao vọng lập ra một tôn giáo mới cao hơn. Phái « xây dựng Thượng đế » đó (có chỗ gọi là phái tạo Thần) chủ trương lập một tôn giáo không có chúa « tôn giáo lao động », cho rằng dưới hình thức đó thì công nhân dễ tiếp thu chủ nghĩa Mác hơn, phải kết hợp mọi thứ với đạo giáo thì chủ nghĩa xã hội mới phổ cập được dễ dàng hơn. Cuộc tấn công tư tưởng của giai cấp tư sản dữ dội khiến tư tưởng và lý luận ở xã hội Nga vô cùng lộn xộn. Một nhà tư tưởng lớn như Goóc-ki lúc ấy cũng ngã theo phái « xây dựng Thượng đế », chỉ có nhờ Lê-nin hết sức diu dắt, Goóc-ki mới khỏi rơi vào chủ nghĩa thần bí và trở lại với chủ nghĩa duy vật trong triết học, chủ nghĩa hiện thực trong nghệ thuật.

Nếu nhìn rộng ra khỏi nước Nga, trong thời kỳ lịch sử ấy, tư tưởng hệ của giai cấp tư sản đang có thể lẫn át. Trên thế giới mới chỉ có một mình nước Nga có một đảng công nhân kiểu mới. Ở Đức là nước có đảng xã hội mạnh nhất. Béc-stanh, một nhà lý luận của phong trào công nhân Đức (sau là một trong những tên trùm của chủ nghĩa xét lại) đang thay hình đổi lối đem tuyên truyền chủ nghĩa Căng mới thay cho chủ nghĩa Mac. Cau-sky, một lý luận gia Đức, lúc đầu còn là một người tuyên truyền đặc lực chủ nghĩa Mác sau trở thành phản bội, cũng đã nghiêng sang chủ nghĩa thực chứng. Những nhà mác-xít xuất sắc nước Áo hồi đó như Mác Át-lơ và F. Át-lơ (Max Adler và Frédéric Adler) cũng đã trở thành đồ đệ của chủ nghĩa Căng mới. Ở Pháp, những nhà trí thức tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân cũng đang còn chưa thoát khỏi ảnh hưởng của triết học « phê bình mới » của Rơ-nu-vi-ê (Renouvier), một thứ « tổng hợp » triết học Căng và A. Công-tơ, « tổng hợp » chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa thực chứng. Năm 1889, Béc-sơn đưa ra luận án về chủ nghĩa « Béc-sơn », một thứ triết học điển hình cho tư tưởng của giai cấp tư sản đế quốc, có ảnh hưởng không ít đến phong trào công nhân Pháp. Đồng thời, ở Pháp, chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ đang độ cường thịnh.

Giữa lúc ấy, các nhà bác học của giai cấp tư sản dao động trước những phát minh mới mẻ to lớn trong khoa học tự nhiên, bất lực trong việc nhận thức và đánh giá, đã giải thích những thành tựu đó sai lệch hẳn đi.

Nửa cuối thế kỷ XIX, khoa vật lý đạt được rất nhiều phát minh to lớn làm đảo lộn nhiều khái niệm của cơ học cổ điển của La-pơ-lát và Niu--ton... Do những tìm tòi phát minh của Pha-ra-đay, Ăm-pe, Hiéc-dơ, Mắc-oen (Faraday, Ampère, Hirtz, Maxwell) về bản chất của sóng ánh sáng, do những thuyết mới về các thể khí và về nhiệt động học (thermo-dynamique) (1860 — 1890), học thuyết nguyên tử, lượng tử và tương đối luận chiến thắng và xuất hiện (1900 — 1910), khoa học tự nhiên lâm vào một cuộc khủng hoảng trường thành. Cho tới 1910, các nhà bác học trước vẫn cho nguyên tử là phần nhỏ nhất cuối cùng của vật chất không sao phân chia ra được nữa, cho những nguyên tố hóa học là không thay đổi. Khoa học trước đó dứt khoát cho rằng khối lượng của một vật thể là luôn luôn cố định, giữ nguyên, một vật thể chỉ có hoặc là đứng im hoặc là vận động. Nhưng cũng tới 1910, những phát minh mới trong khoa học tự nhiên đã đảo lộn hẳn những khái niệm coi là cổ điển, vô cùng hoàn thiện, chính xác trên: phát minh ra hạt điện tử trong nguyên tử và tính phóng xạ đã chứng minh là nguyên tử có thể phân chia được nữa, và những nguyên tố hóa học không những là không thay đổi mà còn chuyển hóa lẫn nhau nữa. Nghiên cứu sâu vào hạt điện tử, các nhà bác học vật lý xác định rằng trọng lượng của vật thể phụ thuộc vào tốc độ vận động của vật thể đó. Nói chung, dựa vào nhiều phát minh khác nữa, khái niệm từ trước năm 1910 về kết cấu và vận động của vật chất đã bị thay đổi từ căn bản.

Trước tình trạng đó, nhiều nhà bác học la lên rằng: vật chất đã biến đi, khoa học sắp bị tiêu diệt, những cơ sở về nhận thức của chúng ta đã sụp đổ. Những nhà truyền đạo ôm mộng ngu dân hóa thiên hạ, những nhà triết học duy tâm mọi màu sắc lợi dụng ngay cơ hội mở cuộc tấn công vào triết học mác-xít. Những tên xét lại Tây Âu và Nga lúc ấy thì nhau ca tụng Ma-khơ (Mach), nhà bác học và triết học Áo, ra sức giải thích rằng phát minh mới của khoa học tự nhiên chứng minh vật chất « biến đi », chủ nghĩa duy vật triết học vì vậy đã lỗi thời, phép biện chứng là một thứ « thần bí ». Những đồ đệ của Ma-khơ đó tuyên bố rầm rĩ triết học duy tâm của họ là « trung lập » đứng trên các phe phái triết học đương thời. Lý thuyết của họ đã bao học cho chủ nghĩa duy tâm một cái vỏ đặc biệt tinh tế và khéo léo. Cho đến nổi Pờ-lê-kha-nốp (Plékhanov), một nhà hoạt động và tuyên truyền cách mạng khá tinh thông chủ nghĩa Mác, lúc ấy về mặt triết học đã có nhượng bộ đối thế lực phản động, Pờ-lê-kha-nốp nói đến đức tin của chúng ta đối với sự tồn tại của thế giới vật chất. Đồng tình với học thuyết Căng, ông ta công nhận thế giới vật chất tồn tại bên ngoài ý thức chúng ta là có thực. Nhưng lại cho rằng sự tồn tại khách quan đó của thế giới vật chất là một **định đề** (postulat) không sao chứng minh được, ta phải tin nó như ta tin đạo vậy, Pờ-lê-kha-nốp đã xa rời

lập trường duy vật của chủ nghĩa Mác trên vấn đề cơ bản này, không thấy rằng, thế giới vật chất tồn tại khách quan đó có thể chứng minh được, nó đã được và mãi mãi được thực tiễn lịch sử, kinh nghiệm hàng ngày, hoạt động sản xuất và xã hội của loài người luôn luôn chứng minh.

Có nhìn lại hoàn cảnh lịch sử ấy mới thấy hết giá trị và ý nghĩa to lớn tác phẩm của Lê-nin. Trong đảng Xã hội dân chủ của giai cấp vô sản Nga do Lê-nin lãnh đạo, sự phân biệt đúng sai về tư tưởng chưa đầy đủ sâu sắc. Trong hàng ngũ những người cách mạng Nga, và nhất là trong xã hội Nga, rộng hơn nữa ở cả Tây Âu, tư tưởng càng lộn xộn hơn, đầy rẫy dao động, nghiêng ngả, do dự, đầu hàng trước áp lực chính trị và tư tưởng của giai cấp tư sản đế quốc. Cuộc tấn công của giai cấp tư sản thống trị vào nhân dân lao động đang ở thế mạnh, được tiến hành trên các mặt, nhất là được các nhà khoa học tự nhiên, các loại phần tử trí thức tư sản, dĩ chí cả một số trí thức có tên tuổi, đảng viên đảng cách mạng đầu hàng và trợ lực cho chúng. Nguy hiểm nhất là cuộc tấn công đó đang đánh thẳng vào triết học duy vật biện chứng, nền móng của toàn bộ lý luận cách mạng chủ nghĩa Mác, thế giới quan và phương pháp luận của đảng của giai cấp vô sản. Lúc này không phản công thắng lợi được tất sẽ có hại rất to lớn và lâu dài về sau cho cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác khoa học, cho sự trong sáng của chủ nghĩa Mác, cho việc đào tạo cán bộ, giáo dục đảng viên, cho sự kiên định về tư tưởng của toàn Đảng lúc đó, cho sự tồn tại và tương lai của phong trào cách mạng Nga và cách mạng Tây Âu.

BÀI HỌC VỀ THÁI ĐỘ CỦA LÊ-NIN

Là một chiến sĩ cách mạng luôn luôn có mặt nơi đầu sóng ngọn gió và trên tiền tuyến, Lê-nin dù phải hoạt động bất hợp pháp, dù phải sống lưu vong ở Thụy-sĩ, Người không ngừng theo sát mọi động tĩnh và biến chuyển về triết học và tư tưởng trong cuộc đấu tranh gay gắt với bọn thống trị tư sản đế quốc ở Nga cũng như ở châu Âu. Trong thư Lê-nin viết từ Giơ-ne-vơ về cho Goóc-ki hồi ấy có ghi: « *Tôi nghiên cứu những tập về triết học của Bốc-da-nốp theo cuốn sách về duy năng luận nói về quan điểm lịch sử đối với thiên nhiên. Cuốn sách đó tôi cũng đã nghiên cứu rất cẩn thận từ hồi còn ở Xi-bê-ri* ». Chính Người đã chú ý theo dõi tác phẩm của những phần tử xét lại, đặc biệt là của Bốc-da-nốp và đã vô cùng công phần trước những luận điểm lệch lạc, xuyên tạc, và phản chủ nghĩa Mác của họ.

Cũng trong thư gửi từ Giơ-ne-vơ về cho Goóc-ki, Lê-nin viết: « *Hiện có xuất bản cuốn Sơ lược triết học chủ nghĩa Mác. Tôi đã đọc tất cả các bài, trừ bài của Su-vô-rốp (tôi đang đọc). Sau mỗi bài tôi phải phát tức lên được. Không, đó không phải là chủ nghĩa Mác* » (Lê-nin toàn tập, tập 13, trang 412-415).

Mùa hè 1906, đọc xong quyển Chủ nghĩa kinh nghiệm nhất nguyên (tập 3) của Bốc-da-nốp, Lê-nin có viết: « *Tôi chú ý ngồi đọc rất lâu*

cuốn sách đỏ» (*Toàn tập*, tập 13, trang 412) và Lê-nin đã «đặc biệt tức giận», Lê-nin viết cho Goóc-ki: «*Đối với tôi, càng thấy rõ hơn nữa ông ta (tức Bốc-đa-nốp) đã đi theo con đường cực kỳ sai lầm, chứ không phải con đường của chủ nghĩa Mác*». Ngay sau đó, Lê-nin đã gửi cho Bốc-đa-nốp ba tập phê bình những sai lầm thực chất của ông ta và của cả Pờ-lê-kha-nốp trong sách đỏ mà Lê-nin gọi là bức thư «tự tình» với Bốc-đa-nốp. Tác phẩm đó tiếc rằng nay không tìm ra được.

Không bao giờ tê liệt cảnh giác, luôn luôn theo dõi quân thù, không một lý nào nhân nhượng những cái sai trái với lập trường quan điểm của Đảng dù xuất phát từ những người cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống mọi xuyên tạc, bóp méo, sửa đổi, tấn công vào lý luận chủ nghĩa Mác dù là ở đâu tới.

Có lập trường rất kiên quyết, quan điểm rất rõ ràng, như vậy cũng chưa đủ. Hoàn cảnh đấu tranh tư tưởng lúc ấy đòi hỏi Lê-nin phải nghiên cứu rất sâu sắc các nhà học giả tư sản đang tấn công triết học Mác, các nhà bác học đang giải thích sai lạc thành tựu mới của khoa học, vạch trần và phê phán sai lầm tận gốc rễ, bản chất của nó trên địa hạt triết học, khoa học tự nhiên và những địa hạt học thuật phức tạp khác. Sự thật lịch sử đến nay còn xác minh là Lê-nin trong 8 tháng liền (tháng 2 đến tháng 9 — 1908), giữa lúc công việc chỉ đạo cách mạng bẽ bộn, đã đọc nhiều tác phẩm của 200 nhà triết học, nghiên cứu các tác phẩm về khoa học tự nhiên trong bản chính của nó (Người biết nhiều thứ tiếng như tiếng La-tinh, cô Hy-lạp, Đức, Anh, Pháp, Ý, Ba-lan, Tiệp, Thụy sĩ v.v...), vừa đọc vừa ghi chép phê phán, vừa tự thân dịch những đoạn cần trích. Khi cần tham khảo thêm một số tài liệu mà thư viện ở Thụy-sĩ không có, Người đã sang ở Luân-đôn một tháng để nghiên cứu tại Thư viện quốc gia nước Anh. Lê-nin đã đi sâu vạch trần và phê phán cái lối duy tâm chủ quan rất tinh tế của chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm Ma-khơ với những bằng chứng tài liệu cụ thể, lời lẽ đầy tính chiến đấu nhưng dễ hiểu, Lê-nin đã hạ cái triết học đầy những danh từ cầu kỳ lung củng của chúng xuống sát quần chúng để quần chúng hiểu và phê phán. Mặt khác, từ cái lối triết học duy tâm của chúng, Người lại dùng đủ tài liệu, bằng chứng và lý luận chỉ rõ mối liên hệ giữa thứ triết học xét lại đó với cái chính trị xét lại của bọn chúng thực chất là đầu hàng và làm tay sai cho giai cấp tư sản, hòng thủ tiêu ý chí cách mạng của quần chúng, duy trì nguyên vẹn ách thống trị đang lung lay của bọn tư bản đế quốc. Lập trường kiên quyết vượt mọi khó khăn để chống quân thù, quan điểm quần chúng rất sâu sắc, phương pháp khoa học khách quan, cụ thể, chính xác, mãi mãi vẫn là một bài học hay nhất, mới nhất, thấm thía nhất đối với tất cả những người cách mạng chúng ta.

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Lê-nin bao giờ cũng rất chú trọng đến sự phát triển của triết học mác-xít. Trong cuộc đấu tranh chống bọn Dân túy, bọn «kinh tế»,

bọn men-sê-vich, Người đã làm phong phú triết học mác-xít bằng những tác phẩm *Những người «bạn dân» là thế nào và họ đấu tranh chống những người xã hội — dân chủ ra sao?*, *Làm gì v.v...* Giữa thời kỳ phản động đen tối này, những vấn đề triết học giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Lê-nin đã viết tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm* để giải quyết những vấn đề triết học đang được đặt ra một cách cấp thiết. Như Lê-nin đã chỉ rõ, Các Mác, ở thời đại của mình, đã phải ra sức giải quyết vấn đề chính yếu là phát triển những mặt **biện chứng** và **lịch sử** của chủ nghĩa duy vật. Nửa thế kỷ sau, ở thời đại Lê-nin, Người phải giải quyết vấn đề chính yếu là khẳng định tính chất **duy vật** của phép biện chứng và của lịch sử.

Trong nửa cuối của thế kỷ XIX, chủ nghĩa Mác với tư thế là một học thuyết chính trị hoàn chỉnh «đúc liền như một khối thép», dựa trên một phong trào công nhân rộng rãi, mạnh mẽ đã bước lên vũ đài chính trị thế giới thành một lực lượng độc lập không thể nào không tính đến. Bọn thống trị phản động thấy rằng không thể cắt xén một bộ phận nào của chủ nghĩa Mác ra mà tiêu diệt dần được, chúng thấy cần phải đánh vào nền tảng của nó là chủ nghĩa duy vật biện chứng được khoa học tự nhiên và khoa học xã hội chứng minh vững vàng. Bỏ qua chủ nghĩa Căng mại, một học thuyết phủ nhận khả năng nhận thức qui luật của cuộc sống xã hội và ít chú ý đến khoa học tự nhiên, giai cấp tư sản và các triết gia duy tâm của nó giương cao chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm của Ma-khơ coi là lá cờ đầu của chúng trong cuộc đấu tranh chống triết học duy vật.

Chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm Ma-khơ quả quyết rằng mọi hiện tượng trong thế giới vật chất này đều phải dựa vào những «yếu tố của kinh nghiệm». Yếu tố họ nói đây tức là cảm giác của người ta, cái gì họ cảm thấy được qua kinh nghiệm bản thân họ thì mới là có thực. Ở họ, cảm giác đã trở thành cơ sở cho mọi hiện tượng. Phát triển thêm nguyên lý đó, Ma-khơ và A-vơ-na-ri-uyt cho rằng thế giới (khách thể) không thể có được nếu không có ý thức và cảm giác (chủ thể), cho rằng những qui luật của tự nhiên không tồn tại một cách khách quan và chân lý khách quan không thể có được. Theo Ma-khơ, vật thể chỉ là những «phức hệ cảm giác» (complexe de sensations), «thế giới vật chất chỉ gồm có cảm giác». Những nội dung chủ yếu đó của chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm lại được trình bày dẫn chứng bằng những thành tựu mới khá phức tạp của khoa học tự nhiên bị biến lệch lạc đi và núp sau hàng đồng danh từ khó hiểu.

Để đánh đổ tận gốc chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm, Lê-nin đã chặt chân nó từ những dẫn chứng về khoa học tự nhiên cho đến những lập luận rắc rối về triết học trên những vấn đề cơ bản.

Trước hết là vấn đề vật chất, Ma-khơ phê bình Căng trên vấn đề đó và đề cao «phức hệ cảm giác» của hắn. Ma-khơ trách Căng đã công nhận:

« Sự tồn tại của vật tự thân, dù rằng vật đó không quan niệm được, không hiểu được thuộc về thế giới bên kia, và (cống nhận) một sự tất yếu,

một nhân quả, dù là tiền thiên, sinh ra trong tư tưởng người ta chứ không trong thực tại khách quan» (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm, tiếng Pháp, Nhà xuất bản Xã hội, trang 329).

Phê bình Căng mà chính là Ma-khơ đã lạc hậu hơn cả Căng, đi đến phủ nhận thế giới vật chất, phủ nhận « vật tự thân ». Lê-nin, bằng những trích dẫn cụ thể tận gốc, đã chỉ rõ lập luận của Ma-khơ và bọn đồ đệ không có gì là mới hết, nó chỉ làm việc nhai lại một cách thiếu sót những lập luận duy tâm của Hi-um và Béc-cơ-lây, tên triết học thầy tu phản động. Lê-nin gọi Ma-khơ là phê bình Căng « từ phía hữu » và đã trở thành đầy tớ của giai cấp tư sản tuyên truyền chủ nghĩa duy tâm và nọc độc thần bí.

Không phải chỉ có phê bình, Lê-nin đã xuất phát từ những thành tựu mới về khoa học tự nhiên, từ quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đưa ra một định nghĩa đầy đủ, chính xác, có giá trị cho mọi thời đại về khái niệm vật chất : « *Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ hiện thực khách quan được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, nó tồn tại độc lập với những cảm giác ấy* » (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm, Mát-sco-va, trang 140). Định nghĩa này là một chỗ dựa chắc chắn cho các nhà khoa học chống các phe phái duy tâm định lợi dụng những thành tựu khoa học mới để tránh tiếp thu chủ nghĩa duy vật, phủ nhận vật chất. Rồi đây dù khoa học phát minh ra bao nhiêu cái mới về nguyên tử, nhưng không một ai phủ định được sự thực là vật chất tồn tại độc lập với ý thức người ta. Và định nghĩa vật chất là một phạm trù triết học đã bác hết mọi lý luận duy tâm và giải quyết dứt khoát vấn đề thế giới khách quan tồn tại độc lập, vật chất có trước, ý thức có sau.

Về vấn đề cơ bản của triết học (quan hệ giữa vật chất và ý thức), Lê-nin đã nhấn mạnh và phân biệt rõ ràng mặt tuyệt đối, mặt tương đối trong vấn đề đó. Quan điểm dứt khoát, rõ ràng, sáng chói của Lê-nin đã chặn đứng tất cả mọi sự cố tình nhập nhằng gây lộn xộn về mặt tuyệt đối tương đối này của các triết gia tư sản. Lê-nin chỉ rõ việc công nhận vật chất có trước, vật chất là chính yếu, ý thức có sau là thứ yếu, là có tính chất tuyệt đối. Còn mọi sự so sánh khác trong mối quan hệ đó đều có tính chất tương đối. Những người duy vật không bao giờ rời bỏ được lập trường cho rằng cảm giác ý thức khái niệm dù ở đâu đều mang đặc tính của vật chất, là phản ánh của vật chất tồn tại độc lập bên ngoài ý thức. Kể nào rời bỏ lập trường đó đều không tránh khỏi ôm phải triết học « điên cuồng » của chủ nghĩa duy tâm, theo triết học đó thế giới chỉ còn là một « phức hệ cảm giác ». Những luận điểm về vấn đề này đã tạo thành một thuyết nổi tiếng của Lê-nin, « thuyết phản ánh », làm cốt lõi cho toàn bộ nhận thức luận mác-xít — lê-nin-nít, làm chỗ dựa vô cùng vững chắc của vũ trụ quan và phương pháp luận khoa học của chúng ta.

Từ vấn đề này, Lê-nin đã bảo vệ và phát triển triết học Mác trên mặt thứ hai của vấn đề cơ bản của triết học : thế giới vật chất có

thể nhận thức được, con người ta có thể nhận thức được thế giới vật chất. Triết học và xã hội học tư sản phản động, dưới các hình thức chủ nghĩa Căng-mê, chủ nghĩa Ma-khơ, chủ nghĩa thực chứng, thực nghiệm, đều đã đứng trên lập trường của bất khả tri luận; chủ nghĩa chủ quan và tương đối luận đều phủ nhận chân lý khách quan của những kiến thức khoa học của loài người. Họ không bao giờ quên nhiệm vụ cơ bản của họ là luôn luôn nhấn mạnh vào tính chất tương đối, tạm thời, hạn chế, thuần túy chủ quan của những kiến thức khoa học đã đạt được, phủ nhận nội dung và ý nghĩa khách quan của những kiến thức đó. Ở họ, không bao giờ còn có chân lý tuyệt đối, chân lý vĩnh viễn nữa. Mà chân lý tương đối, tuy rằng có, nhưng có nghĩa là không bao giờ chúng ta hiểu được sự thật khách quan. Nói về thực chất chủ nghĩa tương đối của Ma-khơ, A-vơ-na-ri-uyét và đồ đệ, Lê-nin chỉ rõ : « *Chủ nghĩa tương đối đó không phải chỉ phủ nhận tính tương đối của những hiểu biết của chúng ta, nó còn phủ nhận mọi trình độ, mọi hình thức khách quan, tồn tại độc lập với chúng ta, mà nhận thức tương đối của chúng ta ngày càng sát gần tới nó* » (Tác phẩm đã dẫn, trang 117, Nhà xuất bản Xã hội). Do đó họ công khai tuyên truyền sự đầu hàng của khoa học, của khả năng nhận thức loài người trước những bí mật của thiên nhiên và xã hội. Họ muốn lao chúng ta xuống cái dốc của chủ nghĩa thần bí bên cạnh vực thẳm đạo giáo. Theo Lê-nin, nhận thức của chúng ta cứ tiến lên mãi giúp ta hiểu biết rõ ràng chính xác các hiện tượng và qui luật của thế giới vật chất khách quan. Nhận thức của loài người từ thiếu sót lờ mờ ngày đi đến hoàn thiện sâu sắc. Triết học mác-xít lớn tiếng tuyên bố : khoa học là vạn năng, không có gì ngăn được sự phát triển của nó. Lê-nin đã từng nói :

« *Những giới hạn ngăn cách sự gần gũi đúng của những kiến thức của chúng ta với chân lý khách quan — tuyệt đối là, về mặt lịch sử mà nói, rất tương đối ; nhưng sự tồn tại của ngay chân lý đó là không thể nào chối cãi được, cũng như không chối cãi được rằng chúng ta đang tiến dần đến chân lý đó* » (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm, tiếng Pháp, trang 216).

Chân lý tuyệt đối là gồm nhiều chân lý tương đối cộng lại ; chân lý tương đối của chúng ta trong những điều kiện không gian thời gian nhất định và đã được thực tiễn đấu tranh sản xuất xã hội kiểm nghiệm và xác nhận, chân lý đó phải nhận là phù hợp với thực tại khách quan tồn tại bên ngoài ý thức chúng ta. Nhận thức chúng ta ngày càng phát triển càng làm cho hiểu biết của chúng ta ngày càng gần đúng, phù hợp đầy đủ hơn với thế giới vật chất.

Những quan điểm cơ bản đó của nhận thức luận duy vật biện chứng được Lê-nin bảo vệ và phát triển trong tác phẩm thiên tài của Người mãi mãi còn là những vũ khí sắc bén cho chúng ta chống chủ nghĩa tương đối hiện đại và các thứ chủ nghĩa khác có tham vọng sửa đổi chủ nghĩa Mác. Đồng thời đó cũng là những đường hướng chỉ lối cho chúng ta giải thích và kết luận đúng những phát minh mới của loài người, tránh những hoang mang dao động, xa rời triết học Mác.

Ở đây cũng không thể quên được nguyên lý của Lê-nin về **quan điểm thực tiễn**, thực tiễn là tiêu chuẩn cao nhất của chân lý. Quan điểm thực tiễn là quan điểm cơ bản của nhận thức luận mác-xít. Lê-nin có nhắc chúng ta không nên biến kiến thức khoa học thành hiểu biết tuyệt đối, cố định. Đồng thời đừng vì thế rơi vào chủ nghĩa duy tâm và bất khả tri luận. Khoa học, và nhận thức của chúng ta phát sinh, phát triển trong thực tiễn của nhân loại, của kinh nghiệm, của hoạt động sản xuất và xã hội của loài người. Chỉ có những kết luận của khoa học được thực tiễn kiểm nghiệm mới có giá trị của chân lý khách quan. Nguyên lý cơ bản trên trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay giúp chúng ta chống lại những quan điểm xét lại của Nam-tư đang cố đưa những kinh nghiệm thực tế cục bộ, phiến diện, hay bởi một số sai lầm nhỏ của cái toàn cục đem đối chiếu với lý luận chung, với chân lý tuyệt đối để đòi xét lại nó. Hành động đó của bọn xét lại chính là những biểu hiện điển hình của chính sách, đường lối của chủ nghĩa kinh nghiệm hẹp hòi, thực chứng và thực dụng. Đối với chúng, chân lý chỉ còn là kinh nghiệm thông thường, có ích, có lợi nên dùng ngay. Nguyên lý phù hợp giữa khách quan và kiến thức bị hạ thấp, tầm thường hóa. Thật thích hợp biết bao với nguyên tắc « tiết kiệm sự suy nghĩ » của Ma-khơ !

Lê-nin còn bảo vệ và phát triển **phép biện chứng duy vật mác-xít** có quan hệ thiết yếu đến hoạt động cách mạng của giai cấp vô sản và Đảng tiên phong của nó. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm*, Lê-nin không bàn riêng vấn đề đó trong một hai chương riêng, nhưng ý kiến của Người khi bàn đến vấn đề vận động của vật chất và rải rác trong nhiều chỗ khác cũng đã làm sáng tỏ quan điểm triết học Mác trên vấn đề này. Lê-nin đã chứng minh phép biện chứng duy vật là học thuyết đầy đủ nhất; nội dung phong phú và sâu sắc nhất về quá trình vận động và phát triển. Thế giới không đứng im và bất biến, trái lại phát triển và đổi mới không ngừng. Nguồn gốc của sự phát triển nằm ngay trong những mâu thuẫn nội tại của sự vật. Cho đến nay, không một người cách mạng nào quên được luận điểm nổi tiếng của Lê-nin : qui luật đấu tranh giữa các mặt đối lập của mâu thuẫn thống nhất là « hạt nhân » của phép biện chứng. « *Ta có thể vẫn lắt lết định nghĩa phép biện chứng là học thuyết của sự thống nhất của các mặt đối lập* » (Lê-nin bút ký triết học, tiếng Pháp, Nhà xuất bản Xã hội, 1954, trang 182). Phép biện chứng duy vật đã vũ trang cho chúng ta một quan niệm, một cách nhìn đúng đắn mọi biến đổi từ từ, liên tục, nhảy vọt trong đời sống xã hội trước và hiện nay.

CHỈ RÕ NGUYÊN NHÂN KHỦNG HOẢNG VÀ MỞ ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CHO KHOA HỌC TỰ NHIÊN HIỆN ĐẠI

Cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ thứ XX, khoa học tự nhiên phát triển đặc biệt hứa hẹn những triển vọng hết sức to lớn. Phát minh mới ra đời, quan niệm cũ tưởng vô cùng vững chắc bị lật nhào, các nhà bác học hoang mang : một cuộc khủng hoảng to lớn trên bước đường trưởng thành của khoa học tự nhiên bắt đầu.

Các nhà bác học và bọn triết gia tư sản la lối lên là « vật chất biến đi », « không có thể giới vật chất », « không sao nhận thức được thể giới đó » ... Chủ nghĩa Ma-khơ được sùng bái đặc biệt. Lê-nin, và chỉ có Lê-nin, đầu tiên và duy nhất lúc ấy, nhận định đánh giá hết sức đúng đắn, sâu sắc cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên và cuộc tấn công nhằm xét lại chủ nghĩa Mác của giai cấp tư sản phản động. Lê-nin đã chỉ rõ không phải vật chất biến đi, mà chỉ nhận thức cũ của chúng ta về vật chất biến đi mà thôi. Dưới ánh sáng của những phát minh khoa học mới, đã tìm thấy đặc tính mới của vật chất khác hẳn hoặc trái hẳn với quan niệm cũ. Vật chất không vì vậy mà biến đi chút nào cả, chỉ có nhận thức cũ của ta về những đặc tính và biểu hiện của vật chất được mở rộng và đi sâu hơn mà thôi. Vì sao giai cấp tư sản thống trị đề cao chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm của Ma-khơ, và vì sao những người duy vật chân chính kiên quyết chống chủ nghĩa Ma-khơ? Lê-nin trả lời đó không phải vì chủ nghĩa Ma-khơ giải quyết được những bế tắc đương thời của khoa học tự nhiên và triết học tư sản. Thực ra chỉ vì chủ nghĩa Ma-khơ rất thuận lợi cho việc giai cấp tư sản lúc ấy tấn công chủ nghĩa duy vật biện chứng. Lê-nin viết: *« Chúng ta khiển trách những người theo chủ nghĩa Ma-khơ không phải vì họ đòi xét lại « hình thức » của chủ nghĩa duy vật mà là vì ý định của họ thuần túy theo chủ nghĩa xét lại nhằm biến đổi thực chất của chủ nghĩa duy vật dưới hình thức phê bình hình thức của chủ nghĩa duy vật »* (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm, trang 238 – 239, tiếng Nga). Những nhận định tài tình và thấu đáo biết bao !

Đi sâu hơn nữa, trong tác phẩm thiên tài của mình, Lê-nin làm sáng tỏ nguyên nhân xã hội và nguyên nhân nhận thức của cuộc khủng hoảng của khoa học tự nhiên. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã vào thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, đang thối nát và rã rượi. Tuy vậy, nền sản xuất xã hội vẫn tiếp tục phát triển, thậm chí còn phát triển nhanh chóng hơn trước rất nhiều, làm cho những mâu thuẫn căn bản và sâu sắc của chủ nghĩa đế quốc về mọi mặt thêm trầm trọng. Công nghiệp, kỹ thuật phát triển đã thúc đẩy khoa học tự nhiên phải tiến bộ mạnh mẽ hơn, đi sâu vào nhận thức qui luật của thiên nhiên. Sức sản xuất và nền khoa học tự nhiên phát triển hùng mạnh tất tạo điều kiện cho vũ trụ quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác khoa học được chứng minh và phổ cập trong quần chúng đông đảo. Nhưng thế lực phản động tư sản khắp nơi tìm mọi cách tấn công vào thắng lợi đó, vào cuộc sống và tư tưởng nhân dân. Trong điều kiện xã hội đó, các nhà bác học chưa thoát khỏi chủ nghĩa duy vật máy móc, duy vật siêu hình của thế kỷ trước, không có được và không đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đã hoang mang dao động, tiếp thu sự giải thích của triết học tư sản phản động, hoặc đầu hàng trước áp lực của chúng. Chúng ta đều biết khoa học tự nhiên phát triển đến chủ nghĩa duy vật biện chứng một cách tự phát, mò mẫm và quanh co. Khoa học không tự bản thân nó mà bác bỏ được chủ nghĩa duy tâm. Đúng như Lê-nin đã nói: *« ... Nền khoa học tự nhiên tiến bộ nhanh chóng, trải qua thời kỳ cuộc cách mạng sụp*

đồ sấu sắc trong mọi lĩnh vực, đến mức mà không có những sự suy luận của triết học thì bất cứ trong trường hợp nào nền khoa học tự nhiên cũng không đạt được kết quả» (Lê-nin toàn tập, tập 33, trang 208, tiếng Nga).

Sau khi đã chỉ rõ nguyên nhân, Lê-nin còn nhiều lần nhắc đến thực chất cuộc khủng hoảng vật lý. Đó là ở chỗ các nhà khoa học tự nhiên còn lẫn lộn duy vật siêu hình với duy vật biện chứng, chưa thoát khỏi những ảnh hưởng cũ nên chưa cương quyết thẳng thắn công nhận những chân lý khách quan do thực tiễn và nhận thức khoa học đem lại. Sự phân tích của Lê-nin đối với thực chất cũng như nguyên nhân cuộc khủng hoảng đã chứng minh vững chắc rằng lối thoát đúng đắn và duy nhất của cuộc khủng hoảng là các nhà khoa học tự nhiên phải nắm vững và vận dụng nhận thức luận duy vật biện chứng vào công tác của mình, phải đứng vững trên lập trường quan điểm của triết học mác-xít mà tiến hành nghiên cứu khoa học.

Đó chính là giải pháp căn bản cho nền khoa học tự nhiên cách đây 50 năm, cũng như cho toàn bộ sự phát triển của nền khoa học kỹ thuật hiện đại đang tiến như vũ bão.

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm*, Lê-nin đã nghiên cứu những vấn đề triết học và khoa học tự nhiên như vấn đề sự không thể tách rời giữa vật chất và vận động, ý nghĩa ứng dụng toán học trong quá trình nhận thức khoa học, tính chất khách quan và không thể tách rời giữa không gian và thời gian, tính chất khách quan của quan hệ nhân quả, tính chất vô tận của vật chất và của nhận thức khoa học. Kết quả nghiên cứu này của Lê-nin đã được coi là một công trình vĩ đại khái quát tất cả những thành tựu xuất sắc của khoa học tự nhiên đạt được từ sau khi Ăng-ghe-n mất. Những nhận định sâu sắc, những luận điểm nổi tiếng đề ra trong đó đến nay vẫn được coi là những nguyên lý chỉ đạo cho việc nhận thức, phân tích, đánh giá thành tựu mới của khoa học. Những phát minh mới cực kỳ to lớn và phức tạp của hạt nhân nguyên tử, khám phá ra vô số những hạt nhân cơ bản (pơ-rô-tông, nơ-tơ-rông, mê-dông...), những thí nghiệm gần đây tìm thấy « hạt nhân » và « ngoại vi » của hạt pơ-rô-tông, những điều đó đều đã và ngày càng xác nhận luận điểm thiên tài của Lê-nin về tính chất vô tận của vật chất, tính chất không hạn chế của nhận thức. Nền vật lý hiện đại đang đi sâu vào quan hệ hữu cơ giữa các hoạt động của sức hút, của điện từ và của hạt nhân với khoảng không gian tương ứng, những cái đó đã cụ thể hóa luận điểm của Lê-nin (và Ăng-ghe-n) về tính chất không thể tách rời giữa vật chất và vận động. Khoa học tự nhiên trên nhiều địa hạt với những tìm tòi phát minh mới của nó đã chỉ rõ sự thống nhất, sự giao lưu, chuyển hóa, bổ sung lẫn nhau của các phạm vi khác nhau của thế giới vật chất, do đó khoa học đã tiến gần đến chỗ chứng minh cụ thể luận điểm của Lê-nin về tính thống nhất của thế giới vật chất.

Nhắc lại những tư tưởng thiên tài của Lê-nin, những lời di chúc hết sức quý báu của Người, chúng ta đều thấy rõ nhiệm vụ phải xây dựng và củng cố mối quan hệ chặt chẽ giữa triết học và khoa học tự

nhiên, phải áp dụng một cách sáng tạo những nguyên tắc của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc phân tích những vấn đề lý luận khoa học, cũng như làm phong phú thêm nội dung triết học mác-xít — lê-nin-nít bằng những tổng kết mới của các ngành khoa học tự nhiên.

ĐẠP NÁT CHỦ NGHĨA XÉT LẠI VÀ KHẲNG ĐỊNH ĐẲNG TÍNH TRONG TRIẾT HỌC

Trong tác phẩm thiên tài của Lê-nin, sự phân tích sâu sắc chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm « trong sự phát triển lịch sử trong mối tương quan của nó với các khuynh hướng triết học khác » (trang 181) đã xác định được vị trí của thứ triết học xét lại đó đối với cuộc đấu tranh tư tưởng hồi ấy, đồng thời có ý nghĩa to lớn về phương pháp luận đối với việc bóc trần thực chất phản động của triết học và xã hội học tư sản hiện đại.

Chủ nghĩa Ma-khơ ra sức phê bình triết học Căng nổi tiếng hồi bấy giờ, nhưng có tạo ra và đi đến trường phái gì mới trong triết học không? Lê-nin đã viết :

« Xuất phát từ Căng, Ma-khơ và A-vơ-na-ri-uyt không phải đi tới chủ nghĩa duy vật, mà ngược lại, đi về với Hi-um và Béc-cơ-lây... Phái triết học Ma-khơ và A-vơ-na-ri-uyt, liên quan chặt chẽ với một trong những phái duy tâm chủ nghĩa phản động nhất, bọn chủ nghĩa nội tại, hoàn toàn và dứt khoát đang thắng tiến tới chủ nghĩa duy tâm » (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm, tiếng Pháp, trang 329).

Như thế, không những Lê-nin đã vạch trần tính chất duy tâm và siêu hình của chủ nghĩa Ma-khơ rơi vào vũng bùn của Hi-um và thầy tu Béc-cơ-lây, Lê-nin còn vạch trần sự liên hệ chặt chẽ của Ma-khơ với môn phái nội tại luận, « những người phản động ngoan cường nhất, những người truyền bá công khai chủ nghĩa tín ngưỡng triệt để trong chính sách ngu dân của họ » (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm, tiếng Pháp, trang 241).

Lê-nin cũng không bỏ sót những đồ đệ của Ma-khơ đang gieo rắc những mớ giáo điều hết sức sai lạc của thầy chúng trong triết học và xã hội học Nga hồi ấy như Bốc-đa-nốp, Ba-da-rốp, Va-lăng-ti-nốp, I-u-sơ-kê-vich v.v... Lê-nin đặc biệt đã kích thích xã hội học của Bốc-đa-nốp đưa những qui luật, những thuyết mới của sinh vật học, vật lý học vào khoa học lịch sử và xã hội, coi đó là những qui luật phổ biến, hay ho nhất. Bọn Ma-khơ và đồ đệ quả quyết xã hội sẽ phát triển theo những qui luật của sinh lý học hay của một khoa học sinh vật nào đó. Lê-nin đã vạch : « Bốc-da-nốp chẳng hề tiến hành một việc nghiên cứu có tính chất mác-xít nào mà chỉ lo cải trang những kết quả mà công việc nghiên cứu của chủ nghĩa Mác đã đạt được từ trước bằng cái áo những danh từ sinh vật học và thuyết năng lượng. Tất cả mưu đồ đó hoàn toàn vô ích, vì những khái niệm « đào thải », « đồng hóa và dị hóa », « năng lượng, cân đối năng lượng » v.v... đem áp dụng vào lĩnh vực các khoa học xã hội thì chỉ là những chữ trống rỗng không thề

nào nghiên cứu được tí gì về các hiện tượng xã hội, chẳng làm sáng tỏ được tí nào phương pháp của khoa học xã hội. Không có gì dễ bằng đem những biến lên «thuyết năng lượng», hoặc «sinh vật xã hội học» khào vào những hiện tượng như khủng hoảng, cách mạng, đấu tranh v. v..., nhưng cũng không có gì vô ích, kinh viện bằng việc đó» (Sách trên, trang 302).

Phê phán trên của Lê-nin không những bác bỏ luận điệu của bọn xét lại, mà còn bác bỏ tất cả những phương pháp phản khoa học của chủ nghĩa xét lại hồi ấy và hiện nay. Ta đã chẳng thấy tên phản bội Cau-sky xuyên tạc chủ nghĩa Mác trong tập sách đầy cộc *Quan điểm duy vật về lịch sử* (1927) của y, trong đó y qui sức sản xuất vật chất thành khoa học tự nhiên hiện đại tức là thành «nhân tố tinh thần». Những đồ đệ của chủ nghĩa Phơ-rớt (Freud) trong triết học, xã hội học, y học, mỹ học đã chẳng qui các hiện tượng xã hội thành vấn đề sinh lý, tâm lý đó sao? Ở đây xin mở một cái ngoặc, ta không quên được cái trò hề thảm hại của Trương Tửu gán cho cô Kiều của Nguyễn Du bệnh «ủy hoàng» để dựa vào đó mà phê bình văn học một cách bừa bãi, bậy bạ. Bọn xét lại, cải lương từ đó lại quyết đoán rằng những tình trạng hỗn độn hiện nay của xã hội tư bản (khủng hoảng sản xuất thừa, phá sản, đói rách, áp bức dân tộc, tội lỗi, truy lạc...) đều là những «bệnh xã hội» do «tình trạng đau ốm của xã hội» mà ra. Bệnh xã hội chúng nói đây là muốn chỉ những cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân lao động, những phong trào cách mạng của nhân dân các nước nhỏ yếu... Đáng lý phải lên án chủ nghĩa đế quốc thối nát, kẻ hung phạm đã gây ra tất cả thảm trạng đó, những nhà lý luận cải lương quý gồi trước chủ nghĩa tư bản lại ca ngợi rằng chủ nghĩa Phơ-rớt giải thích các «bệnh xã hội», các hiện tượng xã hội hay hơn chủ nghĩa Mác (!). Xa rời học thuyết duy vật biện chứng, con người ở xã hội tư bản hiện nay sẽ bất lực, không giải thích nổi và còn bị cuốn vào trong cơn lốc «hư vô về đạo đức» của chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến, ở đó các tư tưởng gia tư sản phản động ca ngợi sự lo âu, sự trống rỗng và cô đơn là những giá trị thực nhất, khẳng định cái chết là tất cả đối với con người, đề cao lối sống phiêu lưu say sưa, hoàn toàn buông mình trôi theo kích thích của cái vô ý thức, một thứ đạo đức chỉ tạo nên những thanh niên lạc loài của thời đại.

Việc Lê-nin phanh phui trong đồng những danh từ «chủ nghĩa» này nọ của bọn Ma-khơ, vạch ra thực chất duy tâm chủ quan của chúng, lời cổ chúng về với những nguồn gốc có tính chất thần bí phản động làm «tay sai có bằng cấp», «đầy tớ trung thành cho chủ nghĩa tín ngưỡng» (trang 327) đã làm sáng tỏ hẳn quan điểm Đảng tính trong triết học. Hơn tất cả ai hết thời đó, Lê-nin đã có cái nhìn thiên tài thấy được ruột gan duy tâm, về triết học, tính chất xét lại và phản động về chính trị của chủ nghĩa Ma-khơ và đồ đệ. Người lớn tiếng chỉ rõ cuộc đấu tranh giai cấp được phản ánh trong cuộc đấu tranh giữa hai trận tuyến duy tâm và duy vật lúc đó, cuộc sau bổ sung và là cái tất yếu của cuộc trước. Với thuyết phản ánh trình bày đầy đủ

và hệ thống, với những nhận định và ý kiến rải rác trong cả tác phẩm, nhất là với tiết 6 và đoạn nhan đề « Những phe phái trong triết học và những nhà triết học không đầu » (tức là bọn duy tâm), Lê-nin đã để lại cho chúng ta cả một học thuyết về tính Đảng trong triết học.

Nguyên tắc tính Đảng trong triết học chỉ cho ta rằng những người duy vật chủ trương ý thức phản ánh tồn tại vật chất sẽ vĩnh viễn trung thành với việc đi sâu vào thực tiễn khách quan, trung thực nói lên tất cả hiện thực của lịch sử, mạnh bạo phát hiện mọi mâu thuẫn trong đời sống và xã hội để giải quyết nó, luôn luôn đứng về phía cái đang lên của lịch sử để đấu tranh cho nó chiến thắng tất cả những cái lạc hậu, phản động. Do đó, những người duy vật của chủ nghĩa Mác công khai tuyên bố triết học của mình triệt để phục vụ giai cấp công nhân, lực lượng quyết định của thời đại mới, giải phóng họ là giải phóng toàn nhân loại khỏi mọi ách áp bức xã hội, mọi kìm hãm về tư tưởng, tập quán xấu xa của xã hội cũ.

Cũng vì vậy, nguyên tắc tính Đảng trong triết học chỉ rõ Đảng tính của giai cấp vô sản đồng thời là tính khoa học, tính khách quan tối cao trong mọi lĩnh vực đấu tranh và mọi công trình nghiên cứu. Chỉ có giai cấp vô sản và Đảng tiên phong của nó là không bao giờ sợ sự thật, tôn trọng cái chính xác và khách quan nhất. Cho nên không lấy gì làm lạ bọn triết học thầy tu kinh viện ngày nay ở các nước tư bản đã phải dùng đến bừa bới cao nhất của chúng là vu cáo rằng: nguyên tắc tính Đảng của chủ nghĩa duy vật hình như mâu thuẫn với việc triệt để bảo vệ thực tại khách quan. Không gieo nổi nghi ngờ trong đầu óc mọi người, luận điệu đó vô hình trung đã xác nhận sự nhất trí giữa tính Đảng với tính khách quan, tính khoa học của triết học Mác — Lê-nin.

Nguyên tắc tính Đảng của triết học đòi hỏi người mác-xít phải biết kết hợp lý luận với thực tiễn cái tạo xã hội và đấu tranh giai cấp, phải nhận thức được sâu sắc sự thật đó, tức là *« đường lối chính trị của chủ nghĩa Mác... kết hợp chặt chẽ với cơ sở triết học của nó »* (Lê-nin toàn tập, tập 14, trang 374, tiếng Nga).

Nguyên tắc tính Đảng của triết học phản đối thái độ phương pháp giáo điều bám chặt những công thức cũ, máy móc nhai lại những vấn đề đã được giải quyết từ lâu. Lê-nin khuyên chúng ta hãy bắt chước Mác, Ăng-ghe-n đã *« không lặp lại những vấn đề đã được giải quyết về nhận thức luận, mà đã tiến hành liên tục đưa chủ nghĩa duy vật vào trong lĩnh vực khoa học xã hội như thế nào... »* (Lê-nin toàn tập, tập 14, trang 321, tiếng Nga).

Nhưng tính Đảng của chủ nghĩa duy vật biện chứng cũng không giống với chủ nghĩa giáo điều hẹp hòi trong triết học. Nó không tách khỏi những thành quả quý báu của di sản tinh thần của loài người, cũng không khinh thường vứt bỏ hết những tinh hoa trong công trình nghiên cứu, trước tác mới của các nhà bác học tư sản. Phải biết tiếp thu cái cũ, hấp thụ cái mới, và vượt hơn cả hai. Gương sáng của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin trong việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa duy vật

biện chứng đã chứng minh hùng hồn lời khuyên của Lê-nin là nên nắm vững thành tựu của các nhà bác học và « *biết vượt bỏ cái xu hướng phản động của họ, biết thực hiện đường lối của mình và đấu tranh với các đường lối của các lực lượng và giai cấp thù địch với chúng ta* » (Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm, trang 328).

Bên cạnh học thuyết rực rỡ tinh Đảng trong triết học của Lê-nin, Người còn xây dựng cho học thuyết « vai trò xã hội của tư tưởng và của những người chủ trì những tư tưởng ấy ». Lê-nin đã phân biệt rành mạch sự khác nhau quan trọng giữa ý định chủ quan của người chủ trì tư tưởng hay học thuyết này nọ với tác dụng khách quan của nó trong xã hội có đấu tranh giai cấp. Trong xã hội có giai cấp, nhà khoa học, nhà học giả, người cách mạng không thể viện lẽ rằng ý định tôi đưa ra thuyết này, tôi bênh vực thuyết nọ là rất tốt ; rất nhiệt tình, tôi làm việc cho khoa học, theo lương tâm tôi, tôi trung lập, tôi không làm chính trị v. v..., còn người khác lợi dụng học thuyết của tôi, lợi dụng chỗ thiếu sót của tôi thì tôi không có trách nhiệm hay không cần biết. Những người này đã quên đặc tính giai cấp và vai trò của tư tưởng, của triết học trong cuộc đấu tranh giai cấp trước và hiện nay. Họ quên rằng tư tưởng, ý thức là phản ánh của tồn tại vật chất. Họ lại quên rằng không thể đánh giá người ta theo lời họ tự nghĩ về họ được. Phải xem thực chất tư tưởng và triết học của họ dùng làm gì, phục vụ ai, tác dụng thực tế của nó trong đấu tranh giai cấp ra sao. Với quan điểm này, Lê-nin đã nhận xét chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm : « *Qua tất cả những tác phẩm của tất cả những người theo thuyết Ma-khơ, người ta thường xuyên thấy nổi bật cái tham vọng ngu ngốc hòng « vượt lên trên chủ nghĩa duy vật và duy tâm, hòng khắc phục cái đối lập đã « lỗi thời » đó ; nhưng thực ra thì cả bấy đó từng giờ từng phút rơi vào chủ nghĩa duy tâm và tiến hành một cuộc chiến tranh không ngừng, một mất một còn chống chủ nghĩa duy vật* » (Sách trên, trang 314, tiếng Pháp).

Nhận xét về tác dụng triết học của A-vơ-na-ri-uyt, Lê-nin đã viết : « *Những lối lẻo về lý luận nhận thức của ngài A-vơ-na-ri-uyt chỉ là những điều bịa đặt kiểu nhà giáo, một mưu toan hòng sáng lập bè phái triết học nhỏ « của ngài » nhưng thực ra, trong những điều kiện chung của cuộc đấu tranh của những tư tưởng và khuynh hướng trong lòng xã hội hiện nay, thì vai trò khách quan của những lối lẻo đó vẫn vẹn chỉ là dọn đường cho chủ nghĩa duy tâm và thuyết tín ngưỡng, phục vụ trung thành cho chúng* » (Sách trên, trang 314). Những nhà triết học và khoa học xã hội thâm hại theo chủ nghĩa Ma-khơ vẫn không hiểu nổi luận điểm trên của Lê-nin và họ thường hay kêu oan. Lê-nin cũng đã chỉ cho họ rất cặn kẽ. Người viết : « *Bốc-da-nốp nguyên rủa vô ích những người duy vật rằng họ « bóp méo ý kiến » ông ta, nhưng không một lời rủa nào thay đổi được sự kiện giản đơn và rõ ràng : sự đòi sửa lại và phát triển chủ nghĩa Mác, theo tinh thần Mác, của nhà « kinh nghiệm nhất nguyên luận » Bóc-da-nốp không khác tí nào với sự bác bỏ chủ nghĩa Mác của Su-be-sơn-déc* » (Sách trên, trang 299, 300). Lê-nin viết về sự

khieu oan của Lu-na-sác-ski : « Lu-na-sác-ski viết : « Có thể chúng tôi đi lạc đường, nhưng chúng tôi đang nghiên cứu tìm tòi ». Không phải các ngài tìm tòi đâu, mà chính người ta đang đi tìm các ngài đấy, cái khôn khờ là ở chỗ ấy ! Không phải là các ngài dùng quan điểm của các ngài nghĩa là quan điểm mác-xít (vì các ngài muốn là người mác-xít) để tiếp cận với những sự đổi mới của triết học tư sản ; mà chính là cái mới đó nó tiếp cận các ngài, nó ấn cho các ngài những hàng làm giả mới nhất theo mùi vị chủ nghĩa duy tâm của nó. Nhưng mảnh khoe « lý luận » khá ngốc (về « thuyết năng lượng », « yếu tố »...) mà các ngài ngây thơ cả tin chỉ thuộc về một môn phái hẹp hòi và hạn chế nhất, còn khuynh hướng tư tưởng và xã hội (của những mảnh khoe đó thì lập tức trở thành công cụ của bọn Oa-đơ (Ward), bọn phê bình mới, bọn nội tại chủ nghĩa, bọn Lô-pa-tin, bọn thực dụng chủ nghĩa, và giúp cho chúng được nhiều việc chúng đang chờ đợi » (Sách trên, trang 316).

Đập nát chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm Ma-khơ từ nguồn gốc, trong cốt lõi của nó, học thuyết và Đảng tính trong triết học và về vai trò xã hội của tư tưởng của Lê-nin trong tác phẩm thiên tài của Người đã củng cố, xác định cho chúng ta ý thức kiên quyết đến cùng chống mọi hình thức, mọi biến tướng của chủ nghĩa xét lại hiện đại, đã vũ trang cho chúng ta cả về lý luận cơ bản, và phương pháp đấu tranh : ôn lại những nguyên lý vô cùng xuất sắc trong tác phẩm đó, tốt nhất là chúng ta cố gắng thấu đáo, thấm nhuần tinh thần lý luận của Lê-nin để vận dụng sáng tạo vào mọi mặt công tác, nhất là vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện nay.

Chúng ta kỷ niệm 50 năm tác phẩm vĩ đại của Lê-nin giữa lúc cuộc cách mạng của chúng ta đang phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi ở cán bộ và nhân dân một trình độ lý luận khoa học và hiểu biết cao hơn, giữa lúc yêu cầu nghiên cứu học hỏi của tất cả chúng ta ngày càng bức thiết. Những dòng giới thiệu trên còn quá sơ lược về tác phẩm kinh điển hết sức phong phú, sâu sắc, luôn luôn mới mẻ và đầy sức sống của kho tàng lý luận Mác — Lê-nin, có thể chỉ đem lại một vài ý niệm về một số vấn đề cơ bản trong đó mà thôi. Không có tham vọng giới thiệu được đầy đủ nội dung, chúng tôi chỉ muốn gọi lên ở các bạn lòng ham hở đi sâu vào nghiên cứu tác phẩm đó trong phạm vi có thể được của mỗi người chúng ta trong dịp kỷ niệm này.

Tháng 8-1959

BÁO CÁO CỤ THỂ VỀ NHỮNG MŨI TÊN ĐỒNG TÌM THẤY Ở MIỀN CỎ-LOA

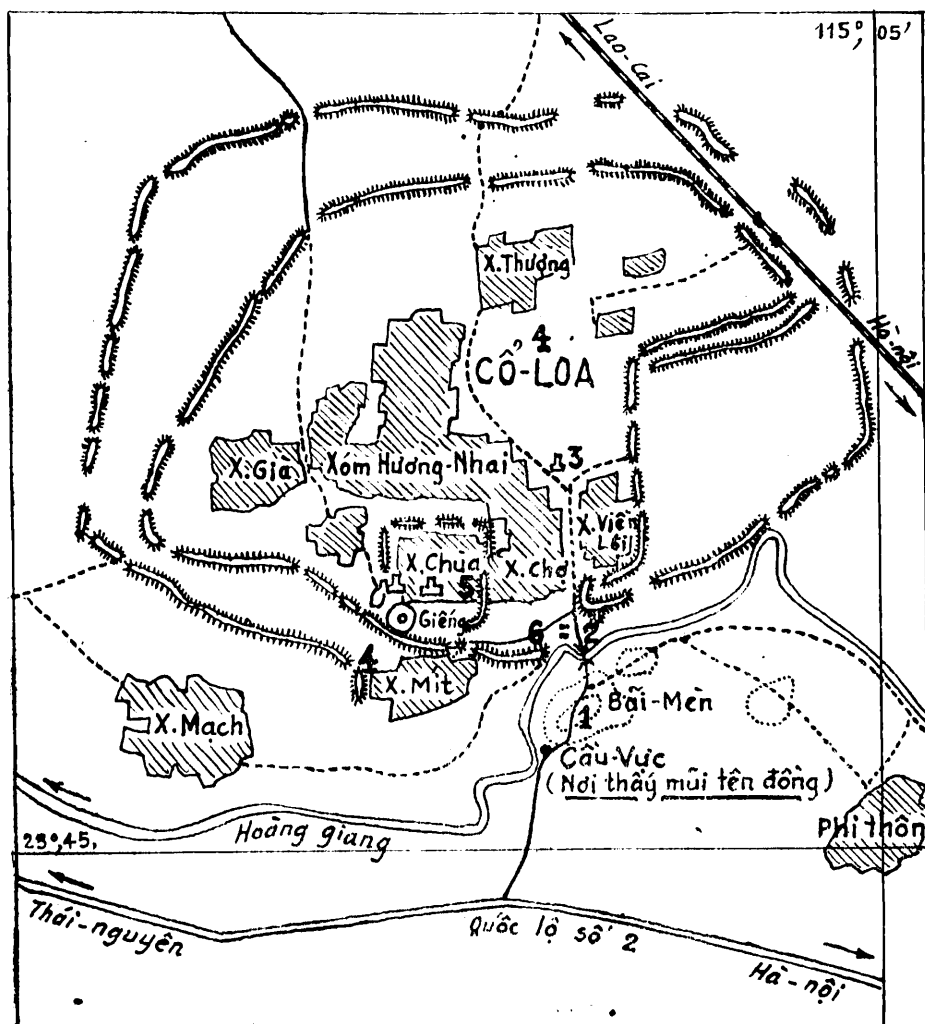
VIỆC phát hiện ra những mũi tên đồng ở miền Cỏ-loa là một sự kiện trọng yếu không những liên quan đến cổ sử Việt-nam, mà còn liên quan đến lịch sử các nước châu Á. Những mũi tên đồng ấy do ai làm ra? Làm ra vào thời đại nào? Những mũi tên đồng ấy có liên quan gì đến những mũi tên đồng hay các đồ đồng khác tìm thấy ở Đông-sơn không? Và sau cùng có liên quan gì đến chuyện nổ thần của An-dương vương, nhân vật lịch sử đã xây dựng thành Cỏ-loa làm kinh đô của nước Âu-lạc không? Những câu hỏi này vừa lý thú và trọng yếu, chúng tôi chờ các nhà khảo cổ học và các nhà cổ sử học trả lời. Ở Tập san Nghiên cứu lịch sử, hôm nay, chúng tôi đăng bản « Báo cáo cụ thể về những mũi tên đồng tìm thấy ở miền Cỏ-loa » với mục đích cung cấp tài liệu cho mọi người nghiên cứu.

TẬP SAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

NGÀY 17 tháng 7 năm 1959, trong khi lấy đất làm con đường nối Xưởng phim Việt-nam đang xây dựng với đường quốc lộ số 2, anh chị em công nhân đã phát hiện ra một số khá lớn mũi tên đồng ở một địa điểm gọi là Cầu-vực gồm khu vực di tích thành Cỏ-loa.

Như mọi người đều biết, Cỏ-loa là kinh đô của nước Âu-lạc do An-dương vương (Thục Phán) xây dựng vào hồi thế kỷ III trước công nguyên. Cỏ-loa nay ở cách Hà-nội chừng 17 cây số trên đường quốc lộ số 2, giữa địa phận hai tỉnh Bắc-ninh và Vĩnh-phúc. Khu vực Cỏ-loa hiện nay ở vào địa phận các làng Cỏ-loa, Thu-cự, Lương-quán, Gia-lộc thuộc huyện Đông-anh tỉnh Vĩnh-phúc và làng Dục-tú thuộc tỉnh Bắc-ninh. Trung tâm di tích thành Cỏ-loa có lẽ ở vào làng Cỏ-loa là nơi hiện còn có đền, đình, chùa và ngự xạ đài, v. v...

KHU VỰC DI TÍCH THÀNH CÔ-LOA
VÀ NƠI ĐÀO THẤY MŨI TÊN ĐỒNG



CHÚ-THÍCH

- Di tích thành đất
- Đường đất
- Đền chùa
- Xóm làng
- Bãi cao

- 1, Chỗ truyền lại đào thấy lò đất.
- 4, " " " " gô~
- 5, " " " " gạch lát
- 6, " " " " ống đồng
- 2, Một cửa vào thành.
- 3, Xạ đài, nơi tập bắn.

Cầu-vực là một cái quán làm trên một gò đất xưa vốn cao hơn mặt đường. Trước đây khoảng 20 năm, Cầu-vực hãy còn ; cột Cầu-vực làm bằng đá hiện vẫn còn bốn cái nằm ở dọc đường gần trường bản (ngự xạ đài).

Trong khi làm con đường đã nói ở bên trên, anh chị em công nhân đã đào cái nền cũ của Cầu-vực để lấy đất đắp đường. Ở vào một địa điểm cách đường số 2 độ 600m, bên cạnh một gốc gạo cách chỗ gọi là Cửa thành độ 300m, từ đây đến di tích thành không đầy 200m, cách trung tâm con đường đắp độ 6m, đào sâu từ mặt đất xuống độ 0m,60, anh chị em công nhân thấy lộ ra một đồng mũi tên đồng nằm trong một cái hố hình vuông mỗi chiều dài độ 1m,00, sâu 1m,20.

Khi phát hiện ra mũi tên đồng, lập tức mọi người xúm nhau lại xem, rồi mỗi người lấy một số mang về nhà, có người lấy hàng thùng. Nguyên trạng hố chứa mũi tên vì vậy bị đảo lộn, và một số hiện vật có lẽ đã bị mất.

Ngay sau khi hố chứa mũi tên đồng bị đảo lộn, ban chỉ huy công trường lập tức ra lệnh cấm đào bới cái hố nói trên, rồi cho người về Hà-nội báo cho Vụ Bảo tồn Bảo tàng biết. Ngày 18-7-1959, Vụ Bảo tồn Bảo tàng cử cán bộ về công trường phối hợp với cán bộ tỉnh Vĩnh-phúc mở cuộc điều tra tại chỗ về tình hình mũi tên đồng. Trước khi tiến hành điều tra, cán bộ Vụ Bảo tồn Bảo tàng một mặt lo thu nhặt và bảo quản các hiện vật, một mặt đề nghị với ban chỉ huy công trường ra lệnh đình chỉ việc lấy đất ở địa điểm « hố mũi tên đồng ».

Những mũi tên đồng và các hiện vật thu nhặt được cân nặng 93 ki-lô, mỗi ki-lô có chừng 97 mũi tên. Tính ra số tên thu nhặt được có đến gần một vạn cái gồm đủ các hạng lớn, nhỏ, dài, ngắn. Các mũi tên có thể chia ra làm bảy loại : Loại dài nhất là 0m,11, loại ngắn nhất là 0m,06. Các mũi tên đều nhọn, sắc, đầu có ba ngạnh, mỗi ngạnh lại lõm xuống hình lòng máng. Ngoài những mũi tên nguyên vẹn được sắp xếp hẳn hoi, còn có một số nhỏ mảnh tên vụn ước độ một tấc khối (0m³,001), trông đồng những mảnh tên vụn, có một cái mũi cũng bằng đồng mà chúng tôi đoán là mũi giáo, và một số mảnh đồng khác nữa.

Tất cả các mũi tên đồng và các hiện vật khác, ngay sau khi thu nhặt đã được đem về Hà-nội bảo quản cẩn thận. Một số mũi tên đã được đem trưng bày ở Viện Bảo tàng lịch sử để cung cấp tài liệu cho các nhà cổ sử học và khảo cổ học nghiên cứu.



7 loại tên bằng đồng đào thấy ở Cổ-loa ngày 17-7-1959

Trong công tác điều tra, chúng tôi đã tiến hành những việc như :

1. Điều tra hiện trạng « hố mũi tên đồng » khi mới phát hiện.
2. Tiếp tục đào thêm khu đất ở gần « hố mũi tên đồng ».
3. Điều tra về truyền thuyết và các truyện cổ tích lưu truyền trong nhân dân miền Cổ-loa.
4. Đem những mũi tên đồng hiện có trong Viện Bảo tàng để cùng phân chất với các mũi tên đồng tìm thấy ở miền Cổ-loa.

Và việc điều tra hiện trạng « hố mũi tên đồng », theo lời anh chị em công nhân đào đất ở địa điểm Cầu-vực, thì chúng tôi được biết như sau :

1. Các mũi tên đều được sắp thành từng lớp ngăn cách nhau bằng một lớp mỏng có thể là đất, cũng có lẽ là biến chất của một thứ gì.
2. Có một số mũi tên nằm sắp chéo nhau đầu mũi này giao với đuôi mũi khác.
3. Có mũi tên sắp một chiều, đầu nằm song song với đầu ; đuôi nằm song song với đuôi.

4. Lúc mới đào ra thì những mũi tên này đều mềm, rất dễ bẻ nhưng chưa mủn, sau một thời gian lấy lên khỏi đất thì lại cứng, khó bẻ hơn.

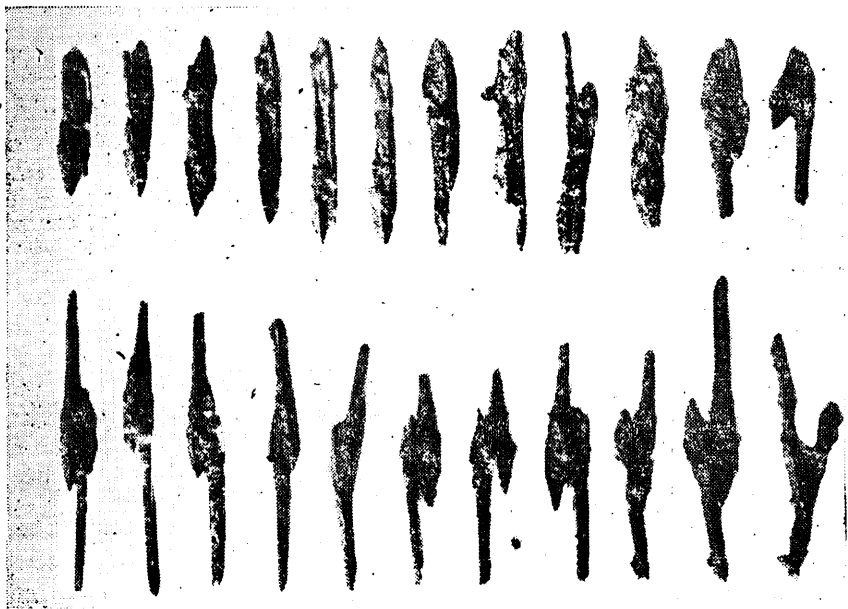
5. Ngoài những mũi tên nguyên vẹn có sắp xếp tử tế còn một đồng nhỏ độ một tấc khối ($0m^3,001$) toàn là mảnh tên vụn và một số vật cũng bằng đồng hình như một mũi giáo nhỏ.

Xem kỹ thì thấy trong đồng mũi tên có nằm lẫn một số mảnh đồng nhỏ không ra hình thù gì.

Tới một phần tư ($1/4$) số mũi tên đã được sửa chữa thành khí; còn ba phần tư ($3/4$) đều là tên mới ra khuôn chưa được sửa chữa, còn sù sì và có chỗ thừa chỗ thiếu chưa nhẵn nhụi thành khí.

Các mũi tên đều mang sắc rỉ xanh như nhau.

Có những mũi tên dính nhau hai, ba, bốn, v.v... cái một.

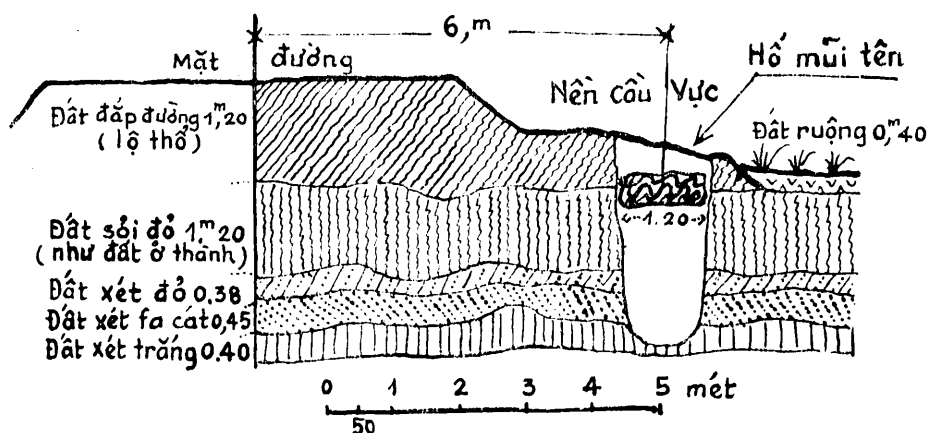


Mũi tên đồng Cổ-loa xếp trở đầu đuôi còn dính với nhau

Đồng thời với việc điều tra hiện trạng như trên, cán bộ Vụ Bảo tồn Bảo tàng đã đào thêm khu đất ở gần « hố mũi tên đồng », thì thấy :

Kể từ ngang mặt đường đi xuống theo chiều sâu độ $0m,40$ là đất thực thổ (terre meuble) rồi đến một lớp độ $1m,20$ sâu thì là đất đỏ, cùng một loại với đất đắp thành (đỏ có pha sỏi

và mịn) dưới nữa là một lớp độ 0m,38 là đất sét đỏ có pha cát, và dưới nữa là đất sét trắng (xem bản đồ).



Phác họa điều tra các tầng đất bờ dọc nơi đào thấy mũi tên đồng

Qua các lớp đất ấy và ngoài khu vực « hồ mũi tên đồng », thì không còn thấy một vật gì khác và cũng không thấy một hiện tượng gì có tính cách văn hóa cả.

Tìm sang đến một hố lấy đất xung quanh giáp gần đó đều không có hiện tượng gì đáng chú ý.

Duy chỉ cách xa đó độ 100m trong một hố đất khác thấy có những hiện tượng sau đây :

1. Từ ngang mặt đường đi sâu xuống độ 0m,70 đều là một lớp đất màu xám, có trộn rất nhiều mảnh vỡ (tesson) đất nung với một độ lửa tương đối không thấp lắm. Qua các văn hoa trên các mảnh vỡ, thì có thể phỏng đoán đó đều là đất nung thuộc vào một thời đại xa xôi lắm. Những mảnh ấy có tính chất thuần nhất hay chưa hay những mảnh khác trộn vào. Đó là điều chưa thể xác định được. Trong đất thỉnh thoảng lại có vết tích chất than gỗ.

Ngoài những hiện tượng ấy, còn có tìm thấy một mảnh vỡ của một khí vật gì bằng đất hình như một nửa cái chén hay cái nồi nấu chì của thợ bạc độ 0m,06 đường kính, chất đất đen, hình thù lúi sùi không được trơn nhẵn, chưa xác minh được là khí vật gì, và tác dụng như thế nào. Một chỗ đất chừng độ hai tấc khối màu đỏ không phải như gạch mà là như màu đất nền bếp cũ.

Nói chung thì những mảnh đất nung chưa xác minh được là những mảnh vỡ của những khi vật gì, và tất cả những hiện tượng nói trên cũng đều chưa được xác định cụ thể là thế nào.

Đi sâu tìm hiểu về những chỗ đất này, thì nhân dân địa phương cho biết rằng : chỗ đấy xưa nay gọi là Bãi Mèn và con đường đi xuyên qua bãi ấy gọi là đường Mèn. — Mèn là gì ? Theo nhân dân địa phương, thì *mèn* là một nhạc cụ xưa của Việt-nam, hình như cái gương đồng dùng để đánh trong khi tế lễ. Nhân hỏi về nghĩa tiếng *mèn*, chúng tôi được các cố lão cho biết rằng : « Tương truyền ngày xưa ở chỗ Bãi Mèn có lò đúc và bán các đồ đồng, đặc biệt là đúc các *mèn*.

Do đó chúng tôi đã đề nghị với địa phương về việc bảo quản khu đất này để đợi nghiên cứu.

Ngày 9 tháng 9, chúng tôi lại tiếp tục đến Cồ-loa điều tra thêm ở bãi đường Mèn thì ở trong một đám ruộng khoai, cách mặt đất không sâu lắm, chỉ độ 0m,10 sâu, nhặt được một mảnh đất nung vỡ làm ba, theo hình dáng của nó thì có thể ước đoán đó là một mảnh miệng lò thụt bệ của thợ đúc chẳng ?

Rồi tiếp tục thăm dò thêm một vài nơi có hiện tượng khả nghi thì cũng dưới một độ không sâu lắm (độ 0m,08) lại thấy một vật bằng sắt, chiều ngang dọc độ 0m,07 và một mảnh gang (đã nung nấu) dài độ 0m,05 ngang độ 0m,3 dày độ 0m,01.

Ngoài ra, trên mặt đất còn nhặt được rải rác rất nhiều những mảnh vụn vỡ của cái nồi nấu, mảnh thuộc về thân nồi, mảnh thuộc về cổ nồi, cũng có mảnh thuộc về bộ phận miệng nồi. Những mảnh này đều nhỏ cả, ngang dọc chỉ độ 0m,03 hoặc 0m,04 trở xuống, chỉ có một hai mảnh miệng và cổ thì tương đối to hơn, nhưng không quá ngang dọc 0m,06, 0m,07 trở lại.

Dọc theo con đường Mèn đi vào cổng làng (xóm chợ) thì thấy cùng đi vào cuối bãi và gần làng thì mặt đường càng hạ thấp xuống hơn mặt bãi, nhìn kỹ ở rìa bãi thì thấy có những ngấn tích của một mặt đất bị hạ. Do đó ta có thể sơ bộ nghĩ rằng : đất của bãi Mèn có lẽ trước kia cao hơn khi làm đường đã hạ thấp xuống bớt, và khi vỡ làm thành ruộng cũng có san phẳng đi chứ không phải là đất mang ở nơi khác đổ vào.

Sau khi phát hiện mũi tên và điều tra tại chỗ xong, đi sâu vào trong nhân dân, thì không thu lượm được gì quan

trọng về hiện vật. Chỉ nghe thêm được một số câu chuyện truyền khẩu không có căn cứ lắm, cũng xin ghi sau đây để tham khảo :

— Trước đây 30 năm có người làng Mạch-tràng đào được ở chân thành gần chợ Sa một cái ống đồng dài độ 0m,50, bịt kín hai đầu, xung quanh có lỗ như lỗ sáo, và cũng nghe nói trên mặt ống ấy có những dấu khắc như hình một thứ chữ cổ nào đó. Ông Đào Duy Tri người cùng xã hỏi mua không được. Rồi sau nghe nói người bắt được ống dùng đánh vòng cho trẻ.

— Trong các ao và các chuôm trong và ngoài thành người ta thường thấy được nhiều mảnh gỗ to cưa thành phiến, không biết ai cắt giấu từ đời nào.

— Ông Kim ở xóm Chùa có lần làm nhà đào đất sâu 0m,60 có thấy một lớp gạch như là gạch lát nhà.

— Ông cụ Đề và anh Xà ở xóm Vang cho biết trước ngày Cách mạng tháng Tám, mỗi năm dân làng rước thần, thì cho bày trên kiệu một cái nỏ bằng giấy, giữa thân nỏ có một cái ngang bằng gỗ có dùi nhiều lỗ, mỗi lỗ để một cái tên, để tượng trưng cái nỏ bắn một phát nhiều tên của vua Thục An-dương vương ngày xưa.

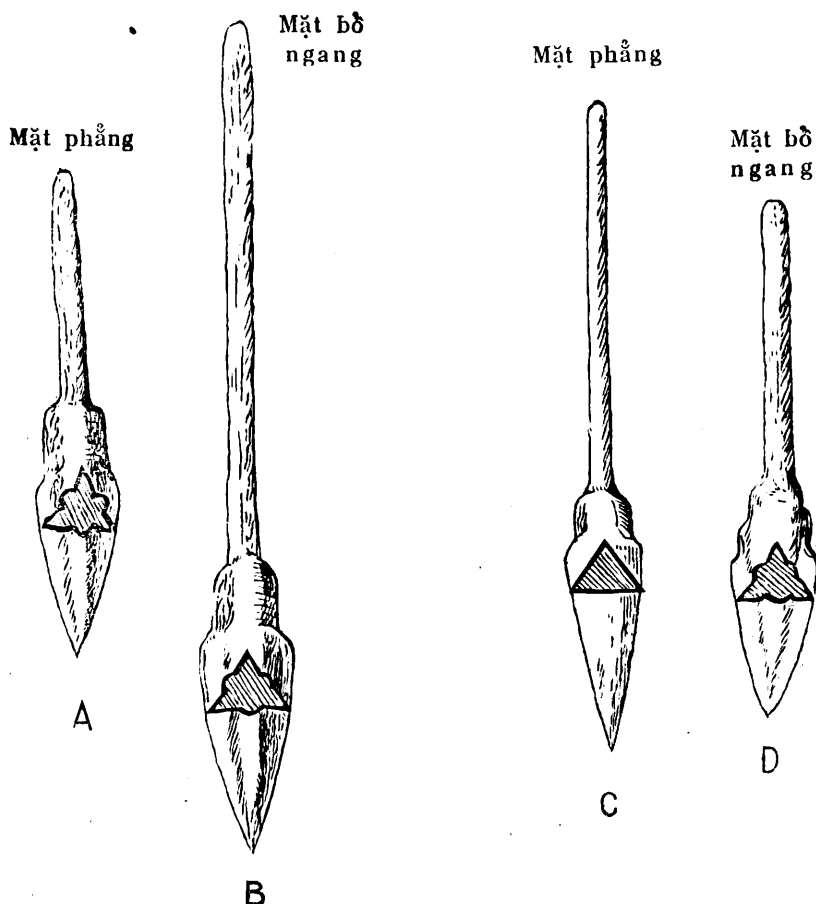
— Anh Xà lại cho biết cũng trước ngày khởi nghĩa, nhân dân nhất là thanh thiếu nhi trong làng hay chơi một loại ống thổi (ống xi đồng 吹筒) không phải thổi bằng những viên đạn tròn bằng đất nung như ở các nơi khác, mà trái lại thổi bằng mũi tên (có thể mua hay vận động nhân dân xin cũng được, vì trong địa phương một đôi nhà vẫn còn có).

— Trong một cái ao gọi là ao Mắm, trước đây độ 30 năm, nhân dân cũng có đào được một chiếc thuyền cổ (hình thù không rõ vì tang vật đã bị phá hủy).

∴

Bên trên là những tài liệu, hiện vật cùng là những truyền thuyết về mũi tên đồng. Sau cuộc điều tra về mũi tên đồng ở khu vực Cổ-loa, chúng tôi đã soát lại kho cũ của Viện Bảo tàng lịch sử để xem trong đó có mũi tên đồng nào không.

Xét tài liệu chúng tôi được biết, năm 1935 đã đào được bốn mũi tên đồng ở làng Chính-giáp, huyện Đông-sơn, tỉnh Thanh-hóa. Bốn mũi tên ấy cũng tương tự như những mũi tên ở Cổ-loa (xem bức vẽ nguyên hình cả hai thứ mũi tên). Đề



A, B — Cổ-loa

C, D — Đông-sơn

biết thành phần đồng và các kim loại ở trong hai thứ mũi tên ấy, chúng tôi đã đem hai thứ ấy nhờ Sở Địa chất phân chất, thì được biết cụ thể như sau :

	Đông-sơn	Cổ-loa 1	Cổ-loa 2
Đồng	99,8%	95,6 %	95,7 %
Chì	0,2%	3,4 %	4,2 %
Kẽm	0%	1 %	1,1 %

Tháng 9-1959
VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG

BÀN VỀ VIỆC ÁP DỤNG HỌC THUYẾT MÁC—LÊ-NIN

MỘT CÁCH SÁNG TẠO VÀO VIỆC NGHIÊN CỨU CÁC VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG

VIỆC nước ta bước vào thời kỳ xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa trên một qui mô rộng lớn khẩn cấp đòi hỏi phải nâng cao công tác lý luận và tư tưởng. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô nhấn mạnh rằng: cán bộ các ngành khoa học xã hội cần phải tổng kết một cách sáng tạo các kinh nghiệm xây dựng văn hóa và kinh tế, phải nghiên cứu sâu sắc các vấn đề mới do sinh hoạt đặt ra. Do đó, cần phải nghiên cứu sâu sắc những qui luật có liên quan đến việc tan rã của hệ thống thuộc địa, đến việc ra đời và phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa phương Đông; cần phải phân tích quá trình chính trị xã hội và kinh tế của các nước Á—Phi đang tiến trên con đường phát triển độc lập hoặc còn đang tiến hành cuộc đấu tranh để giải phóng khỏi ách thuộc địa. Đó là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của ngành Đông phương học xô-viết.

Chỉ khi nào tất cả công tác nghiên cứu của các nhà bác học chúng ta quán triệt được đảng tính chiến đấu, thì mới có khả năng giải quyết có kết quả những nhiệm vụ nặng nề và quan trọng hiện đang đặt ra trước ngành Đông phương học... Đảng Cộng sản Liên-xô và Ban chấp hành Trung ương Lê-nin của Đảng đã chỉ cho chúng ta cái mẫu của việc áp dụng sáng tạo học thuyết Mác — Lê-nin, để giải quyết những vấn đề phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa phức tạp nhất. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XX và Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô, những văn kiện vô cùng quan trọng của Đảng — bản báo cáo tổng kết của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên-xô ở Đại hội lần thứ XX và bản báo cáo về « Chỉ tiêu phát triển kinh tế quốc dân năm 1959-1965 » cũng như những tham luận của các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên-xô và nhà nước xô-viết, đều chứa đựng nội dung phân tích theo quan điểm chủ nghĩa Mác — Lê-nin tình hình

thực tế hiện nay một cách sâu sắc. Trong đó có vấn đề tan rã của hệ thống thuộc địa tư bản chủ nghĩa, củng cố phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, tình hữu nghị ngày càng củng cố giữa Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác với nhân dân các nước phương Đông đã tiến trên con đường độc lập hoặc đang đấu tranh để giành tự do cho mình.

Việc ra đời cuốn sách *Tiến lên giành lấy thắng lợi trong cuộc thi đua hòa bình với chủ nghĩa tư bản* (1) của đồng chí Khor-rút-sốp được dư luận Liên-xô vô cùng tán thưởng. Cuốn sách đó bao gồm những bài diễn văn và phát biểu về những vấn đề quan trọng nhất trong chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản và nhà nước xô-viết năm 1958. Những tài liệu chọn lọc trong cuốn sách này giới thiệu với chúng ta rằng: để thực hiện những lời di chúc của Lê-nin trong lĩnh vực chính sách đối ngoại, Đảng Cộng sản Liên-xô kiên quyết đấu tranh để đoàn kết tất cả mọi lực lượng yêu hòa bình, để củng cố tình hữu nghị giữa các dân tộc và để chung sống hòa bình với những quốc gia có chế độ xã hội khác nhau. Hoàn toàn theo qui luật, phần lớn cuốn sách đó dùng để phân tích và nhận xét theo quan điểm Mác — Lê-nin những quá trình và hiện tượng tồn tại trong giai đoạn hiện nay của phong trào giải phóng dân tộc các dân tộc phương Đông. Xuất phát từ quan điểm này, cùng với những văn kiện vô cùng quan trọng khác của Đảng trong 5 năm vừa qua, cuốn sách của đồng chí Khor-rút-sốp là lời chỉ đạo vô cùng bổ ích, và là một tài liệu học tập cho tất cả những ai nghiên cứu lịch sử cận đại và tình hình hiện tại ở phương Đông.

..

Chính sách của Đảng Cộng sản Liên-xô và Chính phủ Liên-xô đối với các dân tộc phương Đông dựa trên những lời huấn thị của Lê-nin về tính chất tất yếu phải hết sức gần gũi, liên minh và hữu nghị với các dân tộc này. Lê-nin tiên đoán rằng: quá trình giải phóng của các dân tộc phương Đông khỏi ách đế quốc chủ nghĩa tất nhiên sẽ tiến tới: các dân tộc đã giải phóng chọn cho mình con đường phát triển mới, tốt hơn tư bản chủ nghĩa. « *Rất rõ ràng — Lê-nin nhấn mạnh — trong cuộc chiến đấu có tính chất quyết định về sau này của cách mạng thế giới, phong trào của đại đa số nhân dân trên trái đất, đầu tiên nhằm giải phóng dân tộc, nhất định sẽ nhằm chống lại tư bản chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa, và có thể sẽ đóng vai trò cách mạng lớn hơn rất nhiều, so với mức chúng ta trông mong ngày nay* » (2).

Những văn kiện của Đảng nhấn mạnh rằng: sự tan rã của hệ thống thuộc địa đế quốc chủ nghĩa là một sự kiện lịch sử toàn thế giới ở thời kỳ sau chiến tranh. Việc nghiên cứu sâu sắc, toàn diện qui luật và những vấn đề có liên quan đến sự tan rã của hệ thống thuộc

(1) Khor-rút-sốp: *Tiến lên giành lấy thắng lợi trong cuộc thi đua hòa bình với chủ nghĩa tư bản*. Mát-scơ-va, 1959 (phần sau của bài có trích dẫn một số trong cuốn này).

(2) *Lê-nin toàn tập* — Tập 32 — trang 458.

địa trở thành một trong những nhiệm vụ sâu sắc nhất, bức thiết nhất, và hiện nay là trung tâm chú ý của Đông phương học xô-viết.

Quá trình ra đời của nhiều dân tộc bị bọn thực dân dùng bạo lực kìm hãm bên mé đường phát triển của nhân loại hàng bao nhiêu thế kỷ đang phát triển. « *Tảng băng hàng thế kỷ của chế độ hà khắc thuộc địa ở hầu hết các nước đã chuyển mình, và đang tan ra từng mảng đập vào mắt chúng ta. Các dân tộc đang vứt bỏ và phá tan dây xiềng xích chủ nghĩa thực dân. Cố gắng của những kẻ hòng ngăn cản cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc đã vùn lên chống ách áp bức ngàn đời của bọn thực dân thật là vô ích. Dòng nước mùa xuân đang phá vỡ băng trên các con sông bọc sắt lúc mùa đông thế nào, thì nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc đế quốc đang phá vỡ cái trật tự đầy căm thù đối với họ, cái trật tự do bọn áp bức nước ngoài dựng lên trên đất nước họ cũng như vậy. Chính sách thuộc địa của bọn đế quốc đang sụp đổ và tan rã. Việc này đang dẫn chúng đến chỗ diễn rõ và cuông bạo* » (trang 462). Thời đại của bọn thực dân vĩnh viễn lùi vào quá khứ. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc phương Đông như trong văn kiện của Đảng đã nhấn mạnh, đã trở thành một phong trào tất yếu không gì ngăn cản nổi của thời đại. « *Người xô-viết chúng tôi rất vui mừng thấy các dân tộc Á — Phi đã giải phóng khỏi gông cùm chủ nghĩa thực dân. Về phía chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng làm mọi việc để các nước thuộc địa và phụ thuộc được giải phóng hoàn toàn* » (trang 286).

Các nhà Đông phương học xô-viết cần phải nghiên cứu sâu sắc vấn đề về thành tựu nền kinh tế độc lập của các nước phương Đông đã tiến trên con đường độc lập tồn tại. Luận điểm đã nhiều lần nhấn mạnh trong các văn kiện của Đảng nói rằng: « *Thành quả tự do về chính trị của các dân tộc thuộc địa và bán thuộc địa cũ là tiền đề đầu tiên và quan trọng bậc nhất cho nền độc lập hoàn toàn của các dân tộc, tức là thành tựu nền độc lập kinh tế* » (1) có một ý nghĩa nguyên tắc sâu sắc.

Ước vọng được đi theo con đường độc lập kinh tế của nhân dân các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông gặp phải sự phản kháng mãnh liệt của bọn đế quốc. Chúng hòng đòi bắt cứ một giá trị nào để giữ được địa vị của chúng trong nền kinh tế của các nước ấy. Song như đã nhấn mạnh trong các văn kiện của Đảng và nói riêng trong nhiều bài diễn văn của đồng chí Khor-rút-sốp, trong điều kiện mà hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đang tồn tại, thì các nước đã đứng trên con đường phát triển độc lập không đi đến chỗ luồn cúi những kẻ đã áp bức mình trước kia, các nước ấy sẽ được các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ trong phạm vi cần thiết (2).

(1) Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên-xô ở Đại hội lần thứ XX: « *Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Liên-xô. Tờ ký* » Tập I. Mát-scơ-va — 1959, trang 25.

(2) Xem tài liệu trên.

Trong khi đó, các nước đế quốc lớn đối với các nước phát triển kinh tế chậm thì đe dọa, nói xấu hoặc cưỡng đoạt bằng cách gán cho họ những điều kiện chính trị và quân sự có thể. Còn Liên-xô, đối với các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông, xuất phát từ nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng và hợp tác lẫn nhau, giúp đỡ họ không đặt một điều kiện đòi hỏi nào có tính chất quân sự hay chính trị cả. Nhân dân lao động Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác coi sự giúp đỡ các nước phương Đông phát triển kinh tế chậm như là nhiệm vụ quốc tế của mình. Những nhà Đông phương học xô-viết, trước hết là những nhà kinh tế học, cần phải phân tích tính chất và đặc điểm của sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa đối với các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông. Những luận điểm nêu trong lời phát biểu của đồng chí Khor-rút-sốp là một cở vũ lớn lao cho công tác nghiên cứu đó. « Với sự lớn mạnh về nền kinh tế của chúng ta, hàng năm chúng ta sẽ giúp đỡ các nước phát triển chậm được nhiều hơn. Nếu họ yêu cầu, chúng ta sẽ cho họ vay, tính các thiết bị vào trong số tiền vay, cử các nhà bác học, kỹ sư, nông học, bác sĩ của chúng ta đến họ công tác v. v... Chúng ta làm như vậy để giúp đỡ nhân dân các nước phát triển chậm đặt cơ sở vững chắc cho nền kinh tế của mình, thúc đẩy nền khoa học và văn học dân tộc tiến lên. Chúng ta gọi đó là sự giúp đỡ vô tư. Thực vậy, chúng ta không hề có một sự tham lam nào đối với vấn đề đó cả. Vả lại, nếu có lòng « tham lam » (tôi đặt hai chữ tham lam vào trong ngoặc kép) thì cũng khác biệt, không có một cái gì chung giống như lòng tham lam vật chất bóc lột và kiếm lợi. Sự giúp đỡ của chúng ta là ở chỗ : khi giúp đỡ các nước về mặt kinh tế, kỹ thuật cũng như các mặt khác, do đó mà chúng ta tạo nên cho các nước này những điều kiện để các nước này sau khi đã giải phóng khỏi ách nô lệ thuộc địa, không ký những hiệp đồng nô dịch với bọn thực dân, không cúi đầu theo chúng, bị phụ thuộc kinh tế vào chúng. Do đó, có khả năng chống lại những âm mưu nhằm gán cho họ quan hệ thuộc địa lỗi thời, dù là đã có thay đổi về hình thức. Chúng ta giúp đỡ các nước này khôi phục nền công nghiệp, phát triển kinh tế, nâng cao hạnh phúc của nhân dân mình cũng chính là chúng ta giúp đỡ họ củng cố nền độc lập đã giành được trong cuộc đấu tranh với bọn thực dân đế quốc chủ nghĩa » (trang 453 — 454).

Phân tích những con đường và phương pháp giải quyết vấn đề thành tựu nền kinh tế độc lập của các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông, đồng chí Khor-rút-sốp đã nhiều lần nhấn mạnh ý nghĩa cực kỳ quan trọng là nó sẽ tạo nên nền công nghiệp dân tộc, và trước tiên là nền công nghiệp nặng trong các nước ấy. Ví dụ như một trong những bài phát biểu trong thời gian lưu lại ở Ấn-độ (1955), đồng chí Khor-rút-sốp nói : « Trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai này, các bạn định phát triển công nghiệp của các bạn. Điều đó rất quan trọng. Chúng tôi là những người xô-viết, theo kinh nghiệm bản thân thì chúng tôi hiểu rằng : sự phát triển công nghiệp có một ý nghĩa lớn lao trong tất cả các mặt. Đồng thời điều đặc biệt quan trọng là phải nhớ rằng : cần phải bảo

vệ nền tự do vừa mới giành được. Để tạo nên những điều kiện giành được độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, cần phải tạo nên nền móng vững chắc dưới hình thức một nền kỹ nghệ tinh xảo và dựa vào nền kỹ nghệ đó » (1).

Đồng thời, đồng chí Khor-rút-sốp nhấn mạnh rằng: phát triển công nghiệp và phát triển nông nghiệp có một mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Không nâng cao nông nghiệp thì không thể hoàn thành kế hoạch phát triển công nghiệp có kết quả. Trái lại, không phát triển công nghiệp thì cũng không thể giải quyết nhiệm vụ nâng cao nông nghiệp có kết quả. Xây dựng cơ khí là cái chìa khóa để phát triển công nghiệp và phát triển nông nghiệp. Phát biểu ý kiến ở A-go-ra, đồng chí Khor-rút-sốp nói: « Các bạn đang sống trong một mùa xuân huy hoàng của sự giải phóng dân tộc và độc lập tự chủ đất nước mình. Nhưng tôi muốn nói trước với các bạn rằng: nền tự do và độc lập chỉ có thể được củng cố trong điều kiện là các bạn có thể phát triển công nghiệp của mình và đặc biệt là xây dựng cơ khí » (2).

Trong nghị quyết của Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô chỉ rõ: Kế hoạch 7 năm phát triển kinh tế quốc dân Liên-xô 1959—1965 đang mở ra những khả năng mới vô cùng thuận lợi để tăng cường hợp tác kinh tế với các nước Á — Phi cũng như châu Mỹ la-tinh. Việc nghiên cứu các vấn đề khác nhau có liên quan đến ảnh hưởng của kế hoạch 7 năm đối với sự phát triển quan hệ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa với các nước phương Đông là một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất đối với những nhà Đông phương học xô-viết.

Quá trình phân tích việc phân phối lực lượng mới trên vũ đài quốc tế ở Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô có một ý nghĩa thực tiễn và lý luận lớn lao đối với Đông phương học xô-viết. « Ngày nay trên thế giới đã xảy ra những biến chuyển lớn: có những nước đứng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Có những nước đứng trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Nhưng cũng có những nước không phải là xã hội chủ nghĩa và cũng không thể cho là những nước ấy đứng trong hàng ngũ các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa. Các nước này sau khi đã giành được độc lập trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, muốn đi theo con đường của mình, qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa để có thể tiến tới công cuộc xây dựng xã hội trên những nguyên tắc khác, sau khi đã thoát khỏi ách thuộc thuộc địa » (3).

Hiện nay lực lượng trội hơn đang thuộc về các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và các nước đang đấu tranh anh dũng chống chủ nghĩa đế quốc và thực dân, giành tự do và độc lập dân tộc. « Một trong những kết luận quan trọng rút trong bài phân tích việc phân phối lực lượng trên thế giới hiện nay là hầu hết các nước thuộc địa và

(1) *Sinh hoạt quốc tế* số 1-1956 — Phụ lục, trang 7.

(2) *Sinh hoạt quốc tế* số 1-1956 — Phụ lục, trang 5.

(3) Khor-rút-sốp — Kết luận — Đại hội bất thường lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô. Tờ ký. Tập II. Mát-scơ-va, 1959, trang 400.

bản thuộc địa, những nước mà cách đây không lâu còn là quần hậu bị, còn là hậu phương của chủ nghĩa đế quốc, bây giờ đã chấm dứt tình trạng ấy» (1).

Các văn kiện của Đảng đã nhấn mạnh tính chất cực kỳ quan trọng trong việc nghiên cứu những ảnh hưởng do thắng lợi của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tạo nên đối với hệ tư tưởng và chính sách của các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông. Dưới ánh sáng chỉ thị của Đảng ta, các nhà Đông phương học xô-viết cần phải phân tích ý kiến của những nhà lãnh đạo các nước kinh tế phát triển chậm ở phương Đông về kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước ấy, và những kinh nghiệm thực hiện đầu tiên của họ. Ngoài ra, những ý kiến tương tự cũng chứng minh rằng: nhân dân các nước này không muốn đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa.

Đảng Cộng sản vạch ra trước các nhà Đông phương học xô-viết nhiệm vụ bức thiết là: một mặt phải nghiên cứu vấn đề liên quan chặt chẽ giữa cuộc đấu tranh của các dân tộc phương Đông để giành độc lập dân tộc và tự chủ kinh tế. Mặt khác phải nghiên cứu vấn đề quan hệ chặt chẽ giữa cuộc đấu tranh để cải cách dân chủ của họ. « Sau khi thoát khỏi ách thực dân về căn bản, những nhiệm vụ dân tộc chung đã được giải quyết. Các dân tộc đang tìm câu trả lời những vấn đề do cuộc sống đề ra. Việc đó trước tiên là giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, vấn đề đấu tranh giữa lao động và tư bản. Trong nhiều phong trào giải phóng dân tộc sản sinh ra những quá trình xã hội. Những quá trình này lại đề ra nhiều ý kiến khác nhau về con đường phát triển tương lai của các dân tộc ấy. Đó là qui luật phát triển xã hội khách quan. Những qui luật ấy nói rằng: trong nội bộ dân tộc còn tồn tại các giai cấp khác nhau về quyền lợi thì ở các nước thuộc địa sau khi đã tiêu diệt xiềng xích đế quốc chủ nghĩa rồi, công nhân muốn rút ngắn ngày làm việc, nâng cao tiền lương; nông dân muốn nhận ruộng đất nhiều hơn, và sử dụng tất cả thành quả lao động của mình; giai cấp này hay giai cấp kia đều muốn có quyền lợi chính trị. Còn tư bản thì muốn thu lợi nhuận nhiều hơn; địa chủ muốn bảo vệ ruộng đất trong tay mình; các lực lượng tiến bộ muốn phát triển đất nước theo con đường xã hội tiến bộ, ra sức củng cố và bảo vệ nền độc lập dân tộc, chống mọi âm mưu của bọn đế quốc. Duy chỉ có các lực lượng phản động trong nước, thường thường là bị bọn đế quốc nước ngoài xúi giục, đấu tranh chống lại điều này» (2).

Dưới ánh sáng của chỉ thị của Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô, tất nhiên, các nhà Đông phương học xô-viết đang hết sức chú ý nghiên cứu các quá trình xã hội xảy ra trong các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông, bắt đầu phân tích việc phân phối lực lượng giai cấp và chính sách của đảng phái này hay đảng phái khác một cách cụ thể và sâu sắc.

(1) Xem tài liệu trên — trang 401.

(2) Khơ-rút-sôp: « Bản về chỉ tiêu phát triển kinh tế quốc dân của Liên-xô năm 1959-1965 ». Đại hội bất thường Đảng Cộng sản Liên-xô lần thứ XXI — Tờ ký Tập I. Mát-scơ-va, 1959, trang 78, 79.

Sự phân tích các vấn đề chủ nghĩa dân tộc Ả-rập của đồng chí Khor-rút-sốp là cái mẫu mực cho cách nghiên cứu các quá trình kinh tế xã hội và chính trị trong các nước phương Đông theo quan điểm chủ nghĩa Mác — Lê-nin của Đảng. « Để liên hành đấu tranh giải phóng khỏi ách thực dân có kết quả, để củng cố thành quả của các dân tộc để giải phóng khỏi ách thực dân, để đạt được độc lập kinh tế, cần phải có liên minh lực lượng các dân tộc. Song, điều đó không có nghĩa là những nước đã phá tan gông cùm chủ nghĩa thực dân nhất định phải ở trong một liên minh quốc gia nào, phải phụ thuộc vào một chính phủ nào, phải cùng có một người lãnh đạo, một lãnh tụ » (1).

Trong bài diễn văn đọc tại buổi tiếp phái đoàn Chính phủ I-rắc, đồng chí Khor-rút-sốp nhấn mạnh: Sự thống nhất một số nước vào một quốc gia, như kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh, đó là một sự nghiệp vô cùng phức tạp. Những dân tộc mới giải phóng khỏi sự phụ thuộc nước ngoài rất căm ghét bất cứ âm mưu nào hòng phá hoại quyền tự chủ vừa giành được trong đấu tranh. Liên minh các nước chỉ có lợi cho các dân tộc trong trường hợp: nếu có sẵn mọi điều kiện chính trị, kinh tế cần thiết, nếu những đặc điểm của các nước trong khối liên minh được chú ý đến. Nếu liên minh nhằm chống lại nguyện vọng của các dân tộc thì liên minh ấy không thể nào vững chắc được. « Tính cho đến cùng, liên minh quá sớm không dẫn đến việc củng cố, mà là dẫn đến việc phá vỡ nền thống nhất của các dân tộc. Nhân dân của một trong những nước liên minh sẽ cảm thấy mất đi nền độc lập của mình ngày càng sâu sắc hơn. Nhất định sẽ xảy ra việc chia rẽ các lực lượng chứ không phải là củng cố thống nhất. Việc này sẽ có lợi cho ai? Việc này chỉ có lợi cho kẻ thù của nền tự do các dân tộc. Việc này chỉ có lợi cho bọn đế quốc » (2).

Đồng thời, quyền lợi phát triển về sau này của các nước Ả-rập, cuộc đấu tranh của họ nhằm giải phóng cuối cùng khỏi phụ thuộc các nước ngoài, để củng cố kinh tế, cấp bách đòi hỏi phải thống nhất các lực lượng dân tộc Ả-rập trong cuộc đấu tranh chống âm mưu của bọn đế quốc. Không thể dùng lá cờ của chủ nghĩa dân tộc mà xem thường quyền lợi các tầng lớp nhân dân khác nhau, xem thường quyền lợi người lao động. Cũng như bản báo cáo của đồng chí Khor-rút-sốp ở Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô nhấn mạnh: Những tiến triển ở các nước phương Đông đã liên trên con đường độc lập đang diễn ra, bởi vì các giai cấp có quyền lợi khác nhau tồn tại, chứ không phải theo ý muốn hay nguyện vọng của đảng phái này hay đảng phái khác.

Nghị quyết và chỉ thị Đại hội lần thứ XXI nội dung bao gồm trong các văn kiện của Đảng đòi hỏi những nhà Đông phương học xô-viết nghiên cứu sâu sắc nhiều vấn đề có liên quan đến cuộc đấu tranh của Đảng Cộng sản các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông.

(1) Báo Sự thật ngày 17-3-1959.

(2) Tài liệu trên.

Ở khắp các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông, Đảng Cộng sản đang tăng cường đấu tranh chống đế quốc chủ nghĩa, đang động viên đông đảo quần chúng nhân dân đấu tranh chống bọn đế quốc và bọn thực dân.

«... Không có một người nào kiên cường và trung thành với sự nghiệp đấu tranh chống bọn thực dân hơn người cộng sản, không có một lực lượng nào kiên quyết hơn lực lượng của chủ nghĩa cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Bọn đế quốc không phải ngẫu nhiên chĩa mũi nhọn đấu tranh vào phong trào cộng sản đâu.

Cuộc đấu tranh chống các Đảng Cộng sản và đảng tiến bộ khác đó là sự nghiệp của bọn phản động. Tiến hành chính sách chống cộng sản sẽ luôn luôn không đoàn kết được lực lượng dân tộc mà là chia rẽ nó. Do đó, làm yếu các lực lượng dân tộc mình trong công cuộc bảo vệ quyền lợi khỏi bị đế quốc xâm phạm » (1).

Phương pháp Mác — Lê-nin đòi hỏi cách nghiên cứu mỗi một hiện tượng phải cụ thể, biện chứng. Để nghiên cứu tính chất một cuộc cách mạng trong các nước phương Đông, luận điểm do đồng chí Khor-rút-sốp nêu ra sau đây là điều vô cùng quan trọng: « Cuộc cách mạng chân chính phải làm lay chuyển nền móng già cỗi lỗi thời, phải tiêu diệt nó, phải tạo cho nhân dân khả năng phát huy sáng kiến của mình để nhân dân có thể sử dụng những phúc lợi lao động vật chất và tinh thần, để nhà nước phục vụ được quyền lợi cho nhân dân. Chính phủ nào mà thi hành chính sách phục vụ lợi ích cho nhân dân, đều luôn luôn có thể dựa vào sự ủng hộ của nhân dân... Cuộc cách mạng I-rắc đã được tất cả các lực lượng tiến bộ ủng hộ, vì nó là một cống hiến lớn lao vào cuộc đấu tranh của dân tộc Ả-rập chống bọn thực dân đế quốc » (2).

Nhiệm vụ các nhà Đông phương học xô-viết là trong tất cả mọi hiện tượng phải chứng minh rằng: tiến hành các cải cách dân chủ rộng rãi thật là cơ sở vững chắc đối với nền độc lập dân tộc. Chính vì những cải cách dân chủ ấy mà công nhân, nông dân và các lực lượng dân chủ ở các nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông đang đấu tranh. Công tác nghiên cứu sự hình thành và phát triển của mặt trận đoàn kết rộng rãi nhiều lực lượng dân tộc, có khả năng chống lại âm mưu của bọn đế quốc, có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất.

Từ trước tới nay, Đông phương học xô-viết chưa chú ý nghiên cứu đầy đủ chính sách đối ngoại yêu hòa bình của nhiều nước không phải xã hội chủ nghĩa phương Đông. Nghiên cứu những mối liên hệ của nó với cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng, chống đe dọa chiến tranh mới của toàn phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên-xô. Các văn kiện của Đảng hết sức nhấn mạnh

(1) Khor-rút-sốp: « Bàn về chỉ tiêu phát triển kinh tế quốc dân Liên-xô 1939-1965 ». Đại hội bất thường Đảng Cộng sản Liên-xô lần thứ XXI. Tộc ký. Tập I — Mát-scơ-va — 1959, trang 79.

(2) Báo « Sự thật » ngày 17-3-1959.

ý nghĩa quan trọng của nhiều yếu tố trong chính trị quốc tế. « Trong 5 năm gần đây, quan hệ quốc tế biểu lộ rõ cuộc đấu tranh của hai khuynh hướng đối lập nhau. Khuynh hướng thứ nhất là cuộc đấu tranh kiên quyết và triệt để của các nước « vùng hòa bình », tức là cuộc đấu tranh của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và các nước Á — Phi vừa mới vượt bỏ gông cùm chủ nghĩa thực dân, để bảo vệ hòa bình, để làm dịu tình hình căng thẳng trong quan hệ giữa các nước, để tiêu diệt « chiến tranh lạnh », để giải quyết vấn đề quốc tế không bình thường bằng con đường hòa bình thương lượng. Khuynh hướng khác là khuynh hướng không muốn chấm dứt « chiến tranh lạnh » của các khối phương Tây. Ước vọng của họ là giải quyết vấn đề quốc tế bằng « bạo lực ». Cho nên, không còn nghi ngờ gì nữa, họ ra sức làm quan hệ quốc tế càng căng thẳng thêm » (trang 373-374).

Những bài diễn văn đọc trong thời gian lưu lại ở Ấn-độ và nhiều ý kiến phát biểu khác, đồng chí Khor-rút-sốp đã nhận xét sâu sắc ý nghĩa quốc tế quan trọng của 5 nguyên tắc nổi tiếng « Păng-gia-si-la » (*) như là cơ sở chung sống hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau.

Các nhà Đông phương học xô-viết phải góp phần nghiên cứu và giải quyết thực sự vấn đề quan trọng đã nêu ra ở Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô và những lời phát biểu sau này của đồng chí Khor-rút-sốp, cũng như việc thiết lập ở Viễn Đông và tất cả các vùng Thái-bình-dương khu vực hòa bình, và trước hết là khu vực tự do không có vũ khí nguyên tử. Những nước như Liên-xô, Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều-tiên, Việt-nam dân chủ cộng hòa, Cộng hòa nhân dân Mông-cô, cũng như Ấn-độ, In-đô-nê-xi-a và nhiều nước khác ở vùng này đang bảo vệ sự nghiệp hòa bình.

Như mọi người đã biết, chính sách trung lập mà một số người yêu hòa bình đang tiến hành, trong đó có Áp-ga-nít-stăng, có ý nghĩa lớn lao đối với sự nghiệp củng cố hòa bình và làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng. Trong cuộc đi thăm Áp-ga-nít-stăng năm 1955 cũng như trong thời gian các vị thượng khách Áp-ga-nít-stăng — nhà vua Mi-kha-mét Đa-khia và thủ lĩnh Mi-kha-mét Đa-i — đã lưu lại ở Mát-sco-va, trong những lời phát biểu, đồng chí Khor-rút-sốp nhấn mạnh: Tình hữu nghị giữa Liên-xô và Áp-ga-nít-stăng là một tấm gương rực rỡ của sự hợp tác láng giềng tự giác giữa hai quốc gia. Chính sách độc lập mà Chính phủ Áp-ga-nít-stăng đang duy trì cho phép hướng một phần tư liệu đáng kể phục vụ kinh tế Áp-ga-nít-stăng.

Vấn đề trung lập đối với một nước như Nhật-bản đã được xác định tính chất toàn diện trong buổi phỏng vấn đồng chí Khor-rút-sốp của ông Khôn-đa (1). Nghiên cứu vấn đề trung lập cho các nước không

(*) Păng-gia-si-la : 5 nguyên tắc xây dựng nước của In-đô-nê-xi-a : Tín ngưỡng thượng đế — Chủ nghĩa dân tộc — Chủ nghĩa nhân đạo — Dân, chủ — Công lý xã hội (Người dịch).

(1) Xem *Sinh hoạt quốc tế* số 5 — 1959.

phải xã hội chủ nghĩa phương Đông không thể không đếm xỉa đến các nhà Đông phương học xô-viết được.

Những văn kiện của Đảng đã soi sáng nhiều vấn đề liên quan đến âm mưu của bọn đế quốc. Những âm mưu hòng phá hoại sự nghiệp hòa bình và ngăn ngừa hệ thống thuộc địa tan rã bằng con đường xây dựng các khối xâm lược và lôi kéo vào các khối đó từng nước phương Đông riêng biệt. Những nhà Đông phương học xô-viết đã góp phần đáng kể vào việc bóc trần những hình thức và phương pháp mà bọn thực dân đang dùng để cứu vãn hệ thống thuộc địa hấp hối và bảo vệ địa vị của chúng ở các nước phương Đông đã đi trên con đường phát triển độc lập. Song, điều cần thiết là phải hết sức tăng cường công tác nghiên cứu trong lĩnh vực này và nhớ là công tác nghiên cứu như thế là điều thích thú đặc biệt đối với dư luận xã hội của các dân tộc phương Đông đang đấu tranh chống khổ hình đế quốc. Những lời phát biểu của đồng chí Khor-rút-sốp là cái gương sáng của quan điểm mác-xít đối với việc giải quyết những vấn đề ấy. Trong những lời phát biểu đó, đồng chí đã phân tích sâu sắc tình hình trong các vùng khác nhau ở Trung, Cận và Viễn Đông có liên quan đến hoạt động các khối như Hiệp ước Bát-đa, khối xâm lược Đông Nam Á và các khối khác. Nói riêng, đồng chí Khor-rút-sốp đã bóc trần tính chất chính trị phản dân tộc mà nhà vua I-răng đã cầu kết và liên minh với đế quốc Mỹ đang thực hiện. Như đồng chí Khor-rút-sốp nhận định, với chính sách tương tự như thế, nhà vua I-răng sẽ cảm thấy run sợ trước nhân dân I-răng đang tích cực lên án chính sách đối nội và đối ngoại phản động, chống dân chủ của những nhóm cầm đầu đất nước họ.

Như Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Liên-xô đã nhận định, trong công tác nghiên cứu các nhà Đông phương học xô-viết có khả năng chứng minh rằng: « Quan hệ quốc tế đã thoát khỏi khuôn khổ quan hệ các quốc gia mà đại bộ phận nhân dân các nước ấy thuộc về chủng tộc da trắng và bắt đầu mang tính chất quan hệ thực sự trên thế giới » (1).

Văn kiện của Đảng Cộng sản Liên-xô và những lời phát biểu của đồng chí Khor-rút-sốp đều đề cập nhiều vấn đề tương quan của phong trào giải phóng dân tộc các dân tộc Á — Phi và tương quan mật thiết của phong trào các chiến sĩ hòa bình. « Không thể quên được rằng nhân dân các nước đã giải phóng khỏi ách thực dân tràn đầy lòng quyết tâm bảo vệ hòa bình. Vì rằng chỉ có trong điều kiện hòa bình mới có thể bảo đảm cho kinh tế nước mình phát triển sau khi đã giành được độc lập dân tộc » (trang 481). Điều cực kỳ quan trọng trong công tác nghiên cứu của các nhà Đông phương học xô-viết là phải chứng minh rằng: sự có mặt một nước hùng vĩ như Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là một yếu tố mạnh mẽ tích cực chống xâm lược, là một bảo đảm đầy hy vọng cho sự nghiệp bảo vệ và củng cố chủ quyền

(1) Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành Trung-ương Đảng Cộng sản Liên-xô lần thứ XX: Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Liên-xô — Tờ kỷ. Tập I — Mát-scơ-va — 1956, trang 25.

quốc gia của các nước. « Liên-xô, Trung-quốc và tất cả các nước xã hội chủ nghĩa là kẻ thù quyết tử đối với chủ nghĩa thực dân. Liên-xô có đủ mọi phương tiện tinh xảo để chống bọn thực dân, nếu chúng không biết hối cải. Không thể cho phép bọn thực dân đe dọa hòa bình và chinh phục các dân tộc nhược tiểu một cách vô tội vạ. Tiếng nói bảo vệ các dân tộc thuộc địa của Liên-xô, khả năng hành động của Liên-xô đối với bọn xâm lược sẽ làm chúng cảm thấy » (trang 481).

Như văn kiện của Đảng đã nhấn mạnh, nếu không có cuộc đấu tranh tiêu diệt chủ nghĩa thực dân thì sự nghiệp củng cố hòa bình trên toàn thế giới không có nghĩa lý gì. Đồng thời điều chủ yếu mà hiện nay nhân dân các nước đã bước theo con đường phát triển độc lập thích thú là tạo nên nhiều điều kiện hòa bình để giải quyết nhiệm vụ củng cố độc lập kinh tế cấp bách của họ, giải quyết những vấn đề xã hội, v.v...

Đồng chí Khor-rút-sốp đã nêu lên một luận điểm có ý nghĩa nguyên tắc lớn lao là: thậm chí trong số những người tham gia đấu tranh bảo vệ hòa bình cũng có người nghi ngờ khả năng không thống nhất cuộc đấu tranh của các dân tộc chống chủ nghĩa thực dân với cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình. Ngay cả trong các tổ chức xã hội — dân chủ cũng có những phần tử còn tiềm ẩn những thói nát của chủ nghĩa thực dân. Cần phải có lòng nhiệt tình của Đảng và kiên quyết vạch trần những kẻ tán thành hoặc trực tiếp tham gia vào việc thực hiện chính sách chiến tranh thuộc địa và tấn công vào phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Á — Phi. Tương tự với những kẻ ấy, ví dụ như những người hoạt động xã hội phái hữu trong chớp bu của đảng Xã hội Pháp.

Đồng thời điều cực kỳ quan trọng nữa là phải nghiên cứu sự phân hóa lực lượng trong các đảng xã hội, mà nhiều nhà hoạt động của các đảng ấy đang tích cực bảo vệ chính sách hòa bình và tiêu diệt những thói xấu xa của chủ nghĩa thực dân.

..

Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày nay đang ảnh hưởng quyết định đối với tất cả quá trình phát triển của loài người. Các nước xã hội chủ nghĩa đang đứng đầu mọi tiến bộ. Những thắng lợi vô cùng to lớn của Liên-xô, Trung-quốc và tất cả các nước trong phe xã hội chủ nghĩa chứng tỏ rằng: nhân dân lao động khi đã toàn quyền làm chủ vận mệnh của mình, cuộc đời của mình, thì có khả năng làm được những sự nghiệp to lớn như thế đó. Thắng lợi lịch sử chủ nghĩa xã hội thể hiện lực lượng vĩ đại có khả năng chinh phục của tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Nghị quyết và văn kiện Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô đã phân tích sâu sắc và toàn diện quá trình phát triển và củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa sau này. Những nhà Đông phương học đang nghiên cứu các nước xã hội chủ nghĩa châu Á, cần phải nghiên cứu và tổng kết các quá trình và qui luật phát triển mạnh mẽ nền

kinh tế quốc dân, nền văn hóa các nước đó. * *Kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh rằng: sự hợp tác chính trị giữa các nước phe xã hội chủ nghĩa bảo đảm chắc chắn cho chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc các nước ấy. Sẽ tạo nên những điều kiện cần thiết cho mỗi nước thực hiện thắng lợi những kế hoạch hòa bình xây dựng xã hội chủ nghĩa.*

Thực tế cũng chứng minh rằng sự hợp tác kinh tế dựa trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng và tương trợ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa tạo nên cho mỗi nước khả năng sử dụng đầy đủ và hợp lý nhất tài nguyên của mình và phát triển được sức sản xuất. Mặt khác, cho phép các nước kết hợp và thông nhất được các lực lượng bản thân để phục vụ cho lợi ích chung, ra sức sử dụng mọi tính ưu việt lớn lao của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và để củng cố sức mạnh toàn phe xã hội chủ nghĩa nói chung.

Sự hợp tác văn hóa giữa các nước xã hội chủ nghĩa sẽ làm phong phú cho cả đôi bên đời sống tinh thần của nhân dân mỗi nước đến một mức độ sẽ đầy đủ tiến nhanh và phổ biến về mọi mặt khoa học, kỹ thuật và văn hóa* (trang 444).

Nghiên cứu cụ thể mọi hình thức hợp tác đối với một trong những nước xã hội chủ nghĩa phương Đông, giải thích phần đóng góp của nước này hay nước khác trong số những nước ấy vào sự hợp tác các nước phe xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng của các nhà Đông phương học xô-viết.

Tốc độ phát triển kinh tế quốc dân và văn hóa cao là qui luật chung của chủ nghĩa xã hội được xây dựng dưới sự lãnh đạo nhà nước của giai cấp công nhân, là qui luật được kinh nghiệm tất cả các nước phe xã hội chủ nghĩa xác định. Các nước xã hội chủ nghĩa châu Á đã đạt được những thành công rực rỡ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô nhấn mạnh rằng: Vấn đề tranh thủ thời gian tối đa trong cuộc thi đua kinh tế với chủ nghĩa tư bản không những đang đặt ra trước nhân dân Liên-xô, mà còn đặt ra trước tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Do đó, điều rất quan trọng là nghiên cứu và tổng kết những vấn đề về việc tham gia của mỗi nước xã hội chủ nghĩa châu Á vào cuộc thi đua kinh tế với tư bản chủ nghĩa, nói lên những khả năng sẵn có trong quá trình ấy.

Một cống hiến mới vô cùng quý giá vào kho tàng quý báu học thuyết Mác — Lê-nin là kết luận trong bản báo cáo của đồng chí Khor-rút-sốp tại Đại hội lần thứ XXI Đảng Cộng sản Liên-xô. Kết luận nêu rõ: Với nhịp điệu lớn mạnh về sau với sự củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, những tiền đề quá độ từ giai đoạn thứ nhất sang giai đoạn thứ hai của chủ nghĩa cộng sản sẽ được tạo nên trong tất cả các nước xã hội chủ nghĩa với một tốc độ nhanh chóng hơn. Nhiệm vụ của các nhà Đông phương học xô-viết là dựa vào tài liệu cụ thể rút ở những kinh nghiệm sống của các nước xã hội chủ nghĩa châu Á nghiên cứu vấn đề làm cân đối đường lối phát triển văn hóa, kinh tế chung giữa các nước xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu toàn bộ xem.

qui luật phát triển theo kế hoạch cần đổi nền kinh tế của các nước này có tác dụng thế nào trong hệ thống xã hội chủ nghĩa (1).

Thực tế đã xác nhận rõ ràng luận điểm của Lê-nin nói rằng : Nhờ sự ủng hộ của nhiều nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến, các nước lạc hậu trong quá khứ có thể tiến tới chế độ xã hội chủ nghĩa và vượt quá mức phát triển nhất định đến cộng sản chủ nghĩa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

« Ngày nay, mọi người đều thấy nhân dân Ca-dắc-stăng và Trung-Á, những dân tộc mà khi chúng ta hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở đất nước chúng ta, thì họ hoặc là mới đứng ở giai đoạn trước tư bản chủ nghĩa hoặc là mới bước vào tư bản chủ nghĩa, đã đạt được những thắng lợi to lớn như thế nào trên con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Những nước này không phải trải qua một thời kỳ tang thương của chủ nghĩa tư bản, vượt qua giai đoạn này và tiến lên chủ nghĩa xã hội nhờ sự ủng hộ và tương trợ về mọi mặt của các dân tộc xã hội chủ nghĩa phát triển hơn họ, và nói riêng là nhờ vào dân tộc xã hội chủ nghĩa Nga. Cần phải nói riêng đến nước Cộng hòa nhân dân Mông-cổ, một nước từ lâu đã tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và đạt được những kết quả lớn lao trong công cuộc xây dựng kinh tế và văn hóa » (2).

Nhiệm vụ nghiên cứu sâu sắc những nét độc đáo trong các biện pháp, phương pháp và hình thức thực hiện những qui luật chung của phong trào xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản trong điều kiện lịch sử đặc biệt của các nước phương Đông, đang đặt ra trước các nhà Đông phương học xô-viết.

Tình hữu nghị anh em và sự tương trợ lẫn nhau giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa trên nguyên tắc quốc tế xã hội chủ nghĩa là một bảo đảm cho thế lực và sức mạnh phe xã hội chủ nghĩa. Như mọi người đã biết, Đảng ta coi trọng sự nghiệp củng cố tình hữu nghị giữa nhân dân Liên-xô và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa châu Á, châu Âu như thế nào rồi. Tình hữu nghị Xô — Trung là một tấm gương sáng của sự hợp tác có lợi không gì lay chuyển nổi giữa các nước xã hội chủ nghĩa. « Đảng Cộng sản Liên-xô và Đảng Cộng sản Trung-quốc làm mọi việc để củng cố tình hữu nghị giữa hai nước xã hội chủ nghĩa vĩ đại » (3).

Đề củng cố tình hữu nghị Xô — Trung, các nhà bác học nghiên cứu Trung-quốc của Liên-xô đã làm việc rất nhiều. Nhưng họ còn phải nghiên cứu và đúc kết sâu sắc hơn nữa, toàn diện hơn nữa kinh nghiệm xây dựng xã hội chủ nghĩa trên đất nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, những thành tích mà nhân dân Trung-quốc đã đạt được dưới sự

(1) Khor-rút-sốp: « Bàn về chỉ tiêu phát triển kinh tế quốc dân Liên-xô 1959-1965 ». Đại hội bất thường Đảng Cộng sản Liên-xô lần thứ XXI — Tờ ký. Tập I — Mát-scơ-va — trang 108.

(2) Xem tài liệu trên.

(3) Như trên, trang 110.

lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung-quốc, trong mọi lĩnh vực kinh tế quốc dân và văn hóa. Phải chỉ ra ảnh hưởng tốt đẹp của tinh hữu nghị Xô — Trung.

Chủ nghĩa Lê-nin dạy rằng nghiên cứu các vấn đề hiện đại một cách khoa học thực sự chỉ khi các tiền đề lịch sử của sự việc xảy ra ngày nay đã được nghiên cứu sâu sắc, tức là lịch sử các dân tộc, truyền thống đấu tranh giành tự do và độc lập của họ, qui luật phát triển văn hóa của họ và nói riêng là ngôn ngữ và văn học. Tính cho đến cùng, công tác nghiên cứu như thế phải thúc đẩy cho việc nhận thức đúng đắn về giai đoạn phát triển hiện nay của các dân tộc này. Những điều nói đây có quan hệ trực tiếp đối với ngành Đông phương học xô-viết. Sự phát triển bao quát các bộ môn ngành khoa học này nhằm : khi nghiên cứu nhiều hiện tượng cụ thể trong nhiều hình thái khác nhau, sẽ hiểu sâu hơn nữa, đánh giá các tiến triển lịch sử hiện nay đang diễn ra ở các nước phương Đông, xác định tiền đồ phát triển tương lai của các dân tộc này, nêu lên phép biện chứng trong phong trào tiến lên của các dân tộc.

Đồng chí Khor-rút-sốp đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, người xô-viết muốn biết rõ hơn, hiểu sâu sắc hơn lịch sử các dân tộc phương Đông. « Nhân dân Liên-xô biểu hiện lòng ham thích lớn lao đối với lịch sử Ấn-độ, muốn hiểu biết hơn nữa đất nước vĩ đại yêu hòa bình và thân thiện của mình » (trang 484). Đảng Cộng sản hướng các nhà sử học Đông phương của Liên-xô chú ý nghiên cứu những truyền thống tiền tiến, đặc biệt là nghiên cứu cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc phương Đông chống bọn thực dân. Cần phải « giành tất cả mọi thứ cần thiết cho những người thực tế là vĩ nhân của Tổ quốc các bạn, những người đã góp phần lớn lao vào sự nghiệp giải phóng Ấn-độ khỏi ách thực dân. Chúng tôi rất khâm phục trước những hoạt động lỗi lạc, những kỷ niệm sáng ngời của họ. Chúng tôi đang làm tất cả để nhân dân chúng tôi hình dung đúng được sức lực của những người con đã đấu tranh vì tự do và độc lập của Ấn-độ; đã tổ chức nhân dân Ấn-độ của mình đấu tranh chống bọn thực dân nước ngoài » (trang 484).

Lời chỉ dẫn này của đồng chí Khor-rút-sốp có một ý nghĩa nguyên tắc đối với các nhà Đông phương học xô-viết, nói riêng nhằm hướng họ cần phải nghiên cứu cần thận và khách quan vai trò những người hoạt động tiến bộ lỗi lạc của nước này hay nước khác phương Đông trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân họ, hướng các nhà Đông phương học xô-viết nghiên cứu sâu sắc thực tế lịch sử. Trong thời gian lưu lại ở Ấn-độ, Bi-rơ-ma, Áp-ga-nit-stăng, đồng chí Khor-rút-sốp đã nhiều lần nhấn mạnh rằng khi xem những kỷ niệm văn hóa vật chất của các dân tộc phương Đông, người Liên-xô cảm thấy khâm phục cảnh uy phong lẫm liệt của nền nghệ thuật, văn hóa của những bàn tay lành nghề đầy tài nghệ của nhân dân đã thịnh hành hàng bao nhiêu thế kỷ về trước.

Các nước phương Đông có toàn quyền tự hào với nền văn hóa lâu đời của mình, với những cống hiến lỗi lạc của mình vào sự nghiệp

phát triển nền văn hóa thế giới. Công tác nghiên cứu những di sản văn hóa các dân tộc phương Đông phải gắn liền một cách có hệ thống với cuộc đấu tranh gìn giữ bản chất dân tộc của họ, phải gắn liền với đòn đánh trả lại những âm mưu về hệ tư tưởng của những đồ đệ chủ nghĩa đế quốc. « *Nằm dưới chiêu bài giả nhân giả nghĩa về sự mệnh của bốn thực dân, việc cướp phá chinh phục các dân tộc đã và đang được tiến hành. Hậu quả của việc đem cái « văn minh» như thế vào là nhiều dân tộc trước kia đã là trung tâm phát triển văn hóa nhân loại, sau một thời gian bị người ngoại quốc đô hộ, đã trở nên lạc hậu về mặt phát triển rất nhiều so với những nước mà họ đã làm chủ đất nước trước kia bị phụ thuộc. Hiện nay bốn đế quốc vẫn khẳng định rằng chúng không thể rời bỏ các nước này được vì các dân tộc này hình như đang ở dưới mức độ phát triển đến nỗi tự dân tộc ấy không có khả năng tự chủ mình.*

Khẳng định như vậy thật là một sự dối trá thô bỉ làm sao ! Lẽ nào đế quốc Hà-lan, Anh, Pháp và các nước khác dạy cách lãnh đạo nhà nước hay cách tổ chức xã hội cho các dân tộc Ấn-độ, Ai-cập, In-đô-nê-xi-a, Bi-rơ-ma và chính các nước mà nền văn hóa của họ ra đời sớm hơn rất nhiều so với cái gọi là các nước văn minh !

Chúng ta chính là đối thủ kiên quyết nhất của cái gọi là « văn minh » ấy, đối thủ của hệ thống tư bản chủ nghĩa bắt lức » (trang 287).

Đảng Cộng sản nhấn mạnh sự cần thiết của quan điểm giai cấp đối với công tác nghiên cứu lịch sử văn hóa, đối với việc đánh giá một di tích này hay di tích khác. Phát biểu ý kiến ở A-gơ-ra (Ấn-độ), đồng chí Khor-rút-sốp nói : « Chúng tôi vừa mới được xem những kiệt tác do bàn tay con người tạo ra, được xem ngôi mộ trắng lợt. Khi xem công trình kiến trúc ấy tôi có hai cảm giác : cảm giác thứ nhất là khâm phục cảnh uy phong lẫm liệt của nền nghệ thuật, văn hóa của những bàn tay khéo léo lành nghề của nhân dân đã thịnh vượng hàng bao nhiêu thế kỷ về trước. Di tích này là một niềm tự hào của dân tộc các bạn. Nhưng, tôi còn có một cảm giác khác nữa : tôi vô tình đã nghĩ rằng làm sao mà vua chúa không tiếc sức lao động con người ! Làm sao mà họ lại tiêu phá một cách lãng phí như thế ! Họ đã lãng phí biết bao nhiêu tiền của và sức lực của nhân dân, bắt những người nô lệ họ xây dựng lên lâu đài này với một mục đích duy nhất là làm vẻ vang cho chính bản thân họ. Nhưng trong khi đó, như mọi người đã biết, hàng triệu người bị chết đói » (1).

Vấn đề nghiên cứu lịch sử nền văn hóa của các nước phương Đông phải khảo sát về mọi mặt. Về mặt này, chỉ thị của Đảng luôn luôn nhắc nhở những nhà nghiên cứu phương Đông hết sức cố gắng trong lĩnh vực mình công tác.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, vai trò lớn lao thuộc về nền văn học các dân tộc phương Đông. Trong buổi chiều dài tại điện Cờ-rem-lanh các đại biểu tham dự hội nghị các nhà văn Á — Phi ở Ta-sken, đồng chí Khor-rút-sốp nói : « Tất cả những người tiền bối trên trái đất hiểu và đánh giá đúng vai trò tích cực của các nhà văn trong việc nâng cao giác ngộ dân tộc cho nhân dân Á — Phi, những dân tộc đang đấu tranh để giải phóng khỏi xiềng xích cay nghiệt của chủ nghĩa thực dân và đế quốc. Những vai trò của các nhà văn ngày

(1) *Sinh hoạt quốc tế*, 1956 — Số 1 — Phụ lục, trang 5.

càng phát triển hơn nữa ở các nước đã giành được độc lập tự do. Ở các nước này văn học trở thành một yếu tố mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng đời sống mới» (trang 521).

Một nhà văn liên hệ chặt chẽ với nhân dân, sống bằng ý nghĩ và ước vọng của nhân dân không những chỉ là người quán triết, người phản ánh cuộc sống, mà còn là một chiến sĩ, người mang lá cờ tiến bộ. Việc củng cố mối liên hệ có lợi giữa nền văn học Á — Phi sẽ đầy đủ phát triển thắng lợi nền văn học thế giới, và sẽ củng cố quan hệ giữa nền văn học tiền tiến phương Đông và nền văn học tiền tiến phương Tây. Lòng yêu nhân dân nồng nàn, lòng kính trọng truyền thống dân tộc tốt đẹp, lòng tôn kính kho tàng văn học quý báu, mối căm thù chung đối với chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và đối với sự phân biệt chủng tộc đã đoàn kết các nhà văn phương Đông lại. *«Tinh thần hội nghị Ta-sken đó là sự hiểu biết lẫn nhau và sự hợp tác thân thiện của những văn nghệ sĩ nhiều dân tộc khác nhau, trong cuộc đấu tranh bảo vệ mục đích vĩ đại của nhân loại. Đó là mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà văn với cuộc sống dân tộc. Đó là sự tham gia tích cực của giới văn học vào cuộc đấu tranh giành tự do và độc lập vào công cuộc xây dựng cuộc sống ở những nơi đã giành được tự do và độc lập».*

Những nhà bác ngữ học phương Đông của Liên-xô, những người đã góp phần đáng kể vào việc nghiên cứu nền văn học các dân tộc phương Đông, bây giờ cũng không thể tự hào với những thành tích nhất định trong việc nghiên cứu trạng thái hiện tại của nền văn học nhiều nước phương Đông được. Nếu họ đã nghiên cứu kỹ nền văn học hiện đại của Trung-quốc, Ấn-độ, thì nền văn học của các nước như In-đô-nê-xi-a, I-rắc, Bi-rơ-ma và nhiều nước khác họ vẫn chưa nghiên cứu được đến mức độ cần thiết. Việc nghiên cứu toàn diện tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ hiện đại các nước phương Đông, phải trở thành một nhiệm vụ không thể trì hoãn được đối với các nhà văn học sử Đông phương.

Liên-xô vô cùng ham muốn nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc phương Đông... Chúng tôi muốn làm thế nào để đất nước chúng tôi có nhiều người biết tiếng các dân tộc này để dễ dàng phát triển hơn nữa việc trao đổi văn hóa giữa các nước chúng ta» (trang 485).

Đề hoàn thành nhiệm vụ do Đảng Cộng sản đề ra, công tác các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu phương Đông có một ý nghĩa quan trọng. Nghiên cứu toàn diện ngôn ngữ các dân tộc phương Đông, trong đó kể cả ngôn ngữ châu Phi là những ngôn ngữ mà người ta ít thấy trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, có một ý nghĩa thực tiễn và lý luận cực kỳ lớn lao.

..

Chỉ thị của Đảng về vấn đề phương Đông đối với các nhà Đông phương học xô-viết là kim chỉ nam chắc chắn để nghiên cứu kinh tế, lịch sử và ngôn ngữ học. Hưởng theo chỉ thị này, áp dụng sáng tạo học thuyết Mác — Lê-nin, các nhà bác học nghiên cứu phương Đông nhất định sẽ xây dựng nên những tác phẩm nền móng, những tác phẩm ấy có thể trở thành một cống hiến quý giá vào việc giúp đỡ vô tư của Liên-xô vĩ đại đối với các nước phương Đông.

CAO VĂN BIÊN dịch

(Tạp chí Những vấn đề Đông phương học Số 3-1959)

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM QUA THƠ' VĂN

TRẦN HUY LIỆU

XXIII

TỪ khoảng năm 1924 trở đi, phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ dần dần nổi dậy từ Bắc đến Nam. Chen vào những cuộc mít-tinh, biểu tình, bãi khóa, đưa dân nguyện là những tập văn xuôi văn vần cổ động yêu nước kết đoàn. *Tiếng cuộc kêu* của Nguyễn Tiến Lãng với một giọng bi ca nói lên tâm sự của người dân mất nước. *Tiếng gọi đàn* của Dương Bá Trạc với một xu hướng cải lương kêu gọi mọi người đoàn kết và đổi mới. Nhà văn cách mạng ở Nam-kỳ là Trần Hữu Độ xuất bản những quyền *Hội trống tự do*, *Tiếng chuông truy hồn* và *Tờ có* (1) *mất quyền tự do*, hấp thu những tư tưởng của Lương Khải-siêu trong tập *Âm băng thất*, đã dội một tiếng vang. Khích liệt nhất là quyền *Một bầu tâm sự* của Trần Huy Liệu, trong đó kể những nguyên nhân đã làm mất nước ta và vi chính sách thâm độc của thực dân Pháp như một thứ vi trùng lao đã làm cho dân tộc ta ngày càng chết mòn nếu không có thuốc gì chữa khỏi. Hai thư xã chuyên xuất bản những sách cổ súy chủ nghĩa dân tộc là Nam đồng thư xã (2) ở Hà-nội và Cường học thư xã (3) ở Sài-gòn. Những quyền của Nam-dồng thư xã như *Gương thiếu niên*, *Gương thành bại*, *Con thuyền khứ quốc*, *Trung nữ vương*, v.v... đều chú ý cổ động lòng yêu nước và nêu gương những anh hùng cứu quốc ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung-sơn,

(1) Tiếng miền Nam, cũng như tiếng « đơn kiện » ở miền Bắc.

(2) Do Phạm Tuấn Tài làm chủ nhiệm.

(3) Do Trần Huy Liệu làm chủ nhiệm.

trong đó có chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân quyền và chủ nghĩa dân sinh cũng được phiên dịch ra quốc văn. Những quyền của Cường học thư xã như *Ngục trung ký sự*, *Gương hy sinh*, *Hiến thân vì nước*, *Anh hùng cứu quốc*, *Vĩ nhân khai quốc*, *Ba người anh kiệt nước Ý*, *Thần cộng hòa*, *Câu chuyện chung*, *Tân quốc dân*, v.v.... bèn việc nêu gương những anh hùng yêu nước, đã đề ra một hướng mới của quốc dân. Cố nhiên là hướng mới ấy cũng không ra ngoài độc lập dân tộc và dân chủ tư sản. Đến quyền xuất bản cuối cùng của Cường học thư xã là *Câu chuyện chung* thì quản niệm chính trị đã đổi khác, có những câu: «*Lúc này nếu chỉ nói chủ nghĩa quốc gia thì không khỏi hẹp hòi; nhưng nếu chỉ nói chủ nghĩa quốc tế thì không khỏi lỏng lẻo*» (1). Ngoài Cường học thư xã và Nam đồng thư xã, đồng thời và sau đó còn có Duy tân thư xã ở Sài-gòn, chuyên xuất bản những quyền sách của cụ Phan Bội Châu viết trong những ngày ở bến Ngự (Huế), tính chất ôn hòa; Giác quần thư xã ở Hà-nội của cụ Ngô Đức Kế, xuất bản những văn thơ yêu nước; Quan hải tùng thư do ông Đào Duy Anh làm chủ nhiệm, xuất bản những sách nghiên cứu thuộc loại xã hội chủ nghĩa. Những quyền sách kể trên, mặc dầu nhiều quyền bị thực dân Pháp cấm lưu hành và tàng trữ sau khi xuất bản ít lâu, nhưng do những kinh nghiệm thu được của nhà xuất bản và sức ủng hộ của nhân dân, nhiều quyền sách cấm vẫn lưu hành và càng đi sâu vào dân gian. Nhân dân tìm đọc sách cấm đã trở nên một thị hiếu, trái với ý định của thực dân Pháp. Cường học thư xã có 23 quyền sách bị cấm. Nhưng trước khi bị cấm, sách đã được phân phối đi các địa phương có tổ chức. Người quản lý này bị tù liền được thay ngay người quản lý khác. Có những người đội tên tác giả để sẵn sàng ở tù thay cho tác giả thật sự ở ngoài tiếp tục viết sách. Kết quả là: từ những thông tư, nghị định cấm sách đến những cuộc khám nhà, bắt tác giả, án văn tự diễn ra luôn, nhưng bọn thống trị Pháp vẫn không hề gây được những ngòi bút cứng rắn chuyên môn phục vụ cách mạng và những tác phẩm bị cấm càng được đọc giả ưa chuộng, gây một tác dụng tốt cho phong trào yêu nước và đấu tranh cách mạng.

Năm 1925, đã nổ ra một vụ án văn tự là quyền *Chiêu hồn nước* của Phạm Tắt Đắc. Tác giả là một học sinh trường trung học Hà-nội, bị kết án ba năm tù. Nhưng bài này đã được pho

(1) Quyền này xuất bản được 4 ngày thì bị thực dân Pháp tịch thu và tác giả bị bắt giam.

biển khá rộng rãi. Tôi trích ra đây một đoạn để các bạn thấy
khẩu khí của một thanh niên hồi ấy :

.
Cũng nhà cửa, cũng giang sơn,
Thế mà nước mất, nhà tan hồi trời !
Nghĩ lắm lúc đương cười hóa khóc,
Muốn ra tay ngang dọc, dọc ngang.
Vạch trời thét một tiếng vang,
Cho thân tan với giang san nước nhà !
Đồng bào hồi con nhà Đại Việt,
Có thân mà chẳng biết liệu đời.
Tháng ngày lần lữa đợi thời,
Ngần ngở ỷ lại vào người, ai thương !
Nay sóng gió bốn phương càng dữ,
Tình nết xưa còn giữ mãi sao ?
Đồng bào chút giọt máu đào,
Thương ôi, tội nghiệp đời nào xót đây.
Mau mau dậy, dậy ngay kéo muện,
Mà sát thương đến chốn Nhị, Nùng (1).
Xưa kia cũng lắm anh hùng,
Dọc ngang trời đất, vẫy vùng biển khơi.
Xưa kia cũng lắm người hào kiệt,
Trong một tay nắm hết sơn hà.
Nghìn thu gương vẫn không nhòa,
Mở mây mở mặt con nhà Lạc-long.
Non sông vẫn non sông gấm vóc,
Cỏ cây xem vẫn mọc tốt tươi.
Người xem cũng đáng con người,
Cũng tai cũng mắt như đời khác chi.
Cảnh như thế, tình thì như thế,
Sống mà chi, sống để mà chi.
Đời người đến thế còn gì,
Nước non đến thế còn gì nước non.
Nghĩ thân thể héo hon tắc dạ,
Trông non sông lã chã dòng châu.
Một mình cánh vẳng thêm sầu,
Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san.

Có người đọc bài này phê bình tác giả còn trẻ tuổi nhưng
đã thốt ra những giọng ưu thời mẫn thế của một tri sĩ già.
Dầu sao, nó vẫn là tiếng bi ca của thời đại, trong đó chứa đầy

(1) Sông Nhị, núi Nùng.

những phần uất, thứ phần uất của những người có tâm huyết mà chưa được tìm lối ra. Nhưng tâm tình ấy và cảnh ngộ ấy không kéo dài nữa. Các bạn thanh niên hồi ấy sắp có lối ra rồi.

Trong khi Phạm Tất Đắc ở trong nước thốt ra một bài bi ca như vậy thì báo *Việt-nam* hờn ở bên Pháp đã lên tiếng đồng dục « kêu gọi quốc dân » :

Quốc dân hồi nay thời đã đến,
Đem súng đồng, cung kiếm trở ra.
Chỉ trời thề với sơn hà,
Quyết lòng nợ nước, thù nhà trả xong.
Quân tàn bạo còn mong chi nữa,
Mà đề huề, mà tựa lưng người.
Những ai xót giống thương nòi,
Đồng tâm vác súng ta đòi giang san.
Dựng độc lập vẻ vang biết mấy,
Cối Á Đông vùng vẫy Việt-nam.
Chớ cho da trắng đề vàng,
Nghìn năm liếng để muôn vắn xấu xa.
Kia Xiêm, Nhật, Trung-hoa trước mắt,
Chỉ anh hùng mở mặt Đông phương.
Noi gương mấy nước hùng cường,
Dựng cờ khởi nghĩa, thoát đường lao lung.
Đồng bào hồi thử trông cho xiết,
Ma-lac-ca (1) còn biết phục thù.
Xy-ri (2) dân chẳng phải ngu,
Đem bầu máu đỏ đèn bù nước non.
Người như thế, ta còn ngủ mãi,
Cổ gắng lên, thất bại là thường.
Anh hùng hào kiệt bốn phương,
Cùng nhau ta quyết mở đường can qua.

Bài này là bài hô hào bạo động. Tiếng hô bạo động lúc ấy (1925) có thích ứng với điều kiện chủ quan và khách quan của ta không, đó là một việc. Chỉ biết rằng tác giả bài này đứng trên lập trường độc lập dân tộc chống với thuyết « Pháp Việt đề huề » của bọn Lập hiến Bùi Quang Chiêu đương rêu rao âm ỹ. Tuy vậy, tác giả còn chưa nhìn rõ những nước « mở mặt Đông phương » hồi ấy : để quốc chủ nghĩa Nhật ra sao ;

(1) Tức là bán đảo Mã-lai, thuộc địa của đế quốc Anh hồi ấy.

(2) Xy-ri hồi ấy còn thuộc quyền ủy nhiệm của đế quốc Pháp.

Trung-quốc, Xiêm là những nước bán thuộc địa thế nào. Chẳng những thế, tác giả còn rơi vào quan niệm lạc hậu cho là da trắng đẽ da vàng, chớ không phải để quốc chủ nghĩa xâm lược các dân tộc nhỏ yếu. Nhỡn quang chính trị của tác giả vẫn chưa nhìn xa hơn các sĩ phu của ta trong phong trào Đông du đầu thế kỷ thứ XX.

..

Tháng 3-1926, trong lúc phong trào yêu nước và đấu tranh đòi tự do dân chủ đang lên cao thì cụ Phan Chu Trinh mất tại Sài-gòn. Đám tang của cụ Phan ở Sài-gòn và lễ truy điệu ở nhiều nơi trong nước là một dịp thúc đẩy cho phong trào tiến mạnh hơn nữa. Điểm đáng chú ý là : nhân đám tang nhà chí sĩ này, rất nhiều thơ, văn tế, câu đối, diễn văn của các sĩ phu và tầng lớp nhân dân đã nói lên tình cảm và ý chí của mình đối với bậc tiên giác, đối với thời cục nước nhà.

Trước hết là cụ Phan Bội Châu, người bạn già của cụ Phan Chu Trinh đã từng hẹn nhau khi chia tay ở Nhật, người làm Ga-ri-ban-di (1), người làm Ma-di-ni (2), mà hiện nay một cụ đã chết, một cụ nằm khoèo tại bến Ngự (Huế), đã diếu cụ Phan Chu Trinh bằng đôi câu đối :

Thương hải vị điền, tinh vệ hàm thạch ;

滄海未填，精衛含石

Chung-kỳ dĩ tử, Bá-nha đoạn huyền.

鐘期已死，伯牙斷絃

Tạm dịch :

Biển cả chưa lấp, tinh vệ (3) còn ngậm đá ;

Chung-kỳ (4) đã chết, Bá-nha (5) đứt dây đàn.

Câu đối trên đây của Phan Bội Châu nói lên nỗi lòng thương bạn và cũng thương mình, nhất là những ngày tàn của

(1, 2) Ga-ri-ban-di và Ma-di-ni là hai nhà ái quốc nước Ý. Ga-ri-ban-di chuyên vận động ở hải ngoại, tổ chức những cuộc khởi nghĩa. Ma-di-ni thì chuyên việc tuyên truyền giáo dục nhân dân tư tưởng ái quốc.

(3) Kinh *Sơn hải* chép: con gái vua Viêm để đi tắm biển bị chết đuối, sau hóa làm chim tinh vệ ngậm đá núi Tây đề chực lấp biển Đông.

(4, 5) Chuyện *Xuân Thu*: Bá-nha, đại phu nước Tấn, vốn giỏi đàn, sang sứ nước Sở, dọc sông, ngồi thuyền gảy bài Cao sơn lưu thủy, đến tai một người hái củi là Chung Tử-kỳ. Tử-kỳ tán thưởng nhiệt liệt. Bá-nha nhận thấy Tử-kỳ là tri âm, tìm đến thăm nhà và kết làm anh em. Đường về, Bá-nha lại ghé thăm thì Tử-kỳ đã chết. Bá-nha khóc lóc đau đớn và đập đàn trước mộ Tử-kỳ, từ đấy không gảy nữa, vì người tri âm đã xa vắng rồi.

nhà chí sĩ. Chúng ta ngày nay không có quyền buộc một nhà cách mạng trước đây hơn ba mươi năm cũng có một quan niệm cách mạng giống như bây giờ. Tuy vậy, làm cách mạng mà không nhìn thấy thành công, không tin ở thành công theo kiểu chim tinh vệ ngậm đá lấp biển, như thế có nghĩa là thấy việc phải nên làm thì làm, không nắm được qui luật lịch sử, không đặt trên cơ sở khoa học. Hơn nữa tinh đồng chí trong làng cách mạng không phải như kiểu « tri âm » hay « tri kỷ ». Cùng theo đuổi một mục đích, đi chung một con đường, người cách mạng không phải vì riêng ai và cũng không bao giờ thấy cô độc: đoàn người này ngã đoàn người kia bước tới, thế hệ này bị hy sinh, thế hệ khác tiếp tục kỷ cho tới khi cách mạng thành công. Tiếng thở dài của cụ Phan Bội Châu chẳng phải chỉ nói lên tâm sự của riêng mình mà còn nói lên khí phách suy tàn của đẳng cấp sĩ phu phong kiến hồi ấy.

Tiếp theo cụ Phan Bội Châu, một bạn già khác của cụ Phan Chu Trinh là cụ Ngô Đức Kế cũng lên tiếng khóc.

Ôi huynh ông, học cùng nhau, đồ cùng nhau, lại khi hoạn nạn cùng nhau, xót vì hồn nước bơ vơ, mưa gió nặng nề không đời tiết ;

Nào đồng chí, chết vì gươm, chết vì tù, còn ra cũng chết vì bệnh, thương nỗi đàn sau ngơ ngác, giang sơn gánh vác biết cùng ai !

Tinh đồng chí, nghĩa tri giao thật là thấm thiết ! Nhưng các cụ tiền bối của ta chỉ nhìn về dĩ vãng hơn là nhìn về tương lai, nhìn vào giai cấp suy tàn của mình hơn là nhìn vào tiền đồ của dân tộc. Sau cái chết của cụ Phan Chu Trinh, chúng ta thấy một phong trào mới xuất hiện, hàng ngàn hàng vạn những thanh niên yêu nước hoặc xuất dương cầu học, hoặc gia nhập các tổ chức bí mật, đẩy cách mạng tiến tới một giai đoạn cao hơn. Nhà chí sĩ họ Ngô không phải « *thương nỗi đàn sau ngơ ngác, giang sơn gánh vác biết cùng ai !* ».

Đây là câu đối của cụ Lê Đại :

Gió mây dời đổi, vận trời mà cốt tại bụng người ; nhớ cùng cụ khoáng đảm (1) ở Nghĩa thực (2), lại sau từ biệt ở Áo-môn (3), mười mấy thu hồ hải phiêu linh, sắt đá vẫn trơ lòng quốc sĩ (4) ;

(1) Nói chuyện rộng rãi.

(2) Đông-kinh nghĩa thực.

(3) Thuộc Trung-quốc.

(4) Kẻ sĩ của nước.

Bút thiết (1) tung hoành, sức mạnh cũng thường thua lẽ phải, xem như cụ mấy năm ở nước Pháp, lại về mấy tháng ở Nam-kỳ ; hai chục triệu hình hương (2) sùng bái, mõ chuông đã rộn tiếng dàn quyền.

Đây là câu đối của ông cử Dương Bá Trạc :

Trải bao năm bốn tàu hô hào, nào đầu thư (3), nào diễn thuyết, nào bảo ban dân đại, nào công kích quan tham : vì nước vì nòi, gan sắt dễ đầu vùi chín suối ;

Nhớ những lúc truy tùy hôm sớm, khi ngoài Bắc, khi trong Nam, khi tổng biệt Hà-kieu (4), khi đàm tâm hoang đảo (5) ; càng thương càng tiếc, người vàng xin quyết chuộc trăm thân.

Ngoài một số bạn cũ của cụ Phan, nhiều người trong các giới nhân dân đã lên tiếng :

Câu đối của nhà đại tư sản Bạch Thái Bưởi :

Bốn nghìn năm nước cũ, đương cuộc đời thay. Cờ thực nghiệp, trống tân văn, may mắn sao một gánh non sông, rất có nhiều chân mình cũng nhẹ ;

Sáu mươi tuổi thân già, bao phen hiềm trở. Chí Ngu công (6), hồn tinh vệ (7), đau đớn nhẽ nửa đêm mưa gió, tằm tụy hết ruột vẫn còn vương.

Câu đối của bà Đàm-phương nữ-sử ở Huế :

Mấy mươi năm góc biển ven trời, vắng vắng lấm cỏ trung, trên vì nước, dưới vì dân, tinh thần vẫn lảng lai sông núi Việt ;

Đã nhiều thuở khua chuông gióng trống, thiết tha hồn cố quốc, trước hiệp lòng, sau hiệp sức, sự nghiệp đành phó thác cháu con Hồng.

(1) Bút sắt.

(2) Đốt hương.

(3) Gửi thư cho Chính phủ Pháp.

(4) Địa điểm tại biên giới Trung — Việt.

(5) Ý nói những chuyện tâm sự nói với nhau hồi hai người cùng bị đày ở đảo Côn-lôn.

(6) Ngu công 90 tuổi định đời hai quả núi chắn trước nhà, mọi người đều cười, cho là không làm được Ngu công nói : « Tôi làm không xong thì con tôi làm, cháu tôi làm, chắt tôi làm .. người sinh ra được, chứ núi không dễ được, có khó gì mà không san phẳng được ». Ý nói chí kiên quyết làm việc.

(7) Xem chú thích (3) trang 87.

Câu đối của một số anh em lao động Việt-nam tại Nam-vang (Căm-pu-chia) :

*Cổ quốc tắc lòng, một cuộc bể dâu trông những ngàn ;
Dạ đài cách mặt, trăm năm danh tiết hãy còn ghi.*

Câu đối của hội Nông công thương tương tế tỉnh Nam-dịnh :

Trăng Tây-hồ (1) bóng giãi long lanh, dọc ngang bề Á trời Âu, yêu nước vì dân, gương thiên cổ soi chung hồn chí sĩ ;

Cờ Tương tế gió bay phất phới, dong đuôi miền nam cõi bắc, con Hồng cháu Lạc, nghĩa đồng bào thêm nặng mối thương tâm.

Đây là tiếng nói của các nhà báo Trung Nam Bắc :

— *Ta cũng có người, gan lấp bể, chí vá trời, gương sáng soi chung nòi giống ;*

Ai được như cụ, sống quên nhà, chết vì nước, hồn thiêng tựa lấy non sông.

— *Cùng giống Việt, người thế nọ, người thế kia, nước nhà lắm nỗi !*

Cùng họ Phan, ông vội về, ông vội thác (2), ý trời sao đây ?

— *Tinh linh về với quốc hồn, tiên sinh không chết ;*

Uu ái chưa tròn tâm sự, dân chúng đều thương.

— *Mấy mươi năm dạ sắt gan vàng, khi đầy đọa, khi tội tù, khi tật bệnh gian nan, cảnh nhà tan tác, cuộc thế long đong, gió bụi đau lòng bàn sự nghiệp ;*

Hai mươi triệu túi cơm giả áo, nửa gian ngoan, nửa nô lệ, nửa ngu si gàn dở, hồn nước mờ màng, quyền dân mờ昧, non sông hòa máu khóc anh hùng.

— *Dân chúng biết nương đâu, đất long nền cũ cây đa đổ ;
Tiên sinh không ở lại, trời khóc mưa xuân sóng biển gầm.*

Đây là tiếng nói của giới trí thức Trung Bắc :

— *Ấy ai gánh nước Tây-hồ, tưới vun cõi Lạc mầm Hồng, này chồi ái quốc ;*

(1) Hồ Tây ở Hà-nội. Tây hồ cũng là biệt hiệu của cụ Phan Chu Trinh.

(2) Chỉ vào hai ông Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh.

Ngán lũ gọi hồn Nam Việt, nhìn nhận dòng Lô non Tản,
vắng bạn đồng thanh.

(Ban tổ chức lễ truy điệu tại Hà-nội)

— Mở tập diển văn, liếng tiên sinh còn đó :

Treo gương nghĩa sĩ, dân Nam Việt nghĩ sao ?

(Hội giáo giới tập ịch Bắc-kỳ)

— Lòng can đảm, trí thông minh, tài văn chương đã
vẽ thành bài, làm gương cho khách :

Dạ sắt đĩnh, tình oan uổng, tay sử ký nên biên vào sách,
để tiếng về sau.

(Các giáo học ở Đà-nẵng)

— Cụ sinh buổi gian nan, gẫm thét thay gió Á mưa Âu,
quyết chí dốc bao bầu nhiệt huyết :

Dân đương hồi tiến tới, ngao ngán nhẽ con Hồng cháu Lạc,
thương tâm mất một bậc tiên tri.

(Giới tư pháp Hà-nội)

— Mấy độ phong trần nhà ấy nước :

Nghìn thu tâm sự khuất như còn.

(Hoàng Ngọc Bách)

Đây là tiếng nói của thanh niên và học sinh :

— Nợ nước trả chưa xong, chín suối hồn thiêng đâu nhắm
mắt ;

Sầu dân khôn xiết kể, nghìn thu lời nặng vẫn ghi lòng.

(Tập đoàn thanh niên Việt-nam)

— Non sông nợ cũ, nhắm mắt người quên, ai ghét ghen,
ai thù địch, ai hình hương sùng bái cũng lảng lảng, một dạ
sắt son, những rắp điếm tô trang sử mới :

Trừng nước phận hèn, bên tai mỏng mảnh, chữ quốc tri,
chữ dân quyền, chữ chính trị cải lương là thế thế, nghìn thu
giấy mực, dám xin theo đuổi bước đường sau.

(Nam học sinh Hải-phòng)

— Còn có diển hình (1) lưu hậu học (2) :

Nặng vì non nước khóc tiên sinh.

(Học sinh Hà-nội)

(1) Khuôn mẫu.

(2) Người học sau.

— *Cả nước mất một tay, thương nỗi đàn sau ai dắt diu ;
Đề ông nhắm hai mắt, tiếc vì nghiệp cả chữa hoàn toàn.*
(Học sinh Thanh, Nghệ, Tĩnh)

— *Sấm sét khéo vô tình, trời đâu nỡ giết ta chẳng, mấy
mươi năm hồn nước lại hồn nhà, trống giục chuông dồn, ao
ước những tự do là hạnh phúc ;*

*Biền non chung gánh nợ, ai nấy cũng như ông cả, ngoài
nghìn dặm tiếng ca cùng tiếng khóc, mưa hồi gió trận, ngậm
ngùi thay bất tử (1) ấy tinh thần.*

(Học sinh Huế)

Đây là tiếng của phụ nữ :

— *Những mừng nòi giống có người, cụ mới về gióng trống
khua chuông, đọc mấy đoạn diễn văn, bọn cán quốc (2) cũng
đều nghe tỉnh dậy ;*

*Nào tưởng nước non vô phúc, cụ đã vội lòng mây côi suối,
xót nghìn năm lỗ quốc, khách mày râu còn có mấy ai đây ?*
(Đặng thị Trần Liên)

— *Một cột chống dòng ba lãng (3), vì non sông mà vất vả
thân già. Góm ghê thay, toàn thủy toàn chung, tro đá vững
đồng như thế mới....*

*Đôi vai nặng gánh quốc dân, chẳng râu mày cũng đứng
trong vũ trụ. Đau đớn nhẽ, hậu tri hậu giác (4), đem đường
chỉ lối cậy ai đây !*

(Nữ học sinh Huế)

Anh Nguyễn Văn Hảo, một công nhân lái xe hơi, cũng
có câu đối viếng cụ Phan :

*Vì nước chỉ phương châm (5), mấy mươi năm vận động
trong ngoài, lời diễn bức thư còn hiện tại ;*

*Mong dân thay cự triệt (6), hai lăm triệu tranh đua sôi
nổi, cất đầu mở mặt dám tương lai.*

Các giới Việt kiều ở Nam-vang cũng gửi đôi câu đối viếng
cụ Phan :

(1) Không chết.

(2) Khăn yếm.

(3) Sóng gió.

(4) Biết sau, tỉnh sau.

(5,6) Kim trở phương hướng và vết xe. Những chữ này chú ý dùng
vào người lái ô-tô.

Hai mươi năm vì nước quên nhà, khi Chi-na (1), khi Nhật-bản, khi Côn-lôn, rồi sang ở Pa-ri, trải mấy phen ngậm đắng nuốt cay, về cố quốc chưa bao, đã vội thân vàng vùi cát trắng ;

Hai mươi lăm triệu từ già chí trẻ, nào Đông-kinh (2), nào Trung-kỳ, nào Tây-cống (3), cho tới nơi biên cảnh, đều rủ lòng đưa tang, để chể, tuôn cảm tình mấy giọt, tuy rằng lễ bạc tỏ lòng son.

Trở lên trên, chúng tôi trích dẫn một số câu đối trong trăm nghìn câu đối tại đám táng và các lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh hồi ấy. Khoan hãy nói đến tư tưởng và nghệ thuật, tất cả đều nói lên lòng thương tiếc người chí sĩ và than thở cho vận nước không may. Trong đó, có một câu mà khẩu khí ngang tàng nhất, ký tên một người bồi tâu :

« Âu châu vạn lý qui, vị dữ Sào-nam mưu nhất diện ;

歐洲萬里為，未與巢南謀一面

« Bình dân nhị nguyệt tốt, bất tri Bảo-đại hữu nguyên niên.

丙寅二月卒，不知保大有元年

Tạm dịch :

Muôn dặm từ Âu châu về, chưa gặp Sào-nam một chuyến.

Tháng hai năm bình dân (4) chết, đốch biết Bảo-đại đầu năm.

Bài này vừa nói lên chỗ ân hận của cụ Phan Chu Trinh từ xa xôi về chưa gặp mặt cụ Phan Bội Châu một lần nữa trước khi nhắm mắt, vừa nói lên khí phách dân chủ của cụ Phan Chu Trinh không cần đếm xỉa đến ngày tháng niên hiệu của Bảo-đại, được nhiều người lấy làm thú vị.

..

Ngoài một số câu đối kể trên, tờ *Đông Pháp thời báo* ở Sài-gòn, tờ báo đã khởi xướng lên việc tổ chức đám tang Phan Chu Trinh hồi ấy, còn đăng nhiều bài thơ. Nhưng nay chỉ còn nhớ được hai bài :

Một cửa giới phụ nữ xung quanh tờ *Đông Pháp thời báo* :

Đoái trông cảnh vật luống than dài,

Khóc nước chưa rồi lại khóc ai !

(1) Trung-quốc.

(2) Không phải nói Đông-kinh, thủ đô nước Nhật, mà là xứ Bắc-kỳ, dịch chữ Tonkin của Pháp.

(3) Tức là Sài-gòn.

(4) Âm lịch, vào tháng 3-1926.

*Những muốn phò nguy cùng cứu nạn,
Quản chi nếm mật với nằm gai.
Thân kia dầu thác danh còn mãi,
Công nọ chưa thành chi chẳng phai.
Hồn có khôn thiêng xin ủng hộ,
Non sông gánh vác gái hòa trai.*

Một của Nam-kiều (1), chủ bút *Đông Pháp thời báo* :

*Ôi cụ Phan ơi, đã mất rồi,
Hai mươi lăm triệu có còn ai ?
Mấy năm hải ngoại thân chìm nổi,
Bao độ thiên nhai (2) bước lạc loài.
Những muốn phá tan vòng áp bức,
Rắp toan giải thoát dựng tương lai.
Chi kia chưa đạt, công chưa lập,
Non nước nghìn thu luống thở dài.*

(Còn nữa)

(1) Trần Huy Liệu.

(2) Chân trời.

TIN TỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ NƯỚC NGOÀI

- ★ Ngày 2-10-1959, đồng chí Trần Huy Liệu, Chủ nhiệm Viện Sử học Việt-nam, ủy viên Ủy ban Khoa học Nhà nước, trưởng đoàn Khoa học xã hội Việt-nam sang thăm nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều-tiên đã lên đường đi Bình-nhưỡng.
- ★ Đồng chí Thành Thế Vỹ, cán bộ Viện Sử học Việt-nam, tham gia Đoàn cán bộ đi dự Hội nghị quốc tế lần thứ 5 các Ban lịch sử Đảng và Hội đồng các Đảng Cộng sản và Công nhân, họp Bu-ca-rét, đã về đến Hà-nội.
- ★ Sau 5 tuần lễ sang thăm Việt-nam và là khách của Viện Sử học Việt-nam, ngày 21-10-1959, bác sĩ sử học Heinz Tillmann, Giám đốc khoa Sử trường Đại học Halle (Cộng hòa dân chủ Đức) đã lên đường về nước.

ĐIỀU LỆ MỚI CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN XÔ

CUỐI tháng 3-1959, hội nghị toàn thể Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô, được sự ủy quyền của chính phủ, đã thông qua và ban hành điều lệ mới của Viện. Đó là một sự kiện quan trọng trong sinh hoạt của toàn thể Viện Hàn lâm, vì nó bảo đảm cho Viện thực hiện tốt những nhiệm vụ cao cả của mình, đồng thời nó cũng còn có một ý nghĩ lớn đối với tất cả các cơ quan khoa học trong nước, đối với toàn bộ nền khoa học xô-viết mà Viện chịu trách nhiệm lãnh đạo.

Điều lệ mới củng cố về mặt tổ chức sự trưởng thành của Viện từ 1935 là năm thông qua điều lệ đầu tiên đến nay. Nó phản ánh những thành tích lớn mà các nhà khoa học xô-viết đã đạt được trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Dĩ nhiên là trong tất cả

những thành quả rực rỡ đó, các nhà khoa học hiện công tác tại Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô và các cơ quan trực thuộc đã đóng góp một vai trò không phải nhỏ.

Từ ngày thành lập đến nay, Viện đã phát triển thành một tổ chức lớn mạnh có khả năng giải quyết những nhiệm vụ phức tạp nhất của nền khoa học và kỹ thuật hiện đại. Từ 1935 đến nay, số tiền Nhà nước dành cho Viện trong việc nghiên cứu khoa học đã tăng lên 32 lần, số cơ quan trực thuộc tăng gấp 3 và số nhà công tác khoa học tăng gấp 9. Hiện nay có 518 viện sĩ chính thức và viện sĩ thông tấn (1), 1.466 bác sĩ và 6.788 phó bác sĩ khoa học làm việc tại 8 học bộ thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô là: học bộ khoa học toán lý, học bộ hóa học, học bộ khoa học địa chất, địa lý, học bộ sinh vật học, học bộ khoa học kỹ thuật, học bộ khoa học lịch sử, học bộ khoa học kinh tế, triết học, pháp học, học bộ văn học, ngôn ngữ và phân viện Xi-bê-ri-a. Quan hệ quốc tế của Viện mỗi ngày được củng cố. Nhiều viện sĩ chính thức và viện sĩ thông tấn của Viện đã được Viện cử làm hội viên các tổ chức khoa học nước ngoài, đồng thời Viện cũng đề cử một số các nhà khoa học nước ngoài nổi tiếng vào làm viện sĩ của Viện.

Với những nhiệm vụ mới, quan trọng mà Đại hội lần thứ 21 của Đảng Cộng sản Liên-xô giao cho Viện để đóng góp tích cực hơn nữa vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, việc thông qua điều lệ mới sẽ có tác dụng làm cho Viện có khả năng làm được đầy đủ nhiệm vụ mình trong những điều kiện mới của lịch sử.

Điều lệ mới đề cao hơn nữa vai trò của Viện và là cơ sở để Viện phát triển hơn nữa cũng như trở thành trung tâm khoa học của toàn thể Liên bang.

Theo điều lệ, Viện sẽ chuẩn bị và trình bày lên Hội đồng bộ trưởng Liên-xô xét duyệt các kế hoạch nhìn xa và toàn diện của việc nghiên cứu khoa học ở Liên-xô. Viện cũng sẽ điều hòa phối hợp các công tác khoa học đang tiến hành ở Liên-xô, kết luận và nêu ra những đề nghị về các vấn đề tổ chức công tác khoa học ở Liên-xô.

Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô cũng như trước đây sẽ cộng tác chặt chẽ với các Viện Hàn lâm Khoa học của các nước Cộng hòa trong Liên bang xô-viết, đồng thời sẽ liên hệ khăng khít với mọi cơ quan và tổ chức khoa học, các trường Đại học, các Hội đồng kinh tế nhân dân, các xí nghiệp và các tổ chức công nghiệp làm công tác nghiên cứu trong nước. Để giúp cho việc phát triển sản xuất ở Xi-bê-ri-a và Viễn Đông được đầy mạnh hơn nữa, phân viện Xi-bê-ri-a đã được thành lập.

Theo điều lệ, Viện và các cơ quan trực thuộc làm việc theo kế hoạch do Viện thảo ra dựa theo chỉ thị của Hội đồng bộ trưởng

(1) Những nhà bác học có những công trình nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng bậc nhất về khoa học được bầu làm viện sĩ chính thức. Những nhà bác học nổi tiếng trong từng lĩnh vực khoa học được bầu làm viện sĩ thông tấn.

Liên-xô và Hội đồng bộ trưởng Liên-xô sẽ duyệt kế hoạch về mọi công tác nghiên cứu khoa học quan trọng nhất của Viện.

Một điểm nữa là theo điều lệ, từ nay Viện sẽ không có viện sĩ danh dự nữa và điều lệ qui định là mỗi viện sĩ phải là một người hoạt động khoa học tích cực, một thành viên của một trong những học bộ của Viện, một người tổ chức và lãnh đạo công tác nghiên cứu khoa học của Viện. Như vậy, các viện sĩ sẽ được Viện trao cho mọi quyền rộng rãi trong việc lãnh đạo, tổ chức nghiên cứu khoa học cũng như những phương tiện vật chất cần thiết.

Nhưng trong khi trao cho các viện sĩ nhiều quyền hạn và nhiều khả năng hơn thì điều lệ lại đặt sự hoạt động của họ dưới sự kiểm tra rộng rãi hơn nữa của tổ chức khoa học. Việc thông qua báo cáo công tác của các viện sĩ chính thức và viện sĩ thông tấn từ nay không những phải do các cơ quan lãnh đạo của Viện Hàn lâm hay các học bộ làm, mà còn do các hội đồng khoa học của các viện nghiên cứu làm nữa.

Việc bầu các viện sĩ mới cũng sẽ tiến hành hàng năm (1) chứ không làm một cách thất thường như trước, do đó sẽ tạo khả năng phát triển khoa học mạnh mẽ hơn nữa.

Một số điều khoản qui định việc hoàn thiện các phương pháp lãnh đạo của Viện Hàn lâm và của các cơ quan khoa học trực thuộc cũng đã đề ra.

Việc triệu tập đều đặn (một năm ít nhất hai lần) các khóa họp của hội nghị toàn thể Viện (2) đã được ấn định và quyền hạn của chủ tịch đoàn (3) cũng đã được ấn định tỉ mỉ hơn.

(1) Nghị quyết của Chủ tịch đoàn Viện Hàn lâm về sự ấn định việc bầu cử các viện sĩ chính thức và viện sĩ thông tấn sẽ được công bố ngay trong các báo chí trung ương ít nhất là hai tháng trước ngày bầu cử. Trong vòng một tháng kể từ ngày công bố, các cơ quan khoa học, tổ chức xã hội có quyền gửi cho Viện bản danh sách các ứng cử viên. Tên những ứng cử viên sẽ được công bố trên báo chí. Học bộ sở quan của Viện Hàn lâm sẽ xét duyệt danh sách và giá trị công trình khoa học của ứng cử viên. Việc bầu cử sẽ tiến hành bằng bỏ phiếu kín. Ứng cử viên được $\frac{2}{3}$ số phiếu của toàn thể viện sĩ thuộc học bộ đó mới được trúng cử. Hội nghị toàn thể hàng năm của Viện Hàn lâm sẽ bỏ phiếu tuyển cử viện sĩ do các học bộ đã đề cử. Người nào được đa số phiếu của hội nghị mới được thật sự trúng cử.

Viện sĩ của một học bộ có thể tham gia một học bộ khác nếu có sự đồng ý của học bộ này. Nhưng khi bầu cử các ứng cử viên viện sĩ mới thì viện sĩ đó chỉ có quyền bỏ phiếu ở một học bộ thôi.

Hội nghị toàn thể Viện Hàn lâm có thể tước học vị của viện sĩ nào hoạt động có hại cho Liên-xô theo đúng lệ lỗi như khi tuyển cử.

(2) Hội nghị toàn thể gồm có các viện sĩ chính thức và viện sĩ thông tấn là cơ quan cao nhất của Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô, nhưng trong đó chỉ viện sĩ chính thức mới có quyền bỏ phiếu quyết định.

(3) Chủ tịch đoàn Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô gồm có: chủ tịch Viện Hàn lâm, các phó chủ tịch, tổng thư ký khoa học của chủ tịch

Điều lệ mới mở rộng quyền hạn của Viện trong việc giải quyết nhiều vấn đề phát triển khoa học. Viện có quyền thành lập những cơ quan nghiên cứu khoa học trực thuộc như các viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, đài thiên văn, thư viện, viện bảo tàng, v.v... và có quyền tham gia trong việc xây dựng những cơ quan và tổ chức khoa học quốc tế theo hiệp định ký kết với các nước khác cũng như tham gia vào các công tác lớn về khoa học ở quốc tế.

Tóm lại, điều lệ mới là một biện pháp quan trọng cho sự tiến bộ mạnh mẽ và lâu dài của nền khoa học xô-viết. Nó sẽ giúp Viện khắc phục được những lề lối lãnh đạo quan liêu giấy tờ trong công tác khoa học đã và đang xuất hiện ở một số trường hợp. Nó sẽ huy động ngày càng rộng hơn nữa đội ngũ khoa học xô-viết để tăng thêm sự cống hiến của Viện trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

NGUYỄN KHẮC ĐẠM

đoàn và các ủy viên chủ tịch đoàn (các viện sĩ thư ký các học bộ và các ủy viên khác).

Chủ tịch Viện Hàn lâm và các phó chủ tịch được hội nghị toàn thể Viện Hàn lâm bầu ra trong số những viện sĩ chính thức với thời gian 5 năm và đa số phiếu tương đối.

Những viện sĩ thư ký các học bộ do hội nghị toàn thể học bộ bầu trong số những viện sĩ chính thức với thời gian 3 năm và phải được hội nghị toàn thể Viện Hàn lâm thông qua với đa số phiếu tương đối.

Những ủy viên khác của chủ tịch đoàn do hội nghị toàn thể Viện Hàn lâm bầu ra trong số những viện sĩ chính thức với thời gian 3 năm và đa số phiếu tương đối.

Tổng thư ký khoa học của chủ tịch đoàn do chủ tịch đoàn bầu ra trong số những viện sĩ chính thức của Viện Hàn lâm Khoa học Liên-xô.

ИСТОРИЧЕСКИЕ ИССЛЕДОВАНИЯ

Ежемесячный научный журнал Вьетнамского института истории

Главный редактор: ЧАН ХЮИ ЛИЕУ

Адрес редакции: ДРВ, Ханой, улица Хан Тхюен, 16-18—Телефон: 1083

№ 8 октябрь 1959

СОДЕРЖАНИЕ

ВЬЕТНАМСКИЙ ИНСТИТУТ ИСТОРИИ — Активизировать систематическое изучение марксизма — ленинизма работниками исторической науки	1
ТИЕМ ТЭ — Как восприняли народы Востока уроки Октябрьской революции?	16
ДАО ТУНГ — Огромное значение гениального произведения Ленина „Материализм и эмпириокритицизм“ для современной идеологической борьбы.	41
ОТДЕЛ ОХРАНЫ ПАМЯТНИКОВ СТАРИНЫ — Конкретные сведения о медных наконечниках стрел, найденных в районе Ко-лоа.	58
— О творческом применении марксистско-ленинской теории в исследовании проблем востоковедения (советский журнал „Проблемы востоковедения“ № 3 — 1959)	67
ЧАН ХЮИ ЛИЕУ — Отражение вьетнамского революционного движения в литературных произведениях вьетнамских авторов (<i>продолжение</i>).	83
ИСТОРИЧЕСКАЯ НАУКА ЗА РУБЕЖОМ	95

歷史研究集刊

主任：陳輝燎

越南史學院編輯

地址：河內翰詮街 16-18 號 — 電話：1083

1959 年 10 月第八期

目 錄

論 著

- 積極地有系統地推進史學幹部對馬列主
的學習..... 越南史學院 (1)
- 東方人民怎樣地從十月革命吸收了經驗
教訓 瞻 濟 (16)
- 列寧的天才巨著“唯物主義與經驗批判
主義”對現代思想鬥爭的偉大價值 陶 松 (41)
- 關於在古螺城發掘的古代銅箭的具體報導
保存保藏司 (58)
- 論在研究東方的各種問題上有創造性地
運用馬克思——列寧主義 (譯自蘇聯
“東方學問題”雜誌 1959 年第三期) (67)
- 從詩歌文學中看越南革命運動 (續) 陳輝燎 (83)
- 歷史科學在國外 (95)

本刊和其他由越南史學院編著的各種書籍是由
文史地出版社出版
訂購處：越南書刊出版所
(地址：河內二徵烈女街 32 號)

VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

Xuất bản — Khổ 16 x 24

In tại nhà in Vũ Hùng 9, phố Văn miếu, Hà-nội

REVUE DES ÉTUDES HISTORIQUES

Directeur : TRẦN HUY LIỆU

Rédaction et administration : Institut d'Histoire du Viêt-nam

16-18, Rue Hàn Thuyên, Hà-nội — Téléphone : 1083

N° 8 — OCTOBRE 1959

SOMMAIRE

INSTITUT D'HISTOIRE DU VIỆT NAM — Nécessité pour les travailleurs de la science historique de pousser plus avant l'étude systématique du marxisme — léninisme	1
CHIÊM TẾ — Comment les peuples d'Orient se sont assimilés les enseignements de la Révolution d'Octobre ?	16
ĐÀO TÙNG — La valeur de l'œuvre géniale de Lénine: « Matérialisme et empirio-criticisme » dans la lutte idéologique actuelle	41
SERVICE DE CONSERVATION DES MONUMENTS ET DES MUSÉES — Rapport détaillé sur les pointes de flèches en cuivre découvertes aux environs de Cồ-loa	58
+ À propos de l'application créatrice du marxisme — léninisme dans l'étude des problèmes d'Orient (« Questions d'études orientales » N° 3-1959)	67
TRẦN HUY LIỆU — Le mouvement révolutionnaire vietnamien à travers les documents littéraires (suite)	83
SCIENCE HISTORIQUE À L'ÉTRANGER	95

POUR LA REVUE
ET LES LIVRES



DES

ÉDITIONS « LITTÉRATURE
HISTOIRE — GÉOGRAPHIE »

les commandes sont à adresser au

BUREAU D'EXPORTATION DU LIVRE ET DE LA PRESSE

== 32, Rue Hai Bà Trưng, Hà-nội — Viêt-nam ==

NHÀ XUẤT BẢN VĂN SỬ ĐỊA

16-18, PHỐ HÀN THUYỀN — HÀ-NỘI

KỶ NIỆM LẦN THỨ 42 CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI,
CÁC BẠN HÃY TÌM ĐỌC :

PHƯƠNG ĐÔNG TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ

(1917-1959)

của CHIÊM TẾ

★ Là một cuốn sách nghiên cứu lịch sử hiện đại các nước châu Á (tập này nói về miền Đông Á và Đông Nam Á). Nó đặc biệt chú trọng nghiên cứu ảnh hưởng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của mỗi một nước ở phương Đông. Ảnh hưởng đó biểu hiện tập trung nhất và sâu sắc nhất qua sự thành lập và phát triển của các Đảng Cộng sản và Công nhân anh em ở Trung-quốc, Mông-cổ, Triều-tiên, Nhật-bản, In-đô-nê-xi-a, Ấn-độ, Miến-điện, Mã-lai...

★ Cuốn sách nêu lên vai trò tiên phong của giai cấp công nhân ở mỗi một nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông trong sự nghiệp đấu tranh cho độc lập dân tộc và tự do dân chủ. Tác giả phân tích những biểu hiện của sự tan rã của chủ nghĩa thực dân, đồng thời giới thiệu những thắng lợi rực rỡ đầu tiên mà nhân dân phương Đông đạt được trong công cuộc đấu tranh củng cố độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ hòa bình thế giới.

★ Tóm lại, tác giả cố gắng nêu lên sự thắng lợi huy hoàng của học thuyết Mác — Lê-nin áp dụng vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng ở phương Đông.